

economics

8th Edition

Damian Ward  
David Begg

Bài tập  
Kinh tế học



Education

[www.mcgraw-hill.co.uk](http://www.mcgraw-hill.co.uk)



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

[www.nxbthongke.com.vn](http://www.nxbthongke.com.vn)

**Bài tập**  
**Kinh tế học**

© Sách được McGraw-Hill ủy quyền  
cho Nhà xuất bản Thống kê  
độc quyền dịch, xuất bản tại Việt Nam.

Damian Ward  
David Begg

# Bài tập Kinh tế học

*Biên dịch:* Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế  
Đại học Kinh tế quốc dân

*Hiệu đính:* ThS. Hồ Đình Bảo



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ  
Hà Nội, tháng 3/2007

Economics Student Workbook Eighth Edition  
Damian Ward and David Begg  
ISBN 10: 0-07-7107802  
ISBN 13: 978-0077107802



Published by McGraw-Hill Education  
Shoppenhangers Road  
Maidenhead  
Berkshire  
SL6 2QL  
Telephone: 44 (0) 1628 502 500  
Fax: 44 (0) 1628 770 224  
Website: [www.mcgraw-hill.co.uk](http://www.mcgraw-hill.co.uk)

Original edition copyright 2005 McGraw-Hill International  
(UK) Limited. All rights reserved.

BÀI TẬP KINH TẾ HỌC by Damian Ward and David Begg  
8<sup>th</sup> edition copyright 2007 by Statistical Publishing House.  
All rights reserved.

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

**V**iệt Nam đã gia nhập WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới). Đây là cơ hội to lớn nhưng cũng là thách thức không nhỏ khi phải hội nhập hoàn toàn với cơ chế thị trường. Vì thế, việc nắm bắt được những kiến thức kinh tế học hiện đại là rất cần thiết đối với những người nghiên cứu và học tập trong lĩnh vực kinh tế.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đó, McGraw-Hill đã ủy quyền cho Nhà xuất bản Thống kê độc quyền dịch, xuất bản tại Việt Nam bộ sách gồm hai cuốn:

- (1) **BÀI TẬP KINH TẾ HỌC**, phiên bản thứ 8, tác giả Damian Ward và David Begg;
- (2) **KINH TẾ HỌC**, phiên bản thứ 8, tác giả David Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch.

Đây là bộ sách lớn về kinh tế học được cả thế giới ưa chuộng, đã được Nhà xuất bản Thống kê phối hợp với trường Đại học Kinh tế quốc dân dịch và phát hành tại Việt Nam năm 1992 (phiên bản thứ 3). Đến lần xuất bản này, đã sửa đổi, bổ sung nhiều so với lần xuất bản trước như: về lý luận, ví dụ minh họa được cập nhật mang tính thời sự, phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội thế giới đương thời.

Cũng như cuốn lý thuyết, cuốn bài tập này có 36 chương tương ứng. Nội dung hỗ trợ, củng cố, nâng cao kiến thức về kinh tế cho người đọc sau khi nghiên cứu xong phần lý thuyết. Trong mỗi chương đều đề cập đến: mục tiêu nghiên cứu; nội dung cần nắm được; kiểm tra nhanh kiến thức bằng câu hỏi đúng/sai; tìm những thuật ngữ phù hợp với khái niệm; ứng dụng kiến thức đã học vào các bài tập thông thường, bài tập tình huống; sau cùng là câu hỏi tư duy.

Thật thiếu sót khi không kể đến phần đáp án. Phần này ở cuối sách, giúp người đọc đánh giá xem mình đã nắm được kiến thức ở mức độ nào sau khi thực hành các bài tập của sách.

Cuốn sách được nhóm giảng viên đang giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế quốc dân biên dịch: PGS-TS. Vũ Kim Dũng; PGS-TS. Phạm Văn Minh;

*PGS-TS. Nguyễn Văn Công; PGS-TS. Cao Thúy Xiêm; ThS. Nguyễn Việt Hưng; ThS. Hoàng Thúy Nga; ThS. Trần Hương Giang. Hiệu đính bản dịch: ThS. Hồ Đình Bảo.*

*Trong quá trình biên dịch cuốn sách, khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn. Thư góp ý xin gửi về Phòng sách Tin học và Giáo trình - Nhà xuất bản Thống kê, địa chỉ: Số 86 - 98 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội; Email: [nxbthongke-cbi@fpt.vn](mailto:nxbthongke-cbi@fpt.vn).*

*Xin chân thành cảm ơn!*

**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ**

## Mục lục

Lời Nhà xuất bản	v
Mục lục	vii
Quy trình đọc	ix

### **Phần một**    **Giới thiệu**    **1**

1. Kinh tế học và nền kinh tế	3
2. Các công cụ phân tích kinh tế	8
3. Cầu, cung và thị trường	14

### **Phần hai**    **Kinh tế học vi mô thực chứng**    **19**

4. Độ co giãn của cung và cầu	21
5. Sự lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu	27
6. Các quyết định cung ứng	34
7. Chi phí và cung	39
8. Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy	45
9. Cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo	52
10. Thị trường lao động	58
11. Các loại lao động	65
12. Các thị trường yếu tố và phân phối thu nhập	70
13. Rủi ro và thông tin	75
14. Nền kinh tế thông tin	80

### **Phần ba**    **Kinh tế học phúc lợi**    **85**

15. Kinh tế học phúc lợi	87
16. Thu và chi của chính phủ	93
17. Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh	99
18. Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân?	104

### **Phần bốn**    **Kinh tế học vĩ mô**    **109**

19. Giới thiệu về kinh tế học vĩ mô	111
20. Sản lượng và tổng cầu	117
21. Chính sách tài khóa và ngoại thương	123



22. Tiền tệ và hoạt động ngân hàng	129
23. Lãi suất và cơ chế lan truyền tiền tệ	134
24. Chính sách tiền tệ và tài khóa	139
25. Tổng cung, giá cả và sự điều chỉnh đối với những cú sốc	144
26. Lạm phát, kỳ vọng và độ tin cậy	150
27. Thất nghiệp	156
28. Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán	162
29. Kinh tế học vĩ mô cho nền kinh tế mở	168
30. Tăng trưởng kinh tế	172
31. Chu kỳ kinh doanh	177
32. Kinh tế học vĩ mô: Tổng kết	182

### **Phần năm . Kinh tế thế giới**

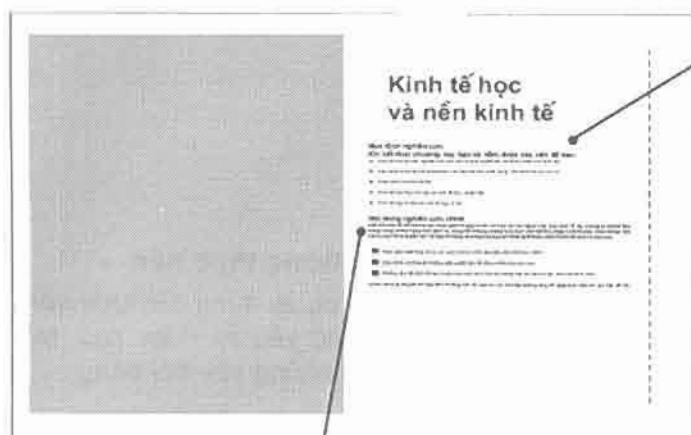
**188**

33. Thương mại quốc tế	189
34. Các chế độ tỷ giá hối đoái	196
35. Hội nhập châu Âu	201
36. Các nước kém phát triển	206

### **Đáp án và bình giải**

**213**

## Quy trình đọc



### Kết quả nghiên cứu

Mỗi chương mở đầu với một loạt các mục tiêu nghiên cứu, tổng kết những cái mà người đọc cần hiểu. Chúng tương ứng với các chương trong sách lý thuyết.

### Các hình và bảng

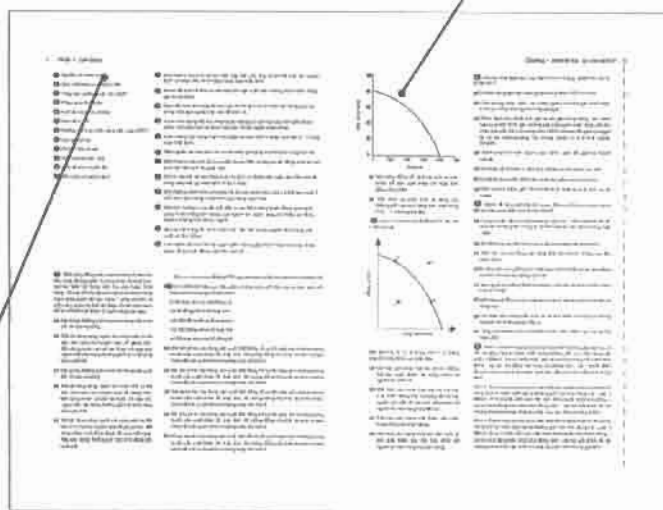
Mỗi chương đưa ra một số hình và bảng để giúp bạn hình dung về các mô hình kinh tế khác nhau và để minh họa, tổng kết các khái niệm quan trọng.

### Những nội dung nghiên cứu chính

Được kết cấu thành từng nhóm, cuốn sách bài tập giúp bạn tách biệt các nội dung nghiên cứu chính của mỗi chương trong sách lý thuyết. Điều này giống như một danh sách hữu ích để bạn xem lại, giúp bạn tập trung vào những nội dung quan trọng nhất.

### Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

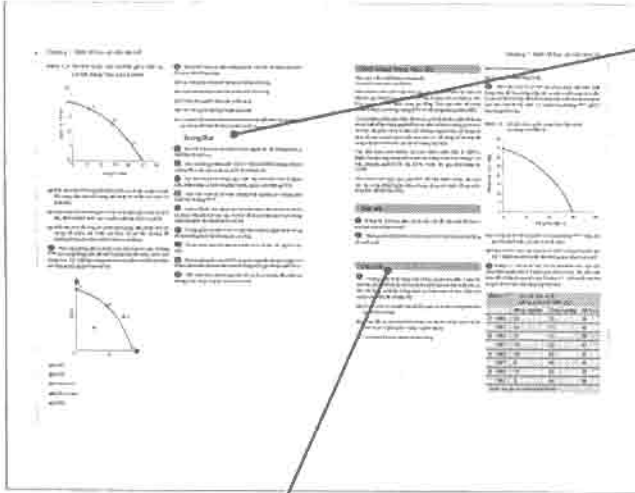
Kết hợp mỗi thuật ngữ trong danh sách với một định nghĩa tương thích với nó. Bài tập này giúp bạn xem lại một cách ngắn gọn các thuật ngữ và khái niệm chuyên môn mà bạn đã học trong sách



lý thuyết để đảm bảo rằng bạn có được hiểu biết chắc chắn về các khái niệm cần thiết đó của kinh tế học.

### Bài tập

Hàng loạt các bài tập đưa ra cho phép bạn thực hành các kỹ thuật bạn đã được học và áp dụng phương pháp luận kinh tế học. Chúng bao gồm các bài tập đồ thị cũng như các câu hỏi dưới dạng trả lời ngắn gọn, bổ sung cho các câu hỏi ôn tập của sách lý thuyết.



**Đúng/Sai**

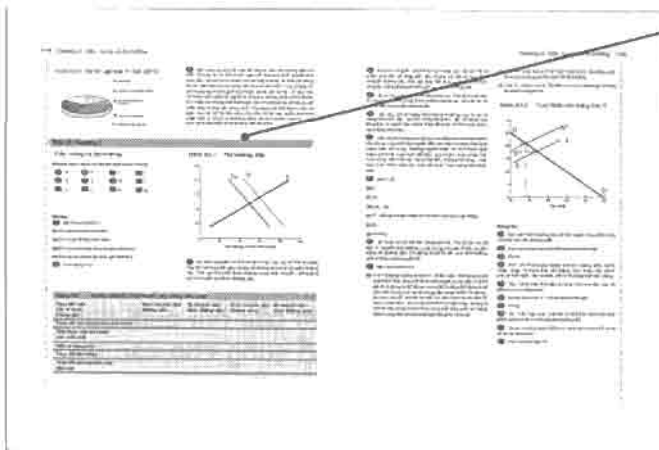
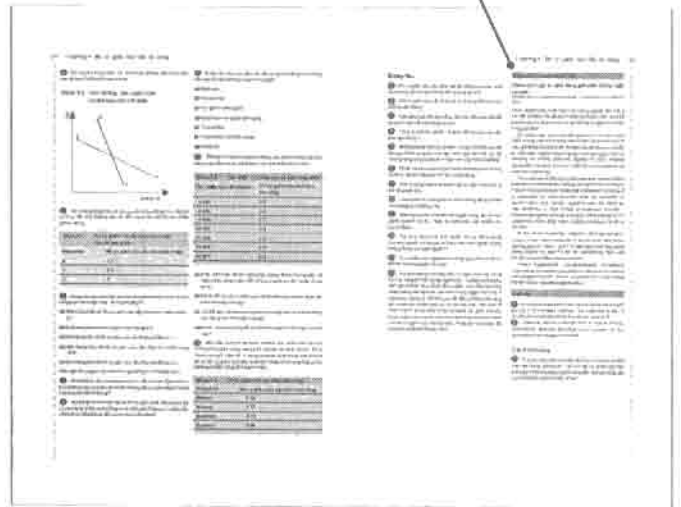
Những câu hỏi nhanh, kiểm tra hiểu biết của bạn về các khái niệm kinh tế học cơ bản.

**Kinh tế học trong thực tiễn**

Đưa ra các ví dụ áp dụng các khái niệm kinh tế học chủ yếu đã được học. Mỗi tình huống có những câu hỏi riêng.

**Câu hỏi tư duy**

Những câu hỏi này giúp bạn ôn tập lại và áp dụng các kiến thức mà bạn đạt được của mỗi chương. Chúng có thể là các câu hỏi ôn tập bổ ích cho các kỳ thi.

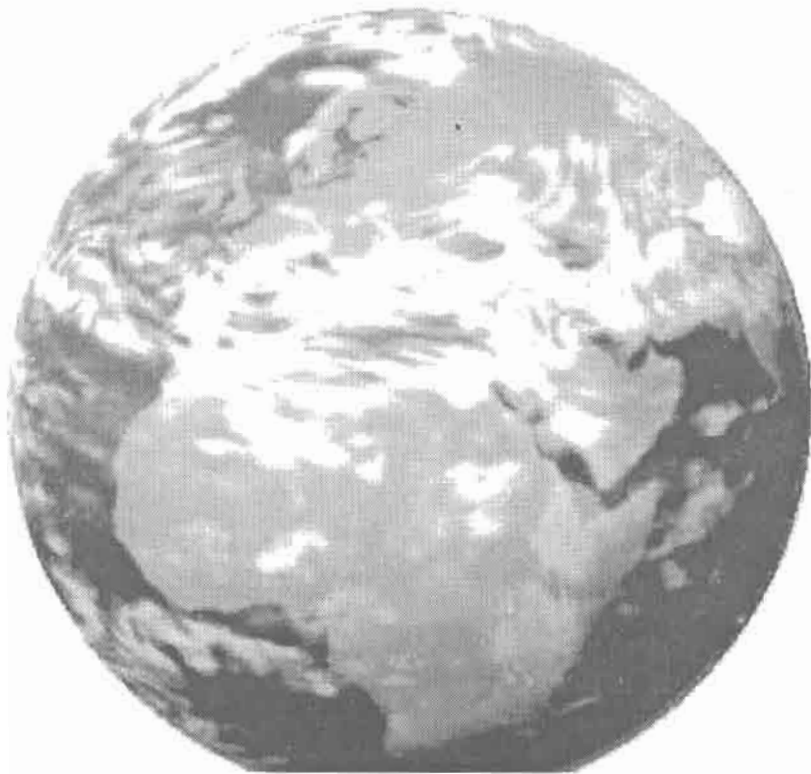


**Đáp án**

Phần hai của sách bài tập này cung cấp các đáp án cho các câu hỏi và bài tập. Sử dụng chúng để kiểm tra lại sự tiến bộ của bạn trong học tập.

**Phần một**

# **Giới thiệu**



# Kinh tế học và nền kinh tế

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Kinh tế học là việc nghiên cứu cách thức xã hội giải quyết vấn đề khan hiếm
- Các cách thức xã hội quyết định các vấn đề sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai
- Khái niệm chi phí cơ hội
- Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc
- Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

## Nội dung nghiên cứu chính

Vấn đề kinh tế cốt yếu là lựa chọn giữa mong muốn vô hạn và các nguồn lực hữu hạn. Ví dụ, chúng ta muốn tiêu dùng càng nhiều hàng hoá dịch vụ càng tốt nhưng chúng ta bị hạn chế bởi thu nhập và thời gian. Kinh tế học tìm kiếm cách thức lý giải vấn đề này và trong chương này bạn sẽ được giới thiệu một số vấn đề quan trọng sau:

- 1 Hàm sản xuất là gì và nó có quan hệ như thế nào đến vấn đề khan hiếm?
- 2 Các chính phủ và thị trường giải quyết vấn đề khan hiếm như thế nào?
- 3 Những vấn đề kinh tế nào thuộc vào kinh tế vi mô và những vấn đề nào thuộc vào kinh tế vĩ mô?

Cuốn sách lý thuyết đã đề cập đến những vấn đề này và các bài tập tương ứng sẽ giúp bạn hiểu rõ các vấn đề đó.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

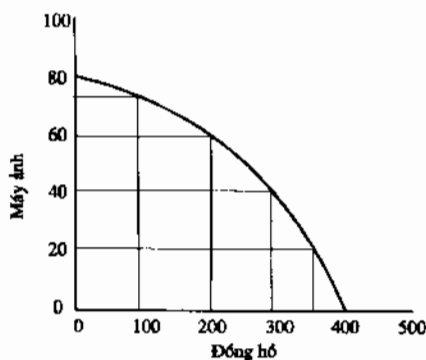
Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- |   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a</b> Nguồn lực khan hiếm</li> <li><b>b</b> Quy luật hiệu suất giảm dần</li> <li><b>c</b> Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)</li> <li><b>d</b> Phân phối thu nhập</li> <li><b>e</b> Kinh tế học thực chứng</li> <li><b>f</b> Kinh tế vi mô</li> <li><b>g</b> Đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)</li> <li><b>h</b> Chi phí cơ hội</li> <li><b>i</b> Kinh tế học vĩ mô</li> <li><b>j</b> Nền kinh tế hỗn hợp</li> <li><b>k</b> Kinh tế học chuẩn tắc</li> <li><b>l</b> Nền kinh tế mệnh lệnh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>1</b> Một bộ phận của kinh tế học đề cập đến các ứng xử chi tiết của các quyết định cá nhân đối với những hàng hoá nhất định.</li> <li><b>2</b> Mệnh đề kinh tế đưa ra các khuyến nghị dựa trên những nhận định mang giá trị cá nhân.</li> <li><b>3</b> Một nền kinh tế trong đó khu vực chính phủ và khu vực tư nhân tác động qua lại trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế.</li> <li><b>4</b> Cách thức trong đó thu nhập (của một quốc gia hay của thế giới) được phân chia cho các cá nhân hay các nhóm người khác nhau.</li> <li><b>5</b> Khối lượng các hàng hoá khác phải hy sinh để có thêm một đơn vị của một hàng hoá nhất định.</li> <li><b>6</b> Một nguồn lực mà cầu của nó tại mức giá bằng 0 vượt quá cung của nó.</li> <li><b>7</b> Một bộ phận của kinh tế học nhấn mạnh đến những sự tác động qua lại của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.</li> <li><b>8</b> Giá trị tất cả các hàng hoá và dịch vụ được sản xuất của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, ví dụ 1 năm.</li> <li><b>9</b> Một đường minh hoạ số lượng tối đa của một hàng hoá có thể sản xuất ở mỗi mức sản lượng nhất định của hàng hoá khác.</li> <li><b>10</b> Một tình huống mà khi ngày càng có nhiều lao động được sử dụng hơn trong ngành thì mỗi đơn vị lao động tăng thêm đóng góp ngày càng ít vào tổng sản lượng của ngành.</li> <li><b>11</b> Một xã hội trong đó chính phủ thực hiện tất cả các quyết định trong sản xuất và tiêu dùng.</li> <li><b>12</b> Các mệnh đề kinh tế liên quan đến những giải thích khoa học hay khách quan về sự hoạt động của nền kinh tế.</li> </ul> |
|---|--|

### Bài tập

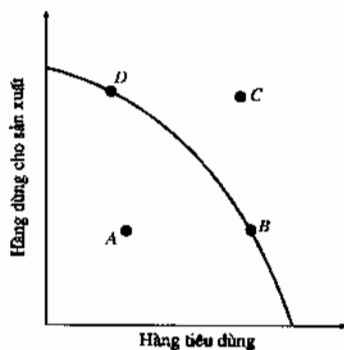
- 1** Một cộng đồng dân cư sinh sống ở một hòn đảo nhiệt đới bao gồm 5 công nhân mà thời gian của họ được sử dụng việc hái dứa hoặc nhặt trứng rùa. Không phụ thuộc vào việc bao nhiêu công nhân được phân bổ vào cùng 1 công việc, cứ mỗi công nhân có thể hái được 20 trái dứa hoặc đổi lại có thể nhặt được 10 quả trứng rùa một ngày.
- (a) Xây dựng đường PPF đối với dứa và trứng rùa.
- (b) Giả sử rằng công nghệ hái lượm mới ra đời làm cho việc thu hoạch dứa dễ dàng hơn. Mỗi công nhân có thể hái được 28 trái dứa mỗi ngày. Hãy xây dựng đường PPF mới.
- 2** Hình 1-1 minh hoạ đường PPF của một xã hội đối với máy ảnh và đồng hồ.
- (a) Chỉ ra mỗi kết hợp sau đây giữa 2 hàng hoá, kết hợp nào là hiệu quả, phi hiệu quả và không thể đạt được:
- (i) 60 máy ảnh và 200 đồng hồ.
  - (ii) 60 đồng hồ và 80 máy ảnh.
  - (iii) 300 đồng hồ và 35 máy ảnh.
  - (iv) 300 đồng hồ và 40 máy ảnh.
  - (v) 58 máy ảnh và 250 đồng hồ.
- (b) Giả sử xã hội này đang sản xuất 300 đồng hồ và 40 máy ảnh nhưng mong muốn sản xuất thêm 20 máy ảnh. Số lượng đồng hồ phải hy sinh là bao nhiêu để sản xuất thêm số lượng máy ảnh trên?

**Hình 1-1** Đường giới hạn khả năng sản xuất



- (c) Số lượng đồng hồ phải hy sinh là bao nhiêu để sản xuất thêm 20 máy ảnh (tổng cộng 80)?
  - (d) Giải thích sự khác biệt về dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất trong Hình 1-1 và trong bài tập 1.
- 3** Hình 1-2 minh họa đường PPF đối với 1 nền kinh tế.

**Hình 1-2** Đường giới hạn khả năng sản xuất đối với một nền kinh tế



Mỗi điểm A, B, C, D trong Hình 1-2 tương ứng với nhận định nào dưới đây:

- (a) Kết hợp các hàng hoá mà xã hội không thể sản xuất được với công nghệ và nguồn lực hiện có.
- (b) Kết hợp các hàng hoá mà xã hội sản xuất được bằng việc sử dụng tất cả các nguồn lực sẵn có mà chủ yếu phân bổ nguồn lực cho hàng hoá tư liệu.
- (c) Kết hợp các hàng hoá được sản xuất trong thời kỳ khủng hoảng.
- (d) Kết hợp các hàng hoá mà nền kinh tế sản xuất được mà chủ yếu phân bổ nguồn lực cho hàng hoá tiêu dùng.

**4** Những nhận định nào sau đây là thực chứng, nhận định nào là chuẩn tắc?

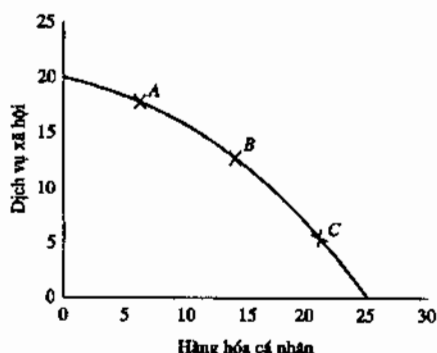
- (a) Giá dầu tăng lên hơn 3 lần giữa những năm 1973 và 1974.
- (b) Cuối những năm 1990, các nước nghèo của thế giới nhận được thu nhập ít hơn trong tổng thu nhập thế giới.
- (c) Phân phối thu nhập thế giới rất bất công bằng, các nước nghèo chiếm 35% dân số thế giới nhưng chỉ nhận được 2% thu nhập thế giới.
- (d) Từ những năm 1970, lạm phát đã giảm xuống ở hầu hết các nước phương Tây nhưng ngược lại tỷ lệ thất nghiệp tăng lên.
- (e) Chính phủ Liên hiệp Anh nên đưa ra các chính sách để giảm tỷ lệ thất nghiệp.
- (f) Hút thuốc lá là hành vi chống lại xã hội và nên được hạn chế.
- (g) Áp đặt thuế cao đối với thuốc lá sẽ làm giảm việc hút thuốc.
- (h) Nền kinh tế Mỹ là gần với hệ thống thị trường tự do hơn so với Cuba.

**5** Mệnh đề nào dưới đây liên quan đến kinh tế học vi mô, mệnh đề nào liên quan đến kinh tế học vĩ mô?

- (a) Cùng với các nền kinh tế phương Tây khác, Liên hiệp Anh đã đối mặt với sự gia tăng tỷ lệ thất nghiệp vào đầu những năm 1990.
- (b) Áp đặt thuế cao đối với thuốc lá sẽ làm giảm việc hút thuốc.
- (c) Việc làm cho lao động ngành xây dựng tăng lên nhanh chóng vào đầu năm 2000.
- (d) Sự tăng lên trong tổng thu nhập toàn xã hội đồng nghĩa với việc chi tiêu tiêu dùng cao hơn.
- (e) Một người lao động được trả lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng hoá xa xỉ hơn.
- (f) Một hãng sẽ đầu tư vào máy móc thiết bị nếu tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng cao.
- (g) Lãi suất cao trong nền kinh tế có thể được kỳ vọng là không khuyến khích tổng mức đầu tư.
- (h) GDP của Liên hiệp Anh năm 2004 cao hơn so với năm 2001.

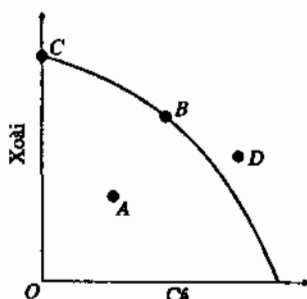
**6** Hình 1-3 minh họa sự lựa chọn của một xã hội giữa dịch vụ xã hội và hàng hoá tư nhân dưới dạng đường PPF. 3 điểm A, B và C biểu diễn các nền kinh tế trong đó chính phủ đóng vai trò chủ động hơn hoặc thụ động hơn. Liên hệ mỗi điểm đó với những mô tả phù hợp nhất sau đây của các nền kinh tế giả định.

**Hình 1-3** Sự lựa chọn của xã hội giữa dịch vụ xã hội và hàng hóa cá nhân



- (a) Một nền kinh tế, trong đó chính phủ giảm thiểu sự can thiệp, cung cấp một số lượng cần thiết tối thiểu các dịch vụ thiết yếu.
- (b) Một nền kinh tế trong đó chính phủ nắm giữ trách nhiệm lớn, đánh thuế ở mức cao và cung cấp nhiều dịch vụ xã hội.
- (c) Một nền kinh tế trong đó chính phủ cung cấp nhiều hơn số lượng tối thiểu cần thiết các dịch vụ xã hội, nhưng để khoảng trống cho khu vực tư nhân hoạt động.
- 7** Một cộng đồng dân cư bắt cá và thu hoạch xoài. Đường PPF của cộng đồng này đối với 2 hàng hoá đó được minh họa trong Hình 1-4. Kết hợp hàng hoá nào sau đây có thể đạt được với ràng buộc nguồn lực hiện tại.

**Hình 1-4** Cá hay xoài?



- (a) Chỉ A.
- (b) Chỉ B.
- (c) Chỉ A và B.
- (d) Chỉ A, B và C.
- (e) Chỉ D.

**8** Mệnh đề nào sau đây không chính xác đối với một nền kinh tế mệnh lệnh thuần túy?

- (a) Các hãng lựa chọn số lượng lao động sử dụng.
- (b) Chính phủ kiểm soát việc phân phối thu nhập.
- (c) Chính phủ quyết định sản xuất cái gì.
- (d) Các kỹ thuật sản xuất không do hãng quyết định.
- (e) Cơ quan kế hoạch hoá của chính phủ quyết định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.

### Đúng/Sai

- 1** Kinh tế học xem xét hành vi con người, do đó không phải là một môn khoa học.
- 2** Các cú sốc giá dầu năm 1973 - 1974 và 2004 không có ảnh hưởng đến vấn đề sản xuất cái gì ở Liên hiệp Anh.
- 3** Sự mở rộng khả năng sản xuất của một nền kinh tế được biểu diễn bằng sự dịch chuyển ra bên ngoài của đường PPF.
- 4** Một nền kinh tế có hiện tượng thất nghiệp sẽ không sản xuất trên đường PPF.
- 5** Adam Smith cho rằng, các cá nhân mưu cầu lợi ích cá nhân sẽ được dẫn dắt bởi bàn tay vô hình để thực hiện các hành động nằm trong lợi ích của toàn bộ xã hội.
- 6** Trung Quốc là một ví dụ về một nền kinh tế mệnh lệnh, trong đó thị trường tư nhân không có vai trò gì.
- 7** Chính phủ nên trợ cấp cho dịch vụ y tế đối với người cao tuổi.
- 8** Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là giá trị của tất cả các hàng hoá mà một nền kinh tế sản xuất được trong một giai đoạn nhất định.
- 9** Rất nhiều lập luận trong kinh tế học thực chứng dẫn đến sự thống nhất rộng rãi giữa các nhà kinh tế.



## Kinh tế học trong thực tiễn

### Cho vay cầm cố tiếp tục bùng nổ

(Theo BBC Online news, 24/05/2004)

Hàm muốn của Liên hiệp Anh đối với những khoản nợ cầm cố tiếp tục gia tăng trong tháng 4, nhưng những con nợ hiện tại ngày càng tỏ ra thận trọng. Cho vay cầm cố trong tháng 4 đạt 25 tỷ bảng - tăng 25% so với cùng tháng năm 2003.

Trong những năm gần đây, rất nhiều chủ sở hữu nhà cửa sử dụng tốt lãi suất thấp trong quá khứ và tái cầm cố cho những giao dịch rẻ hơn, cắt giảm chi phí cầm cố. Những người khác sử dụng tài sản cầm cố như là một cách thức cho vay rẻ - để củng cố nợ hay để cung cấp tài chính cho các dự án nâng cấp nhà.

Vào đầu tuần, ra đời Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC), Ngân hàng trung ương Anh tranh cãi trong cuộc họp tháng 5 về việc tăng lãi suất từ 4% lên 4,5%, trước khi quy định tăng lên 4,25%.

Việc đưa ra thông báo của MPC đã tiếp thêm nhiên liệu cho các kỳ vọng rằng Ngân hàng trung ương sẽ hành động sớm, tăng lãi suất lên hơn nữa.

### Câu hỏi

- 1 Bùng nổ cho vay cầm cố là một vấn đề của kinh tế học vĩ mô hay kinh tế học vi mô?
- 2 Những hàm ý kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô của sự gia tăng lãi suất là gì?

### Câu hỏi tư duy

1 Chúng ta đã thấy, rằng kinh tế học quan tâm đến 3 câu hỏi cơ bản: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai. Đối với từng sự kiện trong năm sự kiện kinh tế sau, hãy suy nghĩ về 3 vấn đề cơ bản đó:

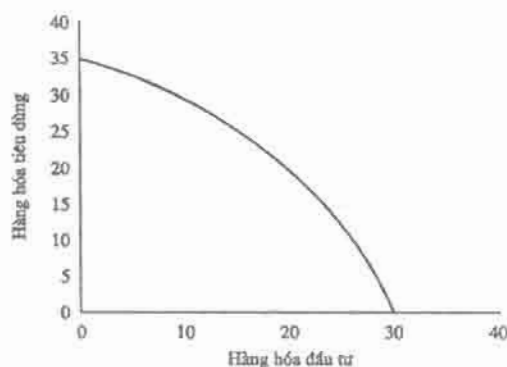
- (a) Khám phá ra nguồn dự trữ lớn gas tự nhiên trong một khu vực dễ khai thác.
- (b) Thay đổi cơ cấu thuế thu nhập, do đó thu nhập được phân phối lại từ “người giàu” sang “người nghèo”.
- (c) Tư nhân hóa một ngành quan trọng.

(d) Phát minh ra máy vi tính.

(e) Tăng giá hàng nhập khẩu.

2 Một nền kinh tế có thể lựa chọn giữa việc sản xuất hàng hóa để tiêu dùng hiện tại và sản xuất hàng hóa đầu tư mà có ảnh hưởng đến khả năng sản xuất trong tương lai của nền kinh tế đó. Hình 1-5 minh họa đường PPF giữa 2 loại hàng hóa này.

**Hình 1-5** Sự lựa chọn giữa hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu tư



- (a) Chúng ta có thể nói gì về vị trí của đường PPF trong các giai đoạn kế tiếp của nền kinh tế này?
- (b) Đáp án cho câu (a) của bạn bị ảnh hưởng như thế nào bởi 1 điểm lựa chọn nhất định trong giai đoạn hiện tại?
- 3 Bảng 1-1 mô tả số liệu về cơ cấu theo khu vực của sản phẩm quốc dân ở 4 quốc gia. Xem xét cơ cấu sản xuất thay đổi trong tổng sản phẩm ở Bảng 1-1. Mỗi quốc gia đạt tới giai đoạn nào của công nghiệp hóa?

**Bảng 1-1** Cơ cấu sản xuất (đóng góp vào GDP (%))

Quốc gia	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
A 1965	52	13	35
1997	44	17	39
B 1965	51	13	36
1997	16	42	41
C 1965	38	25	37
1997	6	43	51
D 1965	10	44	46
1997	2	38	60

Nguồn: World Development Report 1998/99.

# Các công cụ phân tích kinh tế

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Tại sao lý thuyết là sự đơn giản hoá thực tế có chủ tâm
- Dãy số thời gian và dữ liệu chéo
- Làm thế nào để xây dựng chỉ số
- Biến danh nghĩa và biến thực tế
- Làm thế nào để xây dựng một mô hình lý thuyết đơn giản
- Làm thế nào để minh hoạ dữ liệu bằng đồ thị và giải thích biểu đồ điểm
- Làm thế nào sử dụng “các yếu tố khác không đổi” để bỏ qua, nhưng không quên, những ảnh hưởng quan trọng

## Nội dung nghiên cứu chính

Bạn đã thấy rằng, kinh tế khác những môn học mà các bạn đã từng học. Các nhà kinh tế có ngôn ngữ riêng của họ, thường sử dụng biểu đồ và phương trình, cũng như với nhiều môn khoa học tự nhiên, nhằm làm dữ liệu số và lý thuyết phù hợp với nhau. Vấn đề trọng tâm mà bạn cần làm quen là:

- 1 Các nhà kinh tế thường xây dựng những mô hình đơn giản: tại sao? Một phần câu trả lời cho câu hỏi này là vì những mô hình đơn giản với những mối quan hệ đơn giản có thể được kiểm tra bằng cách sử dụng dữ liệu số đơn giản, vì thế hai vấn đề tiếp theo là:
- 2 Các nhà kinh tế sử dụng loại dữ liệu nào?
- 3 Các nhà kinh tế sử dụng những dữ liệu đó để kiểm tra lý thuyết như thế nào? Đồ thị là một cách tiếp cận đơn giản, mô hình kinh tế tiên tiến hơn nhiều.

Cuốn sách lý thuyết đã đề cập chi tiết tất cả các vấn đề trên và bạn có thể sử dụng các câu hỏi dưới đây để củng cố vốn kiến thức của mình xung quanh những vấn đề đó.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>a</b> Tỷ lệ tăng trưởng         | <b>1</b> Một chuỗi giá trị của biến tại các thời điểm khác nhau.   |
| <b>b</b> Chỉ số                    | <b>2</b> Quan hệ mà giá trị của một biến càng lớn thì giá trị của biến kia càng nhỏ.   |
| <b>c</b> Mô hình                   | <b>3</b> Giá của một hàng hoá tương ứng với mức giá chung của hàng hoá.  |
| <b>d</b> Biến danh nghĩa           | <b>4</b> Một giả định đơn giản hoá cho phép các nhà kinh tế tập trung vào những mối quan hệ kinh tế chủ yếu.                 |
| <b>e</b> Sức mua của tiền          | <b>5</b> Một sự đơn giản hoá thực tế có chủ tâm dựa trên một chuỗi những giả định để suy ra mọi người sẽ ứng xử như thế nào. |
| <b>f</b> Giá thực tế               | <b>6</b> Một chỉ số giá của hàng hoá được mua bởi một hộ gia đình điển hình.   |
| <b>g</b> Dãy số thời gian          | <b>7</b> Một biến được đo theo mức giá hiện hành.  |
| <b>h</b> Quan hệ cùng chiều        | <b>8</b> Phần trăm thay đổi của một biến mỗi kỳ (thường là một năm).   |
| <b>i</b> Chỉ số giá bán lẻ         | <b>9</b> Giá trị biến kinh tế tại một thời điểm của những cá nhân khác nhau hoặc các nhóm người khác nhau.                   |
| <b>j</b> Các yếu tố khác không đổi | <b>10</b> Chỉ số của lượng hàng hoá mà 1\$ có thể mua.   |
| <b>k</b> Dữ liệu chéo              | <b>11</b> Một cách biểu diễn dữ liệu tương ứng với một giá trị gốc xác định.   |
| <b>l</b> Toán kinh tế              | <b>12</b> Quan hệ mà giá trị của một biến càng lớn thì giá trị của biến kia càng lớn.  |
| <b>m</b> Quan hệ ngược chiều       | <b>13</b> Giá trị của một biến khi giá không đổi, hoặc sau khi điều chỉnh theo lạm phát.                                     |
| <b>n</b> Biến thực tế              | <b>14</b> Một bộ phận kinh tế học đo lường mối quan hệ sử dụng dữ liệu kinh tế.  |

### Bài tập

- 1** Dữ liệu nào sau đây là dãy số thời gian, dữ liệu nào là dữ liệu chéo?
- (a) Chi tiêu của người tiêu dùng cho hàng hoá lâu bền, hàng năm giai đoạn 1990 - 2004.
- (b) Chi tiêu của hộ gia đình cho nhà cửa ở nội thành năm 2004.
- (c) Chỉ số giá hàng tháng của khoai tây năm 2004.
- (d) Tổng sản phẩm quốc nội của Liên hiệp Anh hàng quý năm 2004.
- (e) Thu nhập trung bình hàng tuần cho một mẫu gồm 350 cá nhân, phỏng vấn lần đầu tiên năm 1990 và phỏng vấn lại vào năm 1993, 1996, 1999, 2002 và 2005.
- (f) Phân loại thất nghiệp theo khu vực, 14/10/2004.
- 2** Bảng 2-1 biểu diễn thông tin về tiêu dùng và nhập khẩu thép của Liên hiệp Anh từ 1976 đến 2004.
- (a) Quan sát số liệu (không sử dụng máy tính), để xuất về xu hướng nhập khẩu và tổng tiêu dùng thép.

**Bảng 2-1** Nhập khẩu và tiêu dùng thép của Liên hiệp Anh, 1976 - 2004, triệu tấn

Năm	Nhập khẩu thép	Tiêu dùng thép
1976	103,6	498,7
1982	96,2	271,4
1988	114,4	364,8
1994	126,7	336,1
2000	162,6	298,0
2004	168,0	272,8

Nguồn: Office for National Statistics, Monthly Digest of Statistics.

(b) Với mỗi cột, hãy tính chỉ số, số liệu năm 1976 làm gốc.

(c) Giải thích mô hình dữ liệu.

**3** Trung bình, khoảng 11% chi tiêu của hộ gia đình là cho đồ uống có cồn và thuốc lá; còn lại 89% là cho "các hàng hoá và dịch vụ khác". (Tỷ lệ này gần giống với tỷ lệ được sử dụng để xây dựng chỉ số giá bán lẻ của Liên hiệp Anh (RPI), nhưng dữ liệu trong bài tập này là dữ liệu khác). Chỉ số giá của những hàng hoá đã cho tại Bảng 2-2.

(a) Xây dựng chỉ số giá chung của nền kinh tế dựa trên tỷ lệ 0,11 của cồn, thuốc lá và 0,89 của các hàng hoá dịch vụ khác.

(b) Sử dụng chỉ số giá chung, tính tỷ lệ lạm phát hàng năm giai đoạn 1995-98.

(c) Mặc dù nó đưa ra cái nhìn tổng quan về lạm phát của nền kinh tế, nhưng các cá nhân có thể xem xét lạm phát một cách khác, nếu như mô hình chi tiêu của họ khác xa với mô hình của xã hội. Tính tỷ lệ lạm phát cho một cá nhân mà mô hình chi tiêu của người này tuân theo quy tắc trên ngoại trừ thực tế là người đó không hút thuốc lá.

(d) Vẽ hai biểu đồ, biểu đồ thứ nhất biểu thị ba chỉ số giá, biểu đồ thứ hai biểu thị hai chuỗi tỷ lệ lạm phát mà bạn đã tính.

**Bảng 2-2** Chỉ số giá, 1994 - 2003 (1987 = 100)

Năm/chỉ số giá	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Cồn và thuốc lá	192,3	202,6	210,3	216,9	222,3	228,0
Tất cả hàng hoá dịch vụ khác	147,6	148,1	149,7	160,0	151,7	154,4
Chỉ số giá chung						
Lạm phát						
Lạm phát đối với người không hút thuốc						

**Bảng 2-3** Nhập khẩu và thu nhập của Liên hiệp Anh, 1998 - 2003

Năm	Nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ	GDP
1998	185869	858616
1999	195217	903167
2000	220912	950561
2001	230703	994309
2002	233192	1044145
2003	235136	1099896

Nguồn: Monthly Digest of Statistics.

**4** (a) Sử dụng dữ liệu ở Bảng 2-3, vẽ đồ thị điểm, biết rằng nhập khẩu thực tế ở trục tung và thu nhập thực tế ở trục hoành.

(b) Đồ thị biểu thị quan hệ cùng chiều hay ngược chiều giữa hai biến?

(c) Nó có tuân theo trục giác kinh tế của bạn về nhập khẩu và thu nhập không?

(d) Bạn có cho rằng các biến trên được giả định trong mỗi quan hệ rằng "các yếu tố khác không đổi" không?

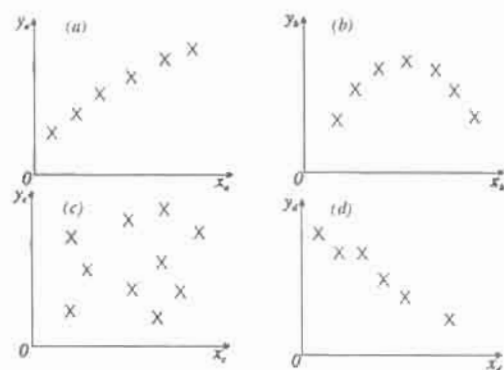
**5** Hình 2-1 là các đồ thị điểm biểu thị các loại quan hệ khác nhau giữa các biến. Liên hệ mỗi loại với một câu giải thích phù hợp nhất dưới đây:

(i) Quan hệ tuyến tính ngược chiều.

(ii) Quan hệ tuyến tính cùng chiều.

(iii) Quan hệ phi tuyến.

(iv) Không có mối quan hệ rõ ràng nào.

**Hình 2-1** Mô hình các quan hệ

Đồ thị nào trên đây bạn không nối được thành một đường thẳng?

**6** Chỉ số giá bán lẻ đối với quần áo và giày dép giai đoạn 1998 - 2003, coi 13/01/1987 = 100, như sau:

Năm	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Chỉ số giá đối với quần áo và giày dép	119,9	116,7	112,3	107,5	102,4	100,8

Nguồn: Monthly Digest of Statistics.

- (a) Bạn yêu cầu thêm thông tin gì để phán đoán liệu giá thực tế của quần áo đã tăng lên hay giảm đi trong giai đoạn này?
- (b) Sử dụng dữ liệu mà bạn đã tính toán giống như chỉ số giá chung trong bài 3 để tính chỉ số giá thực tế đối với quần áo và giày dép.
- (c) Giải thích ý nghĩa kết quả vừa tìm được.

**7** Xem xét một mô hình kinh tế đơn giản sau đây, mô hình liên quan đến cầu về sôcôla thanh:

Lượng cầu về sôcôla thanh =  $f$  (giá của sôcôla thanh; thu nhập người tiêu dùng)

- (a) Hãy giải thích bằng lời công thức trên.
- (b) Giả định rằng thu nhập người tiêu dùng được giữ không đổi, bạn dự đoán lượng cầu và giá của sôcôla thanh sẽ có quan hệ cùng chiều hay ngược chiều?
- (c) Giả định rằng giá của sôcôla thanh không đổi, bạn dự đoán lượng cầu về sôcôla thanh và mức thu nhập của người tiêu dùng sẽ có quan hệ gì?
- (d) Bạn có cho rằng mô hình trên là đầy đủ, hay có những biến kinh tế khác mà bạn muốn cho thêm vào?

**8** Thông tin cho dưới đây liên quan đến từng loại chỉ số giá bán lẻ năm 2003:

Loại	Tỷ trọng	Chỉ số giá (1995 = 100)
Thức ăn và đồ uống có cồn	3	170
Nhà cửa, xăng và điện	2	186
Hàng hoá dịch vụ khác	5	173

Chỉ số giá chung bằng bao nhiêu:

- (a) 172.  
 (b) 173.  
 (c) 174,7.  
 (d) 176,3.  
 (e) 178.
- 9** Sử dụng dữ liệu cho tại Bảng 2-4:
- (a) Tính tổng chi tiêu thực tế cho thức ăn năm 2003.

(b) Tính tổng chi tiêu bằng tiền cho thức ăn năm 2003.

(c) Với mỗi quý, tính tỷ lệ của chi tiêu theo giá hiện hành và theo giá cố định rồi nhân với 100. Bạn giải thích kết quả vừa tìm như thế nào?

**Bảng 2-4** Chỉ tiêu hộ gia đình cho thức ăn của Liên hiệp Anh, năm 2003 (triệu bảng)

	2003 Q1	2003 Q2	2003 Q3	2003 Q4
Tại mức giá hiện hành	15960	16470	16190	16298
Tại mức giá cố định năm 2001	15224	15686	15396	15471

Nguồn: Economic Trends Annual Supplement.

**10** Hình 2-2 biểu thị tiết kiệm hộ gia đình của Liên hiệp Anh bằng tỷ lệ phần trăm của thu nhập còn lại, từ năm 1970. Mô tả xu hướng chung và để xuất mô hình xem xét theo thời gian.

**Hình 2-2** Tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình của Liên hiệp Anh, 1970 - 2003



Nguồn: Economic Trends Annual Supplement.

## Đúng/Sai

- 1** Kinh tế học không thể coi như một môn khoa học vì nó không thể kiểm soát được những thí nghiệm trong phòng thí nghiệm.
- 2** Chúng ta có thể thu thập bằng chứng để ủng hộ một lý thuyết kinh tế, nhưng chúng ta không thể chứng minh chắc chắn rằng đó là "đúng".
- 3** Đồ thị là một cách hữu dụng để làm nổi bật những yếu tố quan trọng của một chuỗi dữ liệu.
- 4** Khi chúng ta thấy một mối quan hệ chặt chẽ giữa hai biến, chúng ta hiểu rằng một biến phụ thuộc ngẫu nhiên vào biến kia.

## Chương 2: Các công cụ phân tích kinh tế

- 5 Dữ liệu chéo thường được sử dụng nhiều hơn trong kinh tế vì mô hình liên quan tới các cá nhân.
- 6 Giả định "các yếu tố khác không đổi" cho phép chúng ta bỏ qua những phần phức tạp của một mô hình kinh tế.
- 7 Mô hình kinh tế xem xét tới quan hệ tuyến tính giữa hai biến.
- 8 Nếu bạn quan sát thực tế đủ nhiều, chắc chắn bạn sẽ khám phá ra một lý thuyết đúng.
- 9 Chỉ số là một công cụ vô giá nếu chúng ta muốn so sánh hai biến có đơn vị khác nhau.
- 10 Quan hệ kinh tế cùng chiều là một loại quan hệ ủng hộ mô hình của chúng ta.
- 11 Lạm phát được đo bởi một mức giá.
- 12 Tỷ lệ tiền lương thực tế được tính bằng cách điều chỉnh tỷ lệ tiền lương danh nghĩa theo thay đổi của mức sống.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Chỉ số giá nhà toàn quốc

(Theo Nationwide, tháng 5/2004)

	Tháng 4	Tháng 3
Chỉ số hàng tháng (đã điều chỉnh) Q1 1993 = 100	291,0	284,9
Thay đổi hàng năm	18,9%	16,7%
Giá trung bình	145918£	142584£

Phát biểu ý kiến về tài liệu trên Alex Bannister, nhóm các nhà kinh tế quốc gia, cho rằng:

Đạt đỉnh là 26,5% vào đầu năm 2003, lạm phát giá nhà hàng năm của Anh giảm xuống 14,3% vào tháng 1 năm 2004 trước khi tăng nhanh đến 18,9% vào tháng 4. Dưới mức tăng giá trung bình, thị trường nhà của Anh bị phân cấp, giá tiếp tục tăng nhanh ở miền Bắc và chậm hơn ở miền Đông Nam.

Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trưởng giá chúng ta kỳ vọng trong năm nay không thể xác định rằng khả năng mua sẽ bị kéo căng. 15% tăng giá chúng ta kỳ vọng trong năm 2004 phản ánh một phần về việc người mua nợ nhiều hơn để phản ứng với tỷ lệ lãi suất danh nghĩa thấp hơn. Trong môi trường lạm phát thấp hiện nay, gánh nặng nợ thực tế sẽ giảm xuống. Người đi vay cần có được cách hành xử khôn ngoan đối với khoản nợ mà họ vay.

### Câu hỏi (Tiếp theo)

- 1 Chỉ số giá nhà là dãy số thời gian hay dữ liệu chéo?
- 2 Mức tăng giá trung bình giữa tháng 3 và 4 là bao nhiêu?
- 3 Kể từ năm 1993 tỷ lệ tăng giá nhà là 191%, tại sao? Đó là tỷ lệ tăng thực tế hay danh nghĩa?

### Câu hỏi tư duy

- 1 Số nào sau đây biểu diễn tỷ trọng chỉ số giá năm Y theo thông tin cho tại Bảng 2-5?
  - (a) 94,6.
  - (b) 105,7.
  - (c) 113,3.
  - (d) 131,0.
  - (e) Không thể xác định được, vì cần phải biết tổng chi tiêu cho mỗi loại.

**Bảng 2-5** Phân loại chỉ số giá

Hàng hoá	Giá năm gốc (p)	Giá năm Y (p)	Tỷ trọng
1	10	12	2
2	100	80	5
3	50	70	3
			10

- 2 Đề nghị một mô hình kinh tế đơn giản để phân tích cấu trúc ăn trưa tại trường học.
- 3 Bảng 2-6 cung cấp dữ liệu về tỷ trọng khác nhau liên quan tới phân loại chi tiêu khác nhau khi tính RPI. Bạn sẽ minh họa dữ liệu trong bảng bằng đó thị như thế nào?
- 4 Phân tích kinh tế giúp chúng ta giải thích quy mô gia đình như thế nào?

**Bảng 2-6** Tỷ trọng chỉ số giá bán lẻ trên 1% chỉ tiêu, 2004

Năm	Thức ăn	Cồn và thuốc lá	Nhà cửa và chi phí hộ gia đình	Du lịch	Tiêu dùng khác	Tổng
2004	160	97	339	283	121	1000

Nguồn: *Monthly Digest of Statistics*.

# Cầu, cung và thị trường

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Quan điểm về thị trường  
\_\_\_\_\_
- Đường cung và đường cầu  
\_\_\_\_\_
- Giá và lượng cân bằng  
\_\_\_\_\_
- Giá cả điều chỉnh cung và cầu trên thị trường như thế nào  
\_\_\_\_\_
- Cái gì làm dịch chuyển đường cung và đường cầu  
\_\_\_\_\_
- Thị trường tự do và thị trường kiểm soát giá  
\_\_\_\_\_
- Thị trường xác định sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai  
\_\_\_\_\_

## Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương 1, các bạn đã được giới thiệu quan điểm về khan hiếm và cần tìm cơ chế phân bổ nguồn lực. Trong chương này, chúng ta sẽ bắt đầu nghiên cứu thị trường như một cơ chế. Vấn đề trọng tâm mà bạn cần hiểu là:

- 1 Cung và cầu là gì?  
\_\_\_\_\_
- 2 Yếu tố nào làm cung và cầu thay đổi?  
\_\_\_\_\_
- 3 Cân bằng thị trường là gì và thị trường thất bại như thế nào?  
\_\_\_\_\_

Sách lý thuyết đã nghiên cứu lần lượt từng vấn đề trên và các bài tập sau đây sẽ giúp bạn củng cố kiến thức của mình.



## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Thị trường
- b Giá cân bằng
- c Hàng hoá thông thường
- d Dự cung
- e Phân tích so sánh tĩnh
- f Giá thị trường
- g Cầu
- h Hàng hoá thứ cấp
- i Thị trường tự do
- j Dự cầu
- k Cung
- l Kiểm soát giá

- 1 Mức giá mà tại đó lượng cung bằng lượng cầu.
- 2 Hàng hoá mà cầu về nó giảm khi thu nhập tăng.
- 3 Mức giá hiện hành trên thị trường.
- 4 Nghiên cứu ảnh hưởng (tới giá và lượng cân bằng) khi có sự thay đổi của một trong các "yếu tố khác không đổi".
- 5 Một sự sắp xếp mà người mua và người bán trao đổi hàng hoá dịch vụ.
- 6 Luật pháp hay quy định mà chính phủ ngăn cấm điều chỉnh theo giá cả thị trường.
- 7 Hàng hoá mà cầu về nó tăng khi thu nhập tăng.
- 8 Trường hợp lượng cung vượt quá lượng cầu tại một mức giá.
- 9 Lượng hàng hoá mà người bán muốn bán tại mỗi mức giá có thể.
- 10 Trường hợp lượng cầu vượt quá lượng cung tại một mức giá.
- 11 Thị trường mà tại đó giá cả được xác định thuần túy bởi cung và cầu.
- 12 Lượng hàng hoá mà người mua muốn mua tại mỗi mức giá có thể.

### Bài tập

1 Giả sử rằng, dữ liệu cho tại Bảng 3-1 biểu diễn cung và cầu thị trường đối với đậu tại các mức giá.

**Bảng 3-1** Cầu và cung về đậu

Giá (p)	Lượng cầu (triệu lon/năm)	Lượng cung (triệu lon/năm)
8	70	10
16	60	30
24	50	50
32	40	70
40	30	90

(a) Vẽ đồ thị đường cung và đường cầu, chú ý tên của các trục.

(b) Dự cung hay dự cầu là bao nhiêu khi giá là 8p?

(c) Dự cung hay dự cầu là bao nhiêu khi giá là 32p?

(d) Xác định giá và lượng cân bằng.

(e) Giả định rằng, với thu nhập của người tiêu dùng tăng lên, cầu về đậu tăng 15 triệu lon/năm tại mỗi mức giá. Tìm giá và lượng cân bằng mới.

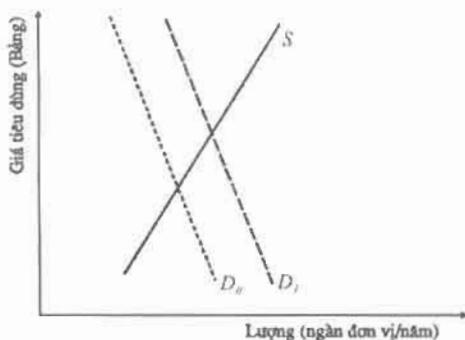
2 Phân biệt dịch chuyển của đường cung và đường cầu với sự vận động dọc theo chúng là một nội dung quan trọng. Đánh dấu vào cột phù hợp của Bảng 3-2 để chỉ ra ảnh hưởng của sự thay đổi "các yếu tố khác không đổi" cho chi tiết tại cột đầu tiên. (Hai đánh dấu với mỗi loại).

(Chú ý rằng trong bài tập 3-8 có thể có nhiều câu trả lời).

3 Trên Hình 3-1 đường cầu về bút dịch chuyển từ  $D_0$  đến  $D_1$ . Tình huống nào sau đây giải thích cho sự dịch chuyển này?

**Bảng 3-2** Sự vận động dọc đường cung, cầu

Thay đổi "các yếu tố khác không đổi"	Dịch chuyển đường cầu	Sự vận động dọc đường cầu	Dịch chuyển đường cung	Sự vận động dọc đường cung
Thay đổi giá hàng hoá cạnh tranh				
Giới thiệu một kỹ thuật sản xuất mới				
Một mối về hàng hoá				
Thay đổi thu nhập				
Thay đổi giá nguyên liệu đầu vào				

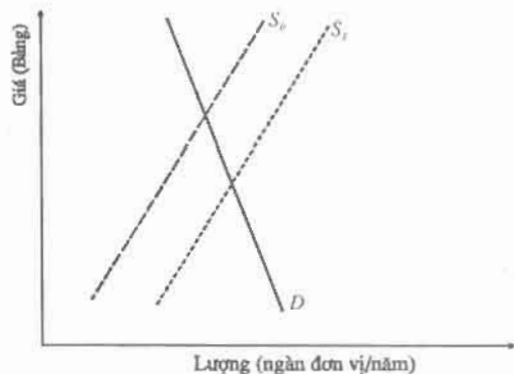
**Hình 3-1** Cầu về bút

- Giá hàng hoá thay thế cho bút giảm.
- Giá hàng hoá bổ sung cho bút giảm.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất bút giảm.
- Thu nhập người tiêu dùng giảm (giả định rằng bút là hàng hoá thứ cấp).
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) giảm.
- Thu nhập người tiêu dùng giảm (giả định rằng bút là hàng hoá thông thường).

**4** Tình huống nào dưới đây có thể dẫn đến sự dịch chuyển đường cầu về máy ảnh?

- Giá máy ảnh giảm.
- Thu nhập thực tế tăng.
- Giá của phim giảm.

**5** Trên Hình 3-2 đường cung về lều trại dịch chuyển từ  $S_0$  đến  $S_1$ . Tình huống nào sau đây giải thích cho sự dịch chuyển này?

**Hình 3-2** Cầu về lều

- Giới thiệu một phương pháp sản xuất lều trại cải tiến mới.
- Giá hàng hoá bổ sung cho lều trại giảm.
- Tỷ lệ lương trả cho công nhân sản xuất lều trại tăng.
- Thu nhập người tiêu dùng tăng (giả định rằng lều là hàng hoá thông thường).
- Giá của lều trại giảm.

**6** Hàng hoá nào là hàng hoá thông thường và hàng hoá nào là hàng hoá thứ cấp?

- Tivi màu.
- Cà phê.
- Gạo.
- Điện thoại 3G.
- Đi xe buýt.

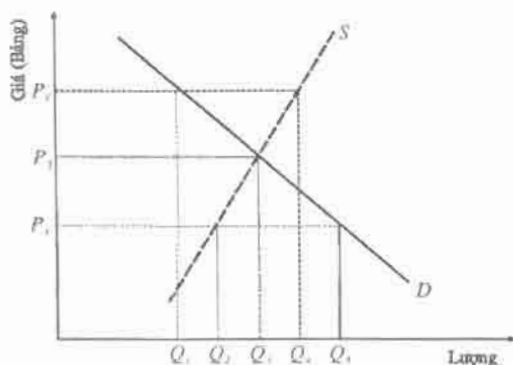
**7** Hàng hoá nào là hàng hoá thay thế cho dâu tây và hàng hoá nào bổ sung cho dâu tây?

- Quả mâm xôi.
- Kem tươi.
- Xăng.
- Kem.
- Bánh mỳ nướng.
- Đi xe buýt.
- Máy vi tính xách tay.

**8** Giả sử rằng Hình 3-3 minh hoạ thị trường trứng và chính phủ quyết định bảo vệ ngành sản xuất trứng bằng cách đảm bảo cho các nhà sản xuất một mức giá trứng tối thiểu. Vì vậy, nếu trứng không còn để

bán cho các hộ gia đình, chính phủ hứa sẽ mua toàn bộ lượng dư thừa tại một mức giá xác định.

**Hình 3-3** Thị trường trứng



- (a) Giá và lượng cân bằng là bao nhiêu, bỏ qua sự can thiệp?
- (b) Mức giá thị trường là bao nhiêu khi chính phủ áp đặt mức giá  $P_1$ ?
- (c) Lượng cầu của hộ gia đình là bao nhiêu tại mức giá thị trường?
- (d) Lượng trứng mà chính phủ cần mua tại mức giá đó là bao nhiêu?
- (e) Mức giá thị trường là bao nhiêu khi chính phủ áp đặt mức giá  $P_3$ ?
- (f) Lượng cầu của hộ gia đình là bao nhiêu tại mức giá thị trường?
- (g) Lượng trứng mà chính phủ cần mua tại mức giá đó là bao nhiêu?
- 9** Tình huống nào sau đây có thể làm tăng giá nhà?

- (a) Xây dựng nhà giảm.
- (b) Thuê nhà tăng.
- (c) Tỷ lệ lãi vay tăng.
- (d) Quan chức địa phương sẵn lòng hơn khi bán nhà cho người thuê.

**10** Giả sử rằng dữ liệu cho tại Bảng 3-3 minh họa biểu đồ cung và cầu thị trường về hàng hoá X tại các mức giá.

- (a) Vẽ đường cung và đường cầu.
- (b) Tìm giá và lượng cân bằng.

Giá sử rằng các hãng cung cấp hàng hoá phải chịu thuế 5p một đơn vị. Vì vậy, các hãng đặt giá 20p một đơn vị cho khách hàng, chính phủ thu được 5p và các hãng nhận được 15p.

**Bảng 3-3** Cung và cầu về hàng hoá X

Giá (p)	Lượng cầu (đơn vị/năm)	Lượng cung (đơn vị/năm)
15	50	35
16	48	38
17	46	41
18	44	44
19	42	47
20	40	50
21	38	53
22	36	56

- (c) Vẽ đường cung sau thuế - nghĩa là quan hệ giữa lượng cung và giá mà người tiêu dùng trả.
- (d) Tìm giá và lượng cân bằng.

### Đúng/Sai

- 1** Giá hàng hoá thay đổi sẽ gây ra dịch chuyển đường cầu.
- 2** Thu nhập người tiêu dùng tăng sẽ làm tăng cầu về tất cả hàng hoá.
- 3** Thu hoạch ít khoai tây làm cho giá khoai tây chiếm tăng lên, các yếu tố khác không đổi.
- 4** Giá mua hàng hoá là giá cân bằng.
- 5** Hàng hoá thứ cấp là hàng hoá được sản xuất kém.
- 6** Bệnh bò điên dẫn tới giá thịt lợn tăng.
- 7** Nếu cầu về một hàng hoá tăng khi thu nhập người tiêu dùng tăng (các yếu tố khác không đổi), hàng hoá đó là hàng hoá thông thường.
- 8** Sự áp đặt mức lương tối thiểu sẽ dẫn đến thất nghiệp tăng.
- 9** Hàng ngày, 2 hàng hoá X và Y bổ sung cho nhau nếu giá X tăng, các yếu tố khác không đổi, dẫn tới cầu về hàng hoá Y giảm.
- 10** Sự áp đặt thuế 1 Bảng trên một đơn vị hàng hoá sẽ dẫn đến giá hàng hoá tăng thêm 1 Bảng.
- 11** Khi Giáo hoàng cho phép tín đồ công giáo ăn thịt vào thứ sáu, giá và lượng cả cân bằng giảm.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Hàng không Anh trả giá cao cho đường bay Heathrow

(Trích từ bài báo của David Gow, *The Guardian*, 21/01/2004)

Qantas và Virgin Atlantic trả những khoản cố định 1 lần kỷ lục cho nơi hạ cánh và cất cánh tại sân bay Heathrow London. Hãng hàng không Úc, một đối tác của BA, trả 20 triệu Bảng - cao hơn hai lần tỷ lệ thông thường - cho hai cặp đường bay hàng ngày. Virgin đã trả tương tự cho bốn cặp.

Động thái của Qantas và Virgin được coi như việc tạo ra một tương lai lạc quan về doanh số và tăng trưởng trong ngành vốn bị giảm lượng hành khách và doanh thu.

### Câu hỏi

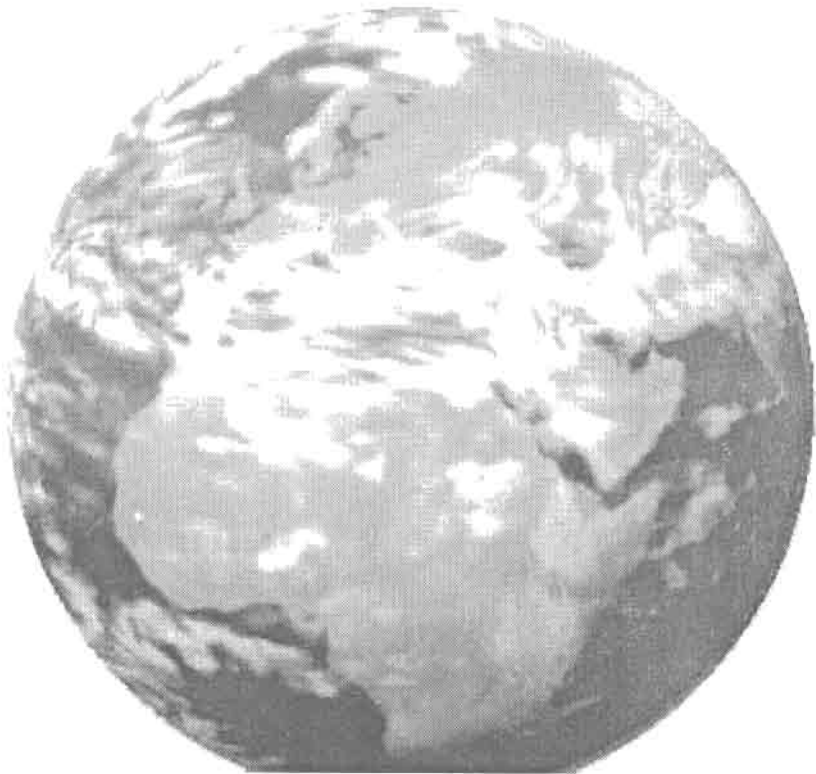
- 1 Giải thích tại sao kỳ vọng về lượng khách đông hơn sẽ làm dịch chuyển đường cầu về đường bay Heathrow và giải thích ảnh hưởng của sự dịch chuyển đó tới giá cân bằng.
- 2 Cuối năm 2003, chính phủ quyết định xây dựng đường băng thứ ba ở Heathrow. Nó ảnh hưởng như thế nào tới giá cân bằng về đường bay?

### Câu hỏi tư duy

- 1 Vẽ một đồ thị biểu diễn đường cung và đường cầu về một loại hàng hoá. Giả sử rằng giá của hàng hoá đó được đặt ở mức cao hơn giá thị trường tự do. Nhà sản xuất và người tiêu dùng hiểu tình huống thị trường đó như thế nào? Họ sẽ phản ứng như thế nào? Phân tích của bạn sẽ như thế nào nếu giá thị trường được đặt thấp hơn mức giá cân bằng?
- 2 Bạn dự đoán thị trường cà phê sẽ phản ứng như thế nào khi có một sự giảm cung đột ngột, có thể là do thu hoạch kém. Bạn dự đoán kết quả doanh thu của người trồng cà phê tăng hay giảm?
- 3 Thảo luận một vài tình huống làm thay đổi điều kiện cung hay cầu trên một thị trường mà có thể tác động và gây ảnh hưởng tới một thị trường khác. Đưa ra vài ví dụ về ảnh hưởng vượt quá này.
- 4 Giả sử rằng bạn đang thử quan sát đường cầu về một loại hàng hoá. Khi thu thập dữ liệu về giá và lượng qua các năm, bạn thấy rằng chúng có quan hệ thuận chiều. Bạn cần loại thông tin bổ sung gì để giải thích về dữ liệu đó?

**Phần hai**

**Kinh tế học  
vi mô  
thực chứng**



## Chương 4

# Độ co giãn của cung và cầu

### Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Đo lường sự phản ứng của cầu và cung như thế nào

---

- Độ co giãn của cầu theo giá

---

- Độ co giãn của cầu theo giá ảnh hưởng đến doanh thu như thế nào khi có sự thay đổi giá

---

- Tại sao mất mùa lại có lợi cho người nông dân

---

- Một số quan niệm sai lầm

---

- Độ co giãn chéo liên quan đến mối quan hệ bổ sung hay thay thế giữa hai hàng hóa như thế nào

---

- Độ co giãn của cầu theo thu nhập

---

- Hàng hóa thứ cấp, bình thường và xa xỉ

---

- Độ co giãn của cung theo giá

---

- Độ co giãn của cung và cầu ảnh hưởng đến ai chịu thuế như thế nào

---

### Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương 3, chúng ta đã bàn về những yếu tố làm cung và cầu thay đổi. Trong chương này, chúng ta đề cập đến độ co giãn bằng cách đặt ra câu hỏi đơn giản “lượng cầu và lượng cung sẽ thay đổi bao nhiêu?” Để trả lời được câu hỏi này, chúng ta cần làm quen với:

- 1 Độ co giãn của cầu theo giá.

---

- 2 Độ co giãn của cầu theo thu nhập.

---

- 3 Độ co giãn chéo.

---

- 4 Độ co giãn của cung.

---

Sách lý thuyết đã đề cập chi tiết đến tất cả các vấn đề trên và thông qua các bài tập, câu hỏi sẽ giúp nâng cao sự hiểu biết của bạn.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- |   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a</b> Độ co giãn chéo của cầu</li> <li><b>b</b> Cầu không co giãn theo giá</li> <li><b>c</b> Dài hạn</li> <li><b>d</b> Hàng hóa thông thường</li> <li><b>e</b> Hàng hóa thiết yếu</li> <li><b>f</b> Hàng hóa thay thế</li> <li><b>g</b> Cầu co giãn đơn vị</li> <li><b>h</b> Ngắn hạn</li> <li><b>i</b> Co giãn của cầu theo thu nhập</li> <li><b>j</b> Cầu co giãn theo giá</li> <li><b>k</b> Hàng hóa thứ cấp</li> <li><b>l</b> Hàng hóa bổ sung</li> <li><b>m</b> Hàng hóa xa xỉ</li> <li><b>n</b> Co giãn của cầu theo giá hàng hóa đó</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>1</b> Phần trăm thay đổi trong lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi tương ứng trong thu nhập.</li> <li><b>2</b> Lượng cầu là không co giãn với sự thay đổi của giá: độ co giãn có giá trị nằm giữa 0 và 1.</li> <li><b>3</b> Một hàng hóa có độ co giãn theo thu nhập là dương.</li> <li><b>4</b> Một hàng hóa có độ co giãn theo thu nhập là âm.</li> <li><b>5</b> Đo lường sự thay đổi cầu của một hàng hóa khi giá của một hàng hóa khác thay đổi.</li> <li><b>6</b> Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập nhỏ hơn 1.</li> <li><b>7</b> Phần trăm thay đổi trong lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi tương ứng trong giá.</li> <li><b>8</b> Hai hàng hóa mà khi giá của hàng hóa này tăng lên làm cho cầu về hàng hóa kia nói chung là tăng lên.</li> <li><b>9</b> Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập lớn hơn 1.</li> <li><b>10</b> Lượng cầu là co giãn với sự thay đổi của giá: độ co giãn có giá trị nhỏ hơn -1.</li> <li><b>11</b> Tổng chi tiêu là không thay đổi khi giá giảm: độ co giãn bằng -1.</li> <li><b>12</b> Thời kỳ cần thiết để hoàn thành sự điều chỉnh khi có sự thay đổi giá.</li> <li><b>13</b> Hai hàng hóa mà khi giá của hàng hóa này tăng lên làm cho cầu về hàng hóa kia nói chung là giảm xuống.</li> <li><b>14</b> Thời kỳ trong đó người tiêu dùng vẫn đang điều chỉnh hành vi của họ khi có sự thay đổi giá.</li> </ul> |
|---|--|

### Bài tập

**Bảng 4-1** Cầu về kem que

Giá một que kem (€p)	Lượng cầu (nghìn)	Tổng chi tiêu (doanh thu - nghìn Bảng)	Độ co giãn của cầu theo giá
2,1	10		
1,8	20		
1,5	30		
1,2	40		
0,9	50		
0,6	60		
0,3	70		

**Bảng 4-2** Độ co giãn chéo và độ co giãn của cầu theo giá của hàng hóa đó ở Mythuania

% thay đổi của lượng cầu	Khi giá thay đổi 1%		
	Thức ăn	Rượu	Bia
Thức ăn	-0,25	0,06	0,01
Rượu	-0,13	-1,20	0,27
Bia	0,07	0,41	0,85

**1** Bảng 4-1 là lượng cầu về kem que ở các mức giá khác nhau.

- (a) Vẽ đường cầu về kem que, với lượng cầu về kem biểu diễn ở trục hoành và giá biểu diễn ở trục tung.
- (b) Giả sử giá là 1,2£. Lượng cầu là bao nhiêu nếu giá giảm 30p? Câu trả lời có khác không nếu bắt đầu từ mức giá khác?
- (c) Tính tổng doanh thu về kem que ở tất cả các mức giá ở trong bảng.
- (d) Tính độ co giãn của cầu theo giá trong khoảng giá từ 60p đến 2,1£.
- (e) Vẽ đồ thị về tổng doanh thu khi lượng bán thay đổi, tổng doanh thu biểu diễn ở trục tung và lượng cầu biểu diễn ở trục hoành.
- (f) Ở mức giá nào tổng doanh thu là lớn nhất?
- (g) Ở mức giá nào độ co giãn của cầu bằng -1?
- (h) Trong khoảng giá nào, cầu là
- Co giãn?
  - Không co giãn?

**2** Trả lời các câu hỏi sau dựa vào Bảng 4-2.

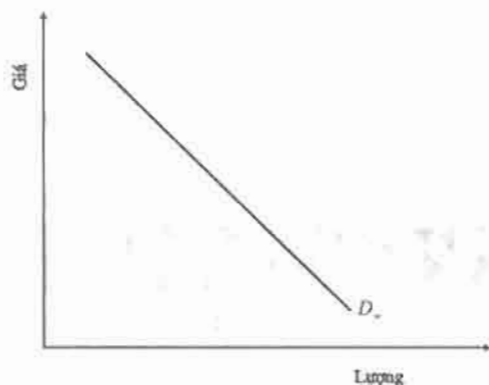
- (a) Nhận xét về độ co giãn của cầu theo giá của mỗi hàng hóa. Xác định hàng hóa nào có cầu co giãn theo giá, hàng hóa nào có cầu không co giãn theo giá.

(b) Giá của thức ăn thay đổi ảnh hưởng đến lượng tiêu dùng của rượu và bia như thế nào? Có gợi ý gì về mối quan hệ giữa thức ăn và các hàng hóa khác?

(c) Hình 4-1 là đường cầu về rượu (DW). Vẽ sự thay đổi của đường cầu này khi giá.

(i) Thức ăn tăng.

(ii) Bia tăng.

**Hình 4-1** Đường cầu về rượu của Mythuania

**3** Bảng 4-3 minh họa về tổng chi phí và thu nhập của một hộ gia đình trong 2 năm.

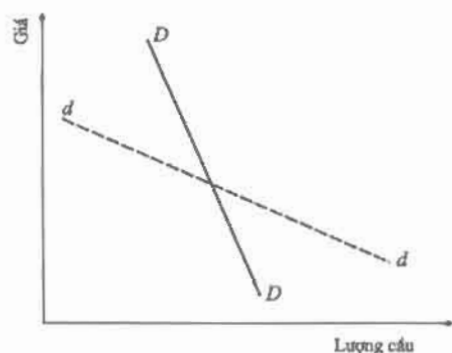
- (a) Tính toán phần chi tiêu trong ngân sách vào mỗi hàng hóa.
- (b) Tính toán độ co giãn của cầu theo thu nhập cho mỗi hàng hóa.
- (c) Phân loại các hàng hóa là “thông thường” hay “thứ cấp”.
- (d) Phân loại mỗi hàng hóa là “xa xỉ” hay “thiết yếu”.

**4** DD hay dd trong Hình 4-2 minh họa đường cầu trong dài hạn về điện? Giải thích câu trả lời.

**Bảng 4-3** Tổng chi tiêu và thu nhập của một hộ gia đình

Hàng hóa	Thu nhập năm 1 (100£)	Thu nhập năm 2 (100£)	Phần chi tiêu của mỗi hàng hóa năm 1	Phần chi tiêu của mỗi hàng hóa năm 2	Độ co giãn của cầu theo thu nhập	Hàng hóa thông thường (No) hoặc thứ cấp (I)	Hàng hóa xa xỉ (L) hoặc thiết yếu (Ne)
A	30£	50£					
B	30£	70£					
C	25£	20£					
D	15£	60£					



**Hình 4-2** Các đường cầu ngắn hạn và dài hạn đối với điện

**5** Với những hàng hóa có độ co giãn trong Bảng 4-4, hãy vẽ sự thay đổi của đường cầu về mỗi hàng hóa đó khi thu nhập giảm xuống.

**Bảng 4-4** Độ co giãn của cầu theo thu nhập của ba hàng hóa

Hàng hóa	Độ co giãn của cầu theo thu nhập
X	1,7
Y	-0,8
Z	0

**6** Hàng hóa nào sau đây mà các nhà kinh tế học miêu tả như hàng hóa “thứ cấp” hoặc “thông thường”?

- (a) Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo thu nhập bằng  $-0,1$ .
- (b) Một hàng hóa có độ co giãn chéo bằng  $0,3$ .
- (c) Một hàng hóa có độ co giãn của cầu theo giá bằng  $-1,1$ .
- (d) Một hàng hóa với độ co giãn của cầu theo thu nhập bằng  $0,9$ .
- (e) Một hàng hóa với độ co giãn của cầu theo giá bằng  $-0,2$ .

Diễn giải độ co giãn của cầu theo giá bằng  $0,3$  như thế nào?

**7** Mai thích 9 cốc trà tương tự như 1 cốc cà phê. Có ta cho 2 thìa đường vào cà phê còn trà thì không. Độ co giãn giữa 3 hàng hóa này có thể có dấu gì?

**8** Giả sử bơ và bơ thực vật có độ co giãn chéo bằng 2 và giá của bơ tăng từ  $80p/250\text{gam}$  lên  $90p/250\text{gam}$ . Lượng cầu về bơ thực vật sẽ thay đổi bao nhiêu phần trăm?

**9** Hàng hóa nào sau đây có cầu co giãn theo giá và hàng hóa nào có cầu không co giãn theo giá?

- (a) Bánh mì.
- (b) Vé xem hát.
- (c) Kỳ nghỉ ở nước ngoài.
- (d) Nhiên liệu và nguồn ánh sáng.
- (e) Thực phẩm.
- (f) Thực phẩm chế biến từ sữa.
- (g) Quần áo.

**10** Ở Bảng 4-5 là thu nhập và lượng cầu về thịt hun khói của một hộ gia đình quan sát được ở các thời điểm khác nhau.

**Bảng 4-5** Thu nhập và lượng cầu về thịt hun khói

Thu nhập thực tế (£/năm)	Lượng cầu về thịt hun khói (kg/tháng)
4000	2,0
6000	3,0
8000	3,5
10000	4,0
12000	4,3
14000	4,4
16000	4,5

- (a) Biểu diễn trên đồ thị lượng tiêu dùng về thịt hun khói với lượng tiêu dùng biểu diễn ở trục hoành và thu nhập ở trục tung.
- (b) Đồ thị đó có chỉ ra mối quan hệ thuận hay nghịch giữa các biến với nhau không?
- (c) Có thể gọi ý rằng thịt hun khói là hàng hóa “thông thường” hay hàng hóa “thứ cấp” không?
- (d) Đồ thị của bạn giống đồ thị về một hàng hóa thứ cấp như thế nào?

**11** Một nền kinh tế rất thịnh vượng; thu nhập thực tế của những công dân trong nước đó dự báo sẽ tăng với tốc độ rất nhanh trong 5 năm tới. 4 hàng hóa sản xuất trong nền kinh tế đó có độ co giãn của cầu theo thu nhập như trong Bảng 4-6. Đánh giá triển vọng về 4 ngành này.

**Bảng 4-6** Độ co giãn của cầu theo thu nhập

Hàng hóa	Độ co giãn của cầu theo thu nhập
Milples	0,46
Nohoes	-1,73
Bechans	2,31
Zegroes	0,00

**Đúng/Sai**

- 1 Độ co giãn của cầu theo giá đo lường sự phản ứng của lượng cầu với giá tương đối của hàng hóa.
- 2 Độ co giãn của cầu theo giá là không đổi trên một đường cầu thẳng.
- 3 Cắt giảm giá sẽ làm tổng chi tiêu về hàng hóa đó tăng lên nếu cầu là không co giãn.
- 4 Tổng doanh thu sẽ lớn nhất khi độ co giãn của cầu theo giá bằng -1.
- 5 Những hàng hóa có phạm vi rộng, như thức ăn, nói chung có độ co giãn của cầu theo giá lớn hơn so với những hàng hóa có phạm vi hẹp hơn như thịt bò nướng.
- 6 Phần chi tiêu trong ngân sách về hàng hóa "thông thường" sẽ luôn tăng lên khi thu nhập tăng.
- 7 Nếu 2 hàng hóa là thay thế, độ co giãn chéo sẽ có thể có giá trị âm.
- 8 Lam phát nói chung sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến hình dạng của đường cầu.
- 9 Mất mùa sẽ là tồi tệ đối với người nông dân vì làm giảm doanh thu thu được từ việc bán sản phẩm thu hoạch được.
- 10 Cái gì là đúng cho một người không nhất thiết cho tất cả mọi người, và cái là đúng cho mọi người không nhất thiết đúng cho một người.
- 11 Thu nhập của người tiêu dùng cao hơn là tin vui đối với những người sản xuất.
- 12 Khi giá hàng hóa thay đổi, co giãn của cầu trong dài hạn co giãn hơn trong ngắn hạn. Tương tự như vậy, một gợi ý khác cho rằng độ co giãn của cầu theo thu nhập trong dài hạn sẽ cao hơn trong ngắn hạn bởi vì người tiêu dùng có đủ thời gian để điều chỉnh phần tăng lên trong thu nhập của họ. Lý do mà các nhà kinh tế nhấn mạnh có sự khác nhau trong độ co giãn của cầu trong ngắn hạn và dài hạn nhưng không áp dụng được cho độ co giãn của cầu theo thu nhập bởi vì sự thay đổi trong thu nhập thường là nhỏ.

**Kinh tế học trong thực tiễn****Chính sách giá co giãn đang giết chết những ngôi sao**

(Trích từ bài báo của Paul Murphy, *The Guardian*, 11/02/2004)

Steve Redmond, một ngôi sao trong ngành đĩa hát ở Anh đã bị bắt vì cố gắng trì hoãn thông tin mới nhất về doanh thu, anh ta có thể sẽ bị gây khó khăn trong giải Brit.

Số lượng các đĩa đơn đã giảm từ 52,5 triệu trong năm 2002 xuống còn 35,9 triệu trong năm 2003. Dựa trên thực tế này, giải Brits sẽ chỉ tồn tại trong 3 hoặc 4 năm nữa, hầu quả là gây ông đập lưng ông. Cụ thể, ngành này đã xử lý kém chính sách giá của mình, cho phép một hệ thống quá phức tạp của việc giảm trừ sớm, dẫn đến sự tăng giá cho những đĩa có thứ hạng cao, trở nên cách xa với khách hàng.

Hệ thống thu hút sự quan tâm với chi phí thấp và sau đó tăng chi phí khi cầu tăng được biết đến là định giá dựa trên "hệ số co giãn của cầu". Nó được coi là có tính khoa học trong những năm gần đây, được phổ biến qua Internet, đã làm phát sinh hàng loạt các mô hình kinh doanh mới - Easyjet là ví dụ rõ ràng nhất - ở đó tất cả khách hàng đều nghĩ rằng họ đã luôn có được giá rẻ.

Tuy nhiên, trong kinh doanh âm nhạc những thanh thiếu niên trẻ tuổi không cho rằng họ có được một giá trị đặc biệt - họ chỉ thấy rằng họ phải trả 3,99£ cho những thứ chỉ đáng 1,99£ hay thậm chí 99p do mua sớm trước 1 tuần.

Những người tiêu dùng đơn giản này đã đưa ra quyết định hợp lý để tiết kiệm cho 1 tuần và có thể mua album đó sẵn có với giá chiết khấu 9,99£ ở siêu thị gần nhất.

**Câu hỏi**

- 1 Để đánh giá sự thành công của việc định giá dựa trên hệ số co giãn trên thị trường đĩa đơn, một thông tin thiết yếu đã bị bỏ qua trong bài báo: đó là gì?
- 2 Lý thuyết cầu dự báo rằng tại các mức giá cao hơn, cầu tiêu dùng trở nên co giãn hơn. Điều này được khẳng định trên thị trường đĩa đơn?

**Câu hỏi tư duy**

**1** Giá của một vài hàng hóa dường như hay thay đổi hơn các hàng hóa khác. Tại sao độ co giãn của cầu theo giá có ảnh hưởng quan trọng đến sự dao động giá của những hàng hóa khác nhau?

**2** Giải thích tại sao mỗi yếu tố sau có thể ảnh hưởng đến độ co giãn của cầu theo giá về một loại hàng hóa.

**(a)** Sở thích của người tiêu dùng: tức là người tiêu dùng xem hàng hóa đó là “cao cấp” hay “thiết yếu”.

**(b)** Định nghĩa về một loại hàng hóa với phạm vi hẹp.

**(c)** Độ dài của thời kỳ đang xem xét.

**(d)** Sự sẵn có của hàng hóa thay thế.

**3** Thị trường về cà phê hay bị thay đổi bởi điều kiện về thời tiết ở một số nước lớn về cung cà phê như Brazil. Có những yếu tố nào khác ảnh hưởng đến thị trường này?

**4** Hãy tưởng tượng rằng bạn đang điều hành hoạt động của một công ty xe buýt và bạn đã thu thập được những thông tin sau về độ co giãn của cầu về các chuyến du lịch trong thành phố:

**(a)** Độ co giãn của cầu theo thu nhập là  $-0,4$ .

**(b)** Độ co giãn của cầu theo giá hàng hóa là  $-1,2$ .

**(c)** Độ co giãn chéo đối với xe lửa là  $2,1$ .

Các thông tin này được bạn sử dụng như thế nào khi công ty của bạn đang cho hoạt động một dịch vụ nhưng hiện tại đang bị lỗ?

# Sự lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Xây dựng một đường ngân sách như thế nào
- Lợi ích cận biên giảm dần
- Tỷ lệ thay thế cận biên giảm dần
- Biểu diễn thị hiếu trên đường bàng quan như thế nào
- Đường bàng quan và đường ngân sách giải thích sự lựa chọn của người tiêu dùng như thế nào
- Thu nhập của người tiêu dùng ảnh hưởng đến lượng cầu như thế nào
- Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập
- Thay đổi giá ảnh hưởng đến lượng cầu như thế nào
- Đường cầu thị trường

## Nội dung nghiên cứu chính

Chương này cung cấp thêm một cách phân tích mang tính lý thuyết về cầu. Nó dựa vào Phân tích bàng quan ngân sách. Vì vậy, bạn nên xây dựng những hiểu biết của mình về những chủ đề sau:

- 1 Lợi ích là gì?
- 2 Đường bàng quan là gì?
- 3 Đường ngân sách là gì?
- 4 Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập là gì?
- 5 Bạn có thể sử dụng tất cả các nội dung trên để đưa ra đường cầu như thế nào?

Sách lý thuyết đã bàn luận về các chủ đề này và những bài tập sẽ giúp bạn phát triển sự hiểu biết của mình.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Lợi ích
- b Đường thu nhập mở rộng
- c Ràng buộc ngân sách
- d Đường bàng quan
- e Ảnh hưởng thay thế
- f Đường cầu cá nhân
- g Tỷ lệ thay thế cận biên
- h Tối đa hóa lợi ích
- i Ảnh hưởng thu nhập
- j Đường cầu thị trường
- k Sự bổ sung
- l Hàng hóa Giffen

- 1 Một đường tập hợp các giỏ hàng hóa khác nhau tương ứng với các mức thu nhập của người tiêu dùng.
- 2 Tổng đường cầu của tất cả các cá nhân trên thị trường.
- 3 Số lượng một loại hàng hóa mà người tiêu dùng phải từ bỏ khi tăng số lượng một loại hàng hóa khác nhưng không làm thay đổi tổng lợi ích.
- 4 Một tình huống trong đó các hàng hóa cần tiêu dùng chung với nhau.
- 5 Một hàng hóa thứ cấp với ảnh hưởng thu nhập lấn át ảnh hưởng thay thế, dẫn đến đường cầu về hàng hóa này dốc lên về phía phải.
- 6 Một phần trong sự phản ứng của người tiêu dùng với sự thay đổi giá do thay đổi trong sức mua của họ.
- 7 Một phần trong sự phản ứng của người tiêu dùng với sự thay đổi giá do thay đổi trong giá tương đối.
- 8 Một đường chỉ ra tập hợp của tất cả các giỏ hàng hóa tạo ra cùng một mức lợi ích cho người tiêu dùng.
- 9 Giả định rằng người tiêu dùng chọn những giỏ hàng hóa mang lại lợi ích lớn nhất.
- 10 Tập hợp của các giỏ hàng hóa khác nhau mà người tiêu dùng có thể mua được với giá và thu nhập cho trước.
- 11 Sự hài lòng từ việc tiêu dùng từ một giỏ hàng hóa.
- 12 Một đường thể hiện lượng cầu ở mỗi mức giá.

### Bài tập

1 Ashley, một sinh viên sống ở nhà, được bố mẹ cho một khoản thu nhập 60£/tuần để chi tiêu vào 2 hàng hóa: thức ăn và giải trí. Hãy vẽ đường ngân sách cho Ashley trong mỗi trường hợp sau, với trục tung biểu diễn thức ăn và trục hoành biểu diễn giải trí:

- (a) Giá của thức ăn (Pf) là 1,5£/đơn vị; giá của giải trí (Pe) là 1,5£/đơn vị.
- (b) Pf là 1,5£; Pe là 2£.
- (c) Pf là 2£; Pe là 1,5£.
- (d) Pf là 1£; Pe là 1£.

(e) Pf là 1,5£; Pe là 1,5£ nhưng thu nhập của anh ta tăng lên thành 75£/tuần.

Nhận xét về đường ngân sách ở câu (d) và (e) với đường ngân sách ở câu (a).

2 Bảng 5-1 tóm tắt sở thích của Ashley về thức ăn (F) và giải trí (E) bằng việc chỉ ra các kết hợp khác nhau giữa 2 hàng hóa mà anh ta bàng quan với chúng. Mỗi một trong 3 tập hợp hàng hóa có một mức lợi ích khác nhau.

- (a) Sử dụng những thông tin từ Bảng 5-1 để vẽ 3 đường bàng quan với thức ăn trục tung và giải trí ở trục hoành.
- (b) Đường bàng quan nào trong 3 đường trên thể hiện mức lợi ích cao nhất?

**Bảng 5-1** Sở thích của Ashley về thức ăn và giải trí

Lợi ích	Tập hợp 1: IC <sub>1</sub>	Lợi ích	Tập hợp 2: IC <sub>2</sub>	Lợi ích	Tập hợp 3: IC <sub>3</sub>
E	F	E	F	E	F
2	40	10	40	12	45
4	34	12	35	14	39
8	28	14	30	16	34
12	21	17	25	18	30
17	16	20	20	21	25
22	12	25	16	27	20
30	8	30	13	37	15
40	5	38	10	44	13
50	4	50	8	50	12

(c) Đường bàng quan nào trong 3 đường trên minh họa mức lợi ích thấp nhất?

(d) Xem xét các giỏ hàng hóa sau:

A: 50(E), 8(F).

B: 45(E), 4(F).

C: 12(E), 45(F).

D: 25(E), 16(F).

E: 21(E), 11(F).

Sắp xếp 5 giỏ hàng hóa trên theo thứ tự giảm dần về sự thỏa mãn.

(e) Các thông tin trong bài tập này có thể sử dụng để tìm điểm tiêu dùng tối ưu của Ashley được không?

(f) Vẽ thêm vào đồ thị trên đường ngân sách từ mục (a) của bài tập 1. Bây giờ bạn có thể tìm được điểm tiêu dùng tối ưu của Ashley không?

**3** Câu nào sau đây là không đúng? Điểm tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng là điểm tiếp xúc giữa đường ngân sách và đường bàng quan bởi vì:

(a) Đây là đường bàng quan cao nhất có thể đạt được.

(b) Bất cứ điểm nào nằm bên trái đường ngân sách đều không được người tiêu dùng lựa chọn.

(c) Tất cả các kết hợp hàng hóa nằm phía bên phải đường ngân sách của anh ta là không thể đạt được, với thu nhập cho trước.

(d) Đây là điểm đại diện cho mức giá được ưa thích nhất.

(e) Tại bất cứ một điểm nào khác trên đường ngân sách, anh ta đều thu được ích lợi thấp hơn.

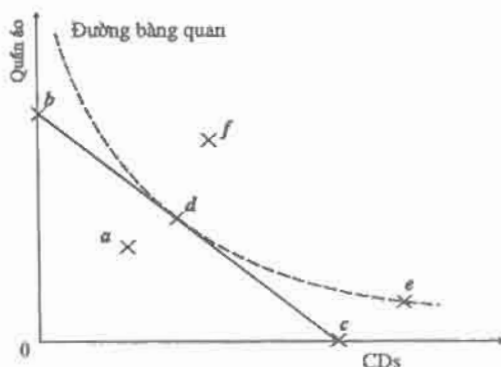
**4** Barbara đang chọn kết hợp tiêu dùng giữa CDs và quần áo. Hình 5-1 là đường ngân sách và đường bàng quan của cô ta. Ghép những điểm trên hình vẽ với nội dung của các câu 1, 2, 3...

(1) Là điểm tại đó Barbara tối đa hóa lợi ích của cô ta.

(2) Là điểm tại đó Barbara chỉ mua CDs mà không mua quần áo.

(3) Là điểm tại đó Barbara không còn ngân sách để mua bất kỳ hàng hóa nào nữa.

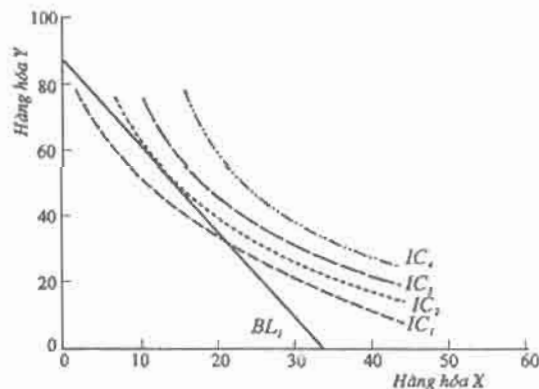
(4) Là điểm tạo ra cùng sự hài lòng như điểm d nhưng Barbara không thể đạt được.

**Hình 5-1** Sự lựa chọn của Barbara giữa CDs và quần áo

(5) Là điểm tại đó Barbara chỉ mua được quần áo còn không mua được CDs.

(6) Một giỏ hàng hóa được ưa thích hơn điểm d nhưng Barbara không thể mua được.

**5** Christopher đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y. Hình 5-2 là các đường bàng quan của anh ta về 2 hàng hóa này.  $BL_1$  là đường ngân sách, với thu nhập và giá đã cho.

**Hình 5-2** Sở thích của Christopher giữa 2 hàng hóa X và Y

(a) Giả sử, sở thích và giá của X và Y không đổi nhưng thu nhập của anh ta thay đổi. Hãy vẽ đường thu nhập mở rộng.

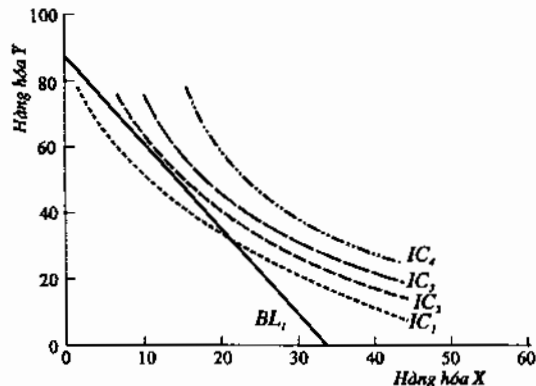
## Chương 5: Sự lựa chọn của người tiêu dùng và quyết định cầu

- (b) Phân loại hàng hóa X và Y là “thông thường” hay “thứ cấp”.
- (c) Đường thu nhập mở rộng sẽ có hình dạng như thế nào nếu cả X và Y là hàng hóa “thông thường”?
- (d) Có thể vẽ được đường thu nhập mở rộng minh họa trường hợp cả X và Y đều là hàng hóa “thứ cấp” không?

**6** Giả sử Christopher vẫn đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y với Hình 5-3 giống như Hình 5-2. Sở thích của Christopher, thu nhập và giá của hàng hóa Y không đổi nhưng giá của hàng hóa X thay đổi.

- (a) Chỉ trên hình vẽ lượng cầu của Christopher về hàng hóa X thay đổi khi giá của X thay đổi.
- (b) Có thể rút ra đường cầu về hàng hóa X của Christopher từ phân tích này không?
- (c) Nhận xét về ảnh hưởng chéo: tức là lượng cầu về Y thay đổi như thế nào khi giá của X thay đổi.

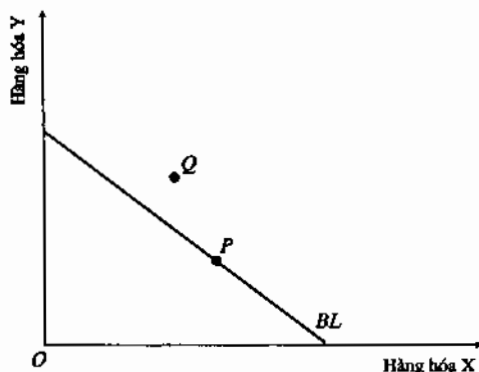
**Hình 5-3** Sở thích của Christopher giữa hàng hóa X và Y



**7** Một người tiêu dùng bắt đầu ở điểm P trên Hình 5-4 với đường ngân sách như trên hình vẽ. Điều nào sau đây diễn ra nếu người tiêu dùng sau đó lại chọn tiêu dùng ở điểm Q?

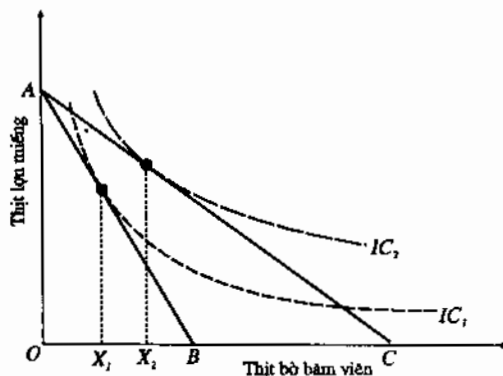
- (a) Sở thích thay đổi.
- (b) Giá hàng hóa X tăng ít nhưng phần trăm giảm giá của hàng hóa Y là nhiều.
- (c) Giá hàng hóa X tăng ít và phần trăm giảm giá của hàng hóa Y là ít.
- (d) Thu nhập thực tế giảm.
- (e) Thu nhập và giá của 2 hàng hóa tăng lên theo một tỷ lệ phần trăm như nhau.

**Hình 5-4** Sự thay đổi trong tiêu dùng



**8** Hình 5-5 miêu tả Debbie phản ứng như thế nào khi giá của thịt bò băm viên thay đổi trong khi cô ta đang lựa chọn tiêu dùng giữa thịt bò băm viên và thịt lợn miếng.

**Hình 5-5** Sự lựa chọn của Debbie giữa thịt bò băm viên và thịt lợn miếng



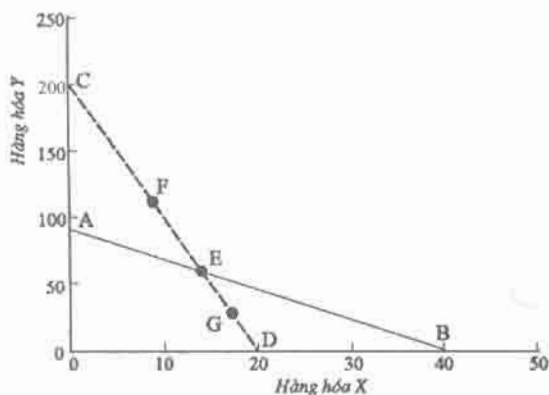
AB là đường ngân sách ban đầu và  $OX_1$  là lượng hàng hóa thịt bò băm viên mà Debbie mua. Sau khi giá giảm, đường ngân sách dịch chuyển thành AC và Debbie bây giờ mua  $OX_2$  đơn vị thịt bò băm viên.

- (a) Minh họa ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập về hành vi của Debbie khi giá giảm.
- (b) Phân tích của bạn có chỉ ra thịt bò băm viên là hàng hóa “thông thường” hay “thứ cấp” không?
- (c) Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập hoạt động cùng chiều hay ngược chiều nhau?
- (d) Với tình huống nào, bạn có thể trả lời khác với câu (c)?

**9** Thực tế, chúng ta không thể vẽ các đường bàng quan. Tuy nhiên, chúng ta có thể quan sát giá và thu nhập. Trong một vài tình huống chúng ta có

thể có được sự giống nhau về sở thích của người tiêu dùng. Giả sử chúng ta quan sát Eliot trong 2 tình huống khác nhau. Anh ta đang lựa chọn giữa 2 hàng hóa X và Y với thu nhập không đổi, nhưng giá trong 2 tình huống là khác nhau. Đường ngân sách của anh ta được thể hiện ở Hình 5-6.

**Hình 5-6** Sở thích của Eliot



AB là đường ngân sách ban đầu và CD là đường ngân sách mới sau khi giá của hàng hóa X tăng và giá hàng hóa Y giảm. Điểm lựa chọn ban đầu của anh ta là E. Tất cả các câu hỏi sau liên quan đến sự lựa chọn của anh ta.

- (a) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, anh ta có thể sẽ chọn tiêu dùng ở điểm F không? Giải thích.
- (b) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, anh ta có thể sẽ chọn tiêu dùng ở điểm G không? Giải thích.

(c) Nếu sở thích của Eliot không thay đổi, người tiêu dùng sẽ chọn điểm nằm trên đoạn nào trên đường ngân sách CD?

(d) Bạn có thể nói gì về sở thích của Eliot nếu anh ta chọn điểm G?

**10** Bài tập này dựa vào số liệu ở Phụ lục chương 5 trong sách lý thuyết và giả định rằng ích lợi có thể đo được.

Frank có thể đọc tạp chí hoặc nghe cassettes. Bảng 5-2 minh họa ích lợi anh ta thu được từ việc tiêu dùng 2 loại hàng hóa trên với số lượng khác nhau. Giá của tạp chí là 1,5£ và giá của cassettes là 7,5£. Giả sử Frank có thu nhập 30£ chỉ cho 2 hàng hóa này và hiện nay đang mua 2 đơn vị cassettes và 10 đơn vị tạp chí. Vấn đề ở đây là liệu anh ta đã tối đa hóa lợi nhuận với thu nhập và giá của các hàng hóa đã cho chưa.

(a) Lợi ích anh ta thu được từ kết hợp hàng hóa hiện tại là bao nhiêu?

(b) Tính toán lợi ích cận biên mà anh ta thu được từ đọc tạp chí và nghe cassettes.

(c) Vẽ sơ lược lợi ích cận biên của anh ta về cassettes.

(d) Chúng ta có thể nói anh ta đã tối đa hóa lợi ích không?

(e) Ích lợi mà anh ta thu được là bao nhiêu nếu anh ta chi toàn bộ thu nhập vào cassettes?

(f) Tính toán lợi ích cận biên trên giá của mỗi hàng hóa.

(g) Kết hợp giữa 2 hàng hóa để Frank tối đa hóa lợi ích là bao nhiêu với thu nhập đã cho?

**Bảng 5-2** Lợi ích của Frank từ tạp chí và nghe cassettes

Số lượng tiêu dùng	Tạp chí			Cassettes		
	(1) Lợi ích	(2) Lợi ích cận biên	(3) $MU_m/P_m$	(4) Lợi ích	(5) Lợi ích cận biên	(6) $MU_c/P_c$
1	60			360		
2	111			630		
3	156			810		
4	196			945		
5	232			1050		
6	265			1140		
7	295			1215		
8	322			1275		
9	371			1350		
10	371			1350		



**Đúng/Sai**

- 1 Đường bàng quan luôn dốc xuống về phía phải nếu người tiêu dùng thích nhiều hàng hóa hơn ít hàng hóa.
- 2 Đường bàng quan sẽ không bao giờ cắt nhau nếu sở thích của người tiêu dùng là nhất quán.
- 3 Độ dốc của đường ngân sách chỉ phụ thuộc vào giá tương đối giữa 2 hàng hóa.
- 4 Ràng buộc ngân sách chỉ ra số lượng tối đa một loại hàng hóa mà người tiêu dùng có thể mua được, cho trước lượng mua của một loại hàng hóa khác.
- 5 Mỗi cá nhân tối đa hóa lợi ích khi đường ngân sách của anh ta cắt với một đường bàng quan.
- 6 Thu nhập thay đổi làm thay đổi độ dốc và vị trí của đường ngân sách.
- 7 Tất cả hàng hóa Giffen đều là hàng hóa "thứ cấp".
- 8 Tất cả hàng hóa "thứ cấp" đều là hàng hóa Giffen.
- 9 Đường thu nhập mở rộng dốc lên về phía phải nếu cả 2 hàng hóa đều là hàng hóa "thông thường".
- 10 Ảnh hưởng thay thế khi giá hàng hóa tăng lên rõ ràng làm giảm lượng cầu về hàng hóa đó.
- 11 Nếu sau khi giá của hàng hóa X tăng lên, ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập bằng nhau thì X không phải là hàng hóa "thứ cấp" cũng không phải là hàng hóa "thông thường".
- 12 Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng minh họa rằng, người tiêu dùng thích sự hoán đổi bằng sự hài lòng hơn sự hoán đổi bằng tiền.

**Kinh tế học trong thực tiễn****Vùng đất Costa Brava đã không còn là "Sự lựa chọn đầu tiên"**

(Trích từ BBC News Online, 06/04/2004)

Costa Brava của Tây Ban Nha, một vùng đất nổi tiếng cho các kỳ nghỉ, đã không còn được một công ty du lịch hàng đầu lựa chọn nữa. Công ty

(Tiếp theo)

này nói rằng quyết định này đưa ra vì đây đã trở thành "một điểm đến đã quá quen thuộc" và thiếu những khách sạn đầy đủ tiện nghi. Giám đốc sản phẩm về "Sự lựa chọn đầu tiên" đã nói: doanh thu của chúng tôi ở Costa Brava đã bị giảm. Số lượng phòng đặt năm nay giảm 25% so với cùng kỳ năm 2003.

Sự giảm xuống này được xác định là do giá tăng quá cao vì các chuyến bay với chi phí thấp đã tăng giá. Các nhà hoạt động du lịch khác cũng đã phải giảm công suất đến Tây Ban Nha vào mùa hè năm 2005 trên các quyển sách giới thiệu du lịch vùng đất này và ở cấu lạc bộ 18-30.

**Câu hỏi**

- 1 Có bằng chứng nào chứng minh ảnh hưởng thay thế ảnh hưởng đến tình trạng doanh thu về du lịch tại vùng đất Costa Brava ở Tây Ban Nha giảm xuống?
- 2 Nếu các công ty du lịch này đang thay thế bằng các kỳ nghỉ dài ngày hơn, bạn có thể giải thích vấn đề này bằng lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng không?

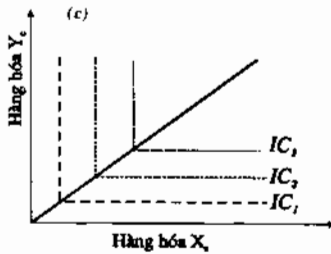
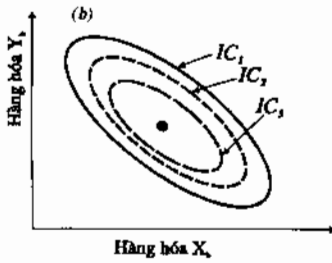
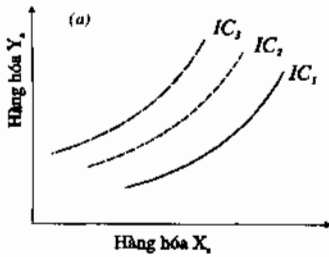
**Câu hỏi tư duy**

1 Đường cầu thị trường được xác định là tổng hợp của các đường cầu cá nhân với sở thích của các cá nhân đó là độc lập. Tuy nhiên, giả sử giả định này không còn nữa: ví dụ, có thể người tiêu dùng sẽ cầu một hàng hóa nhiều hơn nếu họ nghĩ rằng "tất cả mọi người đang mua nó" - hoặc họ có thể cầu nó nhiều hơn nếu họ nghĩ nó bị loại trừ vì ít người có đủ tiền để mua nó. Những phân tích độc lập này có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cầu cá nhân và cầu thị trường như thế nào?

2 Cho đến đây, chúng ta luôn giả định rằng đường bàng quan dốc xuống: điều này cho phép chúng ta xây dựng đường bàng quan về sở thích người tiêu dùng. Ví dụ, chúng ta giả định rằng, tỷ lệ thay thế cận biên giữa 2 hàng hóa luôn giảm dần và rằng nhiều hơn thì tốt hơn. Nếu một cá nhân có sở thích không phù hợp những nguyên tắc này, đường bàng quan sau đó sẽ có hình dạng khác. Trong Hình 5-7 là một vài đường cong đường bàng quan phản ánh các giả định khác nhau về xây dựng các đường này.

Trong mỗi trường hợp, ích lợi tăng từ  $IC_1$  đến  $IC_2$  đến  $IC_3$ . Với một tập hợp các đường bàng quan khác nhau, giải thích bản chất về sở thích của người tiêu dùng và lấy ví dụ về các cặp hàng hóa minh họa hình dạng các đường bàng quan đó.

**Hình 5-7** Sở thích đặc biệt



**3** Mức lương theo giờ tăng lên sẽ dẫn đến các cá nhân làm việc nhiều hay ít giờ hơn? Trong chừng mực nào đó, đây dường như không phải là nội dung của chương này. Tuy nhiên, các cá nhân còn có sở thích về các thứ khác chứ không phải mỗi hàng hóa - ví dụ: giữa thu nhập và nghỉ ngơi (giờ không phải làm việc). Chúng ta có thể vẽ các đường bàng quan giữa thu nhập (biểu diễn ở trục tung) và giờ nghỉ ngơi (biểu diễn ở trục hoành). Nếu các cá nhân từ bỏ các giờ nghỉ ngơi họ sẽ có thu nhập, phụ thuộc vào mức lương; vì vậy, chúng ta có thể vẽ một đường ngân sách mà độ dốc của nó phụ thuộc vào mức lương. Mức lương cao hơn, đường ngân sách càng thoải hơn. Hãy sử dụng phân tích này để suy nghĩ về câu hỏi đưa ra ở trên.

**4** Felicity có được lợi ích từ nghe CDs và xem videos. Nếu cô ta mong muốn để tối đa hóa lợi ích, cần phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- (a) Lợi ích cận biên từ CDs phải bằng lợi ích cận biên từ videos.
- (b) Cô ta phải thu tổng lợi ích từ hai hàng hóa là như nhau.
- (c) Giá của CDs nhân với lợi ích cận biên của CDs phải bằng giá của videos nhân với lợi ích cận biên của videos.
- (d) Tỷ số lợi ích cận biên trên giá của CDs bằng tỷ số lợi ích cận biên trên giá của videos.
- (e) Tỷ số tổng lợi ích trên giá của CDs bằng tỷ số tổng lợi ích trên giá của videos.

# Các quyết định cung ứng

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Các loại hình doanh nghiệp
- Doanh thu, chi phí, lợi nhuận và luồng tiền
- Tài khoản luồng và dự trữ
- Chi phí kế toán (tính toán) và chi phí kinh tế
- Liệu một hãng chọn mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận không
- Sự lựa chọn này phản ánh chi phí cận biên và doanh thu cận biên như thế nào

## Nội dung nghiên cứu chính

Chương này đặt ra một vài câu hỏi cơ bản về hãng:

- 1 Có các loại hình doanh nghiệp nào?
- 2 Tại sao tồn tại các hãng - có phải nó tìm kiếm lợi nhuận không?
- 3 Nếu họ tìm kiếm lợi nhuận, họ sẽ sản xuất bao nhiêu để tối đa hóa lợi nhuận?

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả vấn đề này và các bài tập tiếp theo sẽ giúp nâng cao sự hiểu biết.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Tổng doanh thu
- b** Tài sản
- c** Lợi nhuận
- d** Tổng chi phí
- e** Chi phí cận biên
- f** Chi phí cơ hội
- g** Chi phí kế toán
- h** Nợ
- i** Khấu hao
- j** Doanh thu cận biên
- k** Dự trữ
- l** Cổ tức
- m** Siêu lợi nhuận
- n** Thôn tính
- o** Mâu thuẫn giữa chủ - tớ

- 1** Một phần của lợi nhuận mà một hãng không muốn tái đầu tư và vì vậy phải trả cho các cổ đông.
- 2** Phần lợi nhuận - ngoài số lợi tức của những người chủ hãng - có được do họ cho một ai đó vay tiền với lãi suất thị trường.
- 3** Hàng hóa ở trong kho mà hãng sẽ bán trong tương lai.
- 4** Một tình huống trong đó một hãng bị mua bởi những người quản lý của các hãng khác mà không được hãng này ưa thích.
- 5** Phần tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm một đơn vị sản lượng.
- 6** Phần giá trị của máy móc mất đi khi sử dụng trong một thời kỳ.
- 7** Phần tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.
- 8** Cái mà hãng nợ đối tượng khác.
- 9** Tất cả các khoản chi phí để sản xuất sản phẩm bao gồm cả chi phí cố định và chi phí biến đổi ở các mức sản lượng khác nhau (bao gồm cả chi phí cơ hội).
- 10** Cái mà hãng sở hữu.
- 11** Phần mà hãng nhận được từ việc bán hàng, bằng tổng chi tiêu mà người tiêu dùng chi mua về sản phẩm của hãng.
- 12** Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.
- 13** Khoản chi phí thực tế mà một hãng phải trả trong một thời kỳ.
- 14** Một tình huống nảy sinh từ xung đột lợi ích giữa chủ và các nhân viên.
- 15** Số lượng lỗi do không sử dụng các nguồn lực với một giải pháp tốt nhất.

### Bài tập

**1** Dưới đây là miêu tả về 4 loại hình của hãng. Xác định hãng nào là doanh nghiệp 1 chủ, đồng sở hữu, hay công ty.

- (a) Count & Balance là một hãng hoạt động trong lĩnh vực tư vấn kế toán. Năm kế toán, những người làm việc cho hãng chia sẻ lợi nhuận cùng với nhau và cùng chịu trách nhiệm không giới hạn với những khoản nợ của công ty.
- (b) Will Mendit & Son là một hãng nhỏ kinh doanh theo kiểu gia đình. Will phụ trách phần sửa

chữa điện trong khi con trai của ông ta phụ trách về giấy tờ và thỉnh thoảng phụ giúp ông trong việc sửa chữa; hai người cùng chia sẻ phần lợi nhuận kiếm được. Nếu hãng phá sản, Will sẽ phải bán chiếc xe của anh ta và con trai thì phải bán chiếc xe máy của anh ta.

- (c) D. Harbinger Limited cung cấp các phương tiện viễn thông cho quân đội. Lợi nhuận được phân chia giữa những cổ đông, những người chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của hãng. Người sáng lập hãng đã nghỉ hưu, rời bỏ việc quản lý trong hội đồng quản trị.

## Chương 6: Các quyết định cung ứng

(d) Connie Fecton đang kinh doanh một cửa hàng bán đồ ngọt và đang cùng nhà với con gái của cô ta. Cô con gái này vẫn được trả lương với 4 buổi chiều làm việc mỗi tuần. Connie phải chịu trách nhiệm về việc kinh doanh và trong trường hợp khó khăn phải bán hết những gì mà cô ta có.

**2** Sau đây là các chi phí và doanh thu của hãng Lex Pretend & Son Limited trong năm 2004. Hãy chuẩn bị báo cáo thu nhập của hãng, tính toán lợi nhuận trước và sau thuế với giả định rằng hãng chịu mức thuế công ty là 30% trên lợi nhuận.

- (a) Tiền thuê 25000£.
- (b) Lượng bán là 5000 sản phẩm X với giá 40£/sản phẩm.
- (c) Chi phí đi lại 19000£.
- (d) Các chi phí văn phòng 15000£.
- (e) Tiền lương 335000£.
- (f) Tiền điện thoại 8000£.
- (g) Doanh thu 4000 sản phẩm Y với giá 75£/sản phẩm.
- (h) Chi phí quảng cáo 28000£.

**3** Fiona là doanh nghiệp 1 chủ hoạt động trong ngành dệt. Trong năm vừa qua, doanh thu là 55000£ và cô ta chịu chi phí trực tiếp là 27000£. Fiona có 25000£ vốn bằng tiền để hoạt động trong cả năm. Cô ta cũng có thể đi làm cho một công ty khác kiếm được 21000£. Tính những khoản mục sau (lãi suất thị trường là 10%):

- (a) Chi phí kế toán.
- (b) Lợi nhuận kế toán.
- (c) Chi phí cơ hội về thời gian của Fiona.
- (d) Chi phí cơ hội về tiền.
- (e) Chi phí kinh tế.
- (f) Lợi nhuận kinh tế (siêu lợi nhuận).

**4** Dưới đây là các khoản mục về tài sản và các khoản nợ của GSC Limited (Great Spon Company) đến ngày 31/3/2004. Đưa các khoản mục này vào bảng cân đối kế toán của hãng và tính giá trị ròng cho công ty. Chú ý rằng công ty mới hoạt động được một năm và vốn xây dựng nhà xưởng, cơ sở vật chất, máy móc khấu hao là 20%/năm.

- (a) Lương phải trả là 25000£.
- (b) Tồn kho là 80000£.
- (c) Phải trả tiền vay ngân hàng là 50000£.
- (d) Xây dựng, giá trị bán đầu là 300000£.

(e) Tiền mặt là 30000£.

(f) Các khoản phải thu là 55000£.

(g) Các khoản phải trả là 40000£.

(h) Cầm cố là 180000£.

(i) Lương đến hạn phải trả là 30000£.

(j) Vốn về máy móc thiết bị ngoài vốn xây dựng, giá trị ban đầu là 250000£.

**5** Bảng 6-1 là số liệu về doanh thu và chi phí của một hãng.

- (a) Tính chi phí cận biên khi tăng sản lượng.
- (b) Tính doanh thu cận biên khi tăng lượng bán.  
(Gợi ý: Bạn cần tính tổng doanh thu trước).
- (c) Ở mức sản lượng nào lợi nhuận là lớn nhất?
- (d) Tính lợi nhuận ở mỗi mức sản lượng.

**Bảng 6-1** Chi phí và doanh thu của một hãng

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Giá bán (£)	Tổng chi phí (£)
1	25	10
2	23	23
3	20	38
4	18	55
5	15	75
6	12	98

**6** Ông Smith là chủ của một nhà máy nhỏ. Vào sáng thứ năm hàng tuần, ông ta đều dạo qua các cửa hàng trên một chiếc xe tải. Người lái xe, tất nhiên vẫn được trả lương bình thường và bà Jones còn đưa thêm cho anh ta 5£. Chi phí cơ hội là bao nhiêu nếu Ông Smith tự lái chiếc xe đó?

- (a) 5£ cộng với mức lương hàng ngày của anh lái xe.
- (b) Công việc ông ta làm nếu ông ta không đi ra khỏi nhà máy.
- (c) Tiền lương mà ông ta có thể kiếm được.
- (d) 5£ mà bà Jones trả.

**7** Bảng 6-2 tóm tắt doanh thu cận biên và chi phí cận biên của một hãng.

- (a) Vẽ đồ thị đường doanh thu cận biên và chi phí cận biên, với các giá trị cận biên đặt ở giữa các mức sản lượng (ví dụ, đặt giá trị chi phí cận biên của đơn vị thứ nhất giữa mức sản lượng 0 và 1...).
- (b) Hãng nên chọn mức sản lượng nào nếu nó muốn tối đa hóa lợi nhuận?

- (c) Hãng sẽ chọn mức sản lượng nào nếu muốn tối đa hóa doanh thu? (cần mở rộng đường doanh thu cận biên).
- (d) Nếu chi phí cận biên tăng lên 30£ ở mỗi mức sản lượng, mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận là bao nhiêu?
- (e) Với chi phí cận biên như ban đầu, mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận là bao nhiêu nếu doanh thu cận biên ở mỗi mức sản lượng tăng lên 34\$?

**Bảng 6-2** Doanh thu cận biên, chi phí cận biên của một hãng

Tổng sản lượng (đơn vị/tuần)	Doanh thu cận biên (£)	Chi phí cận biên (£)
0	72	17
1	56	15
2	40	25
3	24	40
4	8	60
5		

**8** Động lực để một hãng đặt giá và sản lượng là bao nhiêu?

- (a) Mong muốn tối đa hóa lợi nhuận.  
 (b) Mong muốn tối đa hóa lượng bán.  
 (c) Mong muốn có được thị phần lớn nhất có thể.  
 (d) Mong muốn đủ lợi nhuận để giữ được các cổ đông.  
 (e) Mong muốn thấy hãng phát triển càng nhanh càng tốt.

Mục tiêu nào trong những mục tiêu trên được xem là quan trọng nhất?

## Đúng/Sai

- 1** Những nhà buôn bán nhỏ là loại hình kinh doanh phổ biến nhất ở Liên hiệp Anh, nhưng nói chung, các công ty là có lợi nhuận nhiều nhất.
- 2** Bảng cân đối kế toán của một hãng tóm tắt những thông tin về luồng tiền thu được và chi phí trong một năm.
- 3** Để tránh khả năng phải bán hết những gì mình đang sở hữu, các cổ đông nên cẩn thận khi mua cổ phần của những hãng đang làm ăn phát đạt.
- 4** Các hãng mà có lợi nhuận kế toán thì phải là các hãng đang làm ăn phát đạt.
- 5** Chi phí cơ hội cộng với chi phí kế toán bằng chi phí kinh tế.
- 6** Giá trị ròng của một hãng ở trên bảng cân đối kế toán không nhất thiết phản ánh giá trị thực, những yếu tố được xem như là "sự tín nhiệm".
- 7** Các hãng tối đa hóa lợi nhuận nên bán càng nhiều càng tốt.
- 8** Khi đường cầu của một hãng dốc xuống, doanh thu cận biên sẽ giảm khi sản lượng tăng.
- 9** Lợi nhuận dài hạn mới là quan trọng; dòng tiền không quan trọng.
- 10** Bất kỳ một hãng muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ tối thiểu hóa chi phí ở bất kỳ mức sản lượng nào.
- 11** Nếu doanh thu cận biên giảm sẽ làm cho lợi nhuận đạt tối đa ở mức sản lượng thấp hơn.
- 12** Tồn kho là sản phẩm của những nhà khoa học điên khùng.
- 13** Khi đường cầu của một hãng dốc xuống, doanh thu cận biên nhỏ hơn giá ở đơn vị sản lượng bán cuối cùng.
- 14** Hơn 90% đầu tư ở Liên hiệp Anh được tài trợ từ lợi nhuận để lại.

## Kinh tế học trong thực tiễn

### Chủ tịch của Sainsbury bị buộc từ chức

(Trích từ BBC News Online, 01/07/2004)

Các cổ đông chủ chốt đã bắt buộc chủ tịch của Sainsbury, Ngài Peter David từ chức ngay. Họ rất tức giận vì Ngài Peter đã tự thưởng mức 2,4 triệu Bảng vào thời điểm mà lợi nhuận và thị phần đang giảm. Công ty cũng đã được cảnh báo rằng, lợi nhuận của hãng trong năm nay sẽ "thấp hơn" rất nhiều so với dự đoán, làm cho giá cổ phiếu sẽ giảm xuống đáng kể. Sainsbury cũng đã để mất vị trí của mình vào tay Tesco và Asda. Vào tháng 5, nó đã thông báo lợi nhuận hàng năm giảm xuống còn 2,9%.

Ngài Peter đã làm giám đốc điều hành trong vòng 4 năm và mới trở thành chủ tịch của Sainsbury vào tháng 5. Sainsbury đã cảm ơn Ngài Peter về tất cả những cố gắng của ông ta đối với công ty.

### Câu hỏi

- 1 Trong bài báo này, hãy xác định chủ và người làm công.
- 2 Có phải có sự phân chia quyền sở hữu từ việc kiểm soát vấn đề ở Sainsbury không?

## Câu hỏi tư duy

- 1 Tại sao chi phí cận biên lại giảm xuống ở những mức sản lượng thấp?
- 2 Cái gì có thể là chi phí cơ hội khi bạn đang suy nghĩ về câu hỏi này?
- 3 Giả sử bạn đang là cổ đông ở một công ty phần mềm máy tính, nhưng bạn không trực tiếp liên quan đến hoạt động của công ty, bởi vì hoạt động với vai trò là một ngôi sao nhạc rock đã chiếm hết thời gian của bạn. Bạn hy vọng, công ty sẽ tối đa hóa lợi nhuận, mặc dù bạn biết rằng đây là một thị trường có sự cạnh tranh rất mạnh. Suy nghĩ về những câu hỏi sau có thể giúp bạn bằng cách hãy liên kết với những nội dung đã có trong sách lý thuyết.
  - (a) Có phải các nhà quản lý phải chia sẻ sự nhiệt tình của mình để tối đa hóa lợi nhuận?
  - (b) Bạn có thể vừa tối đa hóa lợi nhuận vừa giám sát sự hoạt động của các nhà quản lý không?
  - (c) Sự đe dọa từ những người thôn tính thù địch là một sự giúp đỡ hay là một trở ngại trong tình huống này?
  - (d) Sự đe dọa từ những người thôn tính thù địch ảnh hưởng đến lợi nhuận dài hạn của hãng như thế nào?
  - (e) Bạn nên tiến hành các bước nào để bảo vệ lợi ích của bạn?

# Chi phí và cung

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Hàm sản xuất
- Công nghệ và kỹ thuật sản xuất
- Việc lựa chọn kỹ thuật sản xuất phụ thuộc vào giá các yếu tố đầu vào như thế nào
- Tổng chi phí, chi phí trung bình, chi phí cận biên trong ngắn hạn và dài hạn
- Hiệu suất theo qui mô và mối quan hệ của nó với các đường chi phí trung bình
- Các yếu tố đầu vào cố định và biến đổi trong ngắn hạn
- Quy luật hiệu suất giảm dần
- Một hãng lựa chọn sản lượng trong ngắn hạn và dài hạn như thế nào

## Nội dung nghiên cứu chính

Trong chương này, chúng ta sẽ biết điều gì ảnh hưởng đến chi phí của một hãng. Câu trả lời sẽ liên quan rộng hơn đến các lĩnh vực sau:

- 1 Hãng sử dụng công nghệ sản xuất gì và các yếu tố đó kết hợp với nhau ra sao.
- 2 Trong dài hạn, chi phí của hãng bị ảnh hưởng bởi hiệu suất theo qui mô.
- 3 Trong ngắn hạn, chi phí bị ảnh hưởng bởi năng suất cận biên giảm dần.

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả các vấn đề trên và bạn nên cố gắng xây dựng sự hiểu biết của mình qua 3 vấn đề này. Những bài tập sau sẽ giúp bạn hiểu thêm.



## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Hàm sản xuất
- b Chi phí cố định
- c Hiệu suất không đổi theo quy mô
- d Tổng chi phí trung bình dài hạn
- e Quy luật năng suất cận biên giảm dần
- f Chi phí cận biên ngắn hạn
- g Tính kinh tế theo qui mô (hiệu suất tăng theo qui mô)
- h Dài hạn
- i Chi phí biến đổi
- j Chi phí cận biên dài hạn
- k Ngắn hạn
- l Tổng chi phí dài hạn
- m Qui mô hiệu quả tối thiểu
- n Tính phi kinh tế của qui mô (hiệu suất giảm theo qui mô)

- 1 Số lượng sản phẩm đầu ra tối đa có thể có được từ một tập hợp đầu vào nhất định.
- 2 Tổng chi phí của việc sản xuất một mức sản lượng cho trước khi hãng có khả năng điều chỉnh tất cả các đầu vào một cách tối ưu.
- 3 Thời kỳ đủ để hãng điều chỉnh tất cả các đầu vào khi có sự thay đổi về các điều kiện thị trường.
- 4 Mức sản lượng tại đó tính kinh tế của qui mô không còn quan trọng đối với một hãng nữa và tổng chi phí trung bình bắt đầu nằm ngang.
- 5 Tình huống trong đó tổng chi phí trung bình dài hạn tăng khi mức sản lượng tăng.
- 6 Phần tăng lên trong tổng chi phí ngắn hạn khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.
- 7 Mức chi phí đơn vị của việc sản xuất mức sản lượng cho trước khi hãng có thể điều chỉnh tất cả các đầu vào một cách tối ưu.
- 8 Chi phí thay đổi khi sản lượng thay đổi.
- 9 Tình huống trong đó khi tăng các đơn vị của đầu vào biến đổi sẽ dẫn đến sự giảm xuống ổn định trong năng suất cận biên của đầu vào đó.
- 10 Phần tăng lên trong tổng chi phí dài hạn khi sản lượng luôn tăng lên một đơn vị.
- 11 Chi phí không thay đổi khi sản lượng thay đổi.
- 12 Tình huống khi tổng chi phí trung bình dài hạn không đổi mặc dù sản lượng tăng.
- 13 Tình huống khi tổng chi phí trung bình dài hạn giảm khi sản lượng tăng.
- 14 Thời kỳ trong đó hãng chỉ mới điều chỉnh một phần các yếu tố đầu vào khi có sự thay đổi các điều kiện thị trường.

### Bài tập

- 1 Một hãng sản xuất kẹo cứng có lựa chọn giữa 3 kỹ thuật sản xuất, mỗi kỹ thuật có các kết hợp khác nhau về lao động và vốn như trong Bảng 7-1. Giả sử giá của lao động là 200£/đơn vị/tuần và giá của vốn là 400£/đơn vị/tuần.
- (a) Tính tổng chi phí cho mỗi mức sản lượng.

- (b) Ở mỗi mức sản lượng, hãy chỉ ra hãng nên sử dụng kỹ thuật sản xuất nào.
- (c) Giả sử giá của lao động tăng lên thành 300£/đơn vị/tuần, giá của vốn vẫn giữ nguyên. Bằng cách nào bạn có thể xác định được sự lựa chọn của hãng về các kỹ thuật sản xuất bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong giá tương đối?
- (d) Với chi phí lao động mới, hãy chỉ ra các kỹ thuật sản xuất mà hãng nên sử dụng ở mức sản lượng và tính tổng chi phí.

**Bảng 7-1** Các kỹ thuật sản xuất kẹo cứng

Sản lượng	Kỹ thuật A		Kỹ thuật B		Kỹ thuật C	
	L	K	L	K	L	K
1	9	2	6	4	4	6
2	19	3	10	8	8	10
3	29	4	14	12	12	14
4	41	5	18	16	16	19
5	59	6	24	22	20	25
6	85	7	33	29	24	32
7	120	8	45	38	29	40

Lưu ý: L: lao động, K: vốn.

Tất cả được đo lường bằng đơn vị/tuần

**Bảng 7-2** Sản lượng và tổng chi phí dài hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Tổng chi phí (£)	Tổng chi phí trung bình dài hạn	Chi phí cận biên dài hạn
0	0		
1	32		
2	48		
3	82		
4	140		
5	228		
6	352		

**2** Một hãng có các tổng chi phí dài hạn như trong Bảng 7-2.

- Tính tổng chi phí trung bình dài hạn (LAC) và chi phí cận biên dài hạn (LMC).
- Vẽ đường LAC và LMC (nhớ là vẽ các điểm nằm trên đường LMC phải ở giữa các mức sản lượng).
- Ở mức sản lượng nào, LAC là nhỏ nhất?
- Ở mức sản lượng nào, LMC bằng LAC?

**3** Hãy nhìn vào hình bạn vẽ trong bài tập 2.

- Trong khoảng sản lượng nào hãng có được tính kinh tế của quy mô (hiệu suất tăng theo quy mô)?
- Trong khoảng sản lượng nào hãng gặp phải tính phi kinh tế của quy mô (hiệu suất giảm theo quy mô)?
- Quy mô hiệu quả tối thiểu của hãng này là gì?

(d) Giả sử bạn có thể đo lường được hiệu suất theo quy mô ở các điểm cụ thể trên đường LAC, ở điểm LAC tối thiểu thì điểm đó có đặc điểm gì?

**4** Câu nào sau đây miêu tả qui luật năng suất cận biên giảm dần? giả định trong mỗi trường hợp, lao động là đầu vào biến đổi, vốn là đầu vào cố định. Khi ngày càng nhiều lao động được sử dụng:

- Tổng sản lượng sẽ giảm bởi vì đơn vị lao động tăng thêm có chất lượng kém hơn những đơn vị lao động trước đó?
- Sự thiếu hụt tương đối về vốn sẽ làm cho tổng sản lượng tăng lên với tốc độ chậm dần.
- Chi phí sản xuất sẽ chắc chắn bị tăng cao bởi vì mức lương sẽ tăng lên khi lao động trở nên khan hiếm hơn.
- Sau đó sẽ cần ít đơn vị lao động hơn để sản xuất nhiều sản lượng hơn.
- Doanh thu cận biên đạt được từ mỗi đơn vị sản xuất thêm sẽ giảm xuống.

**5** Điều kiện nào sau đây là cần thiết dẫn đến sự xuất hiện quy luật năng suất cận biên giảm dần?

- Các yếu tố đầu vào khác là giữ nguyên.
- Các hiểu biết về kỹ thuật không thay đổi.
- Tất cả các đơn vị của yếu tố đầu vào biến đổi là giống hệt nhau.

**6** Một hãng có chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn như trong Bảng 7-3.

**Bảng 7-3** Chi phí sản xuất ngắn hạn

Sản lượng (đơn vị/tuần)	Chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn (SAVC)
1	17
2	15
3	14
4	15
5	19
6	29

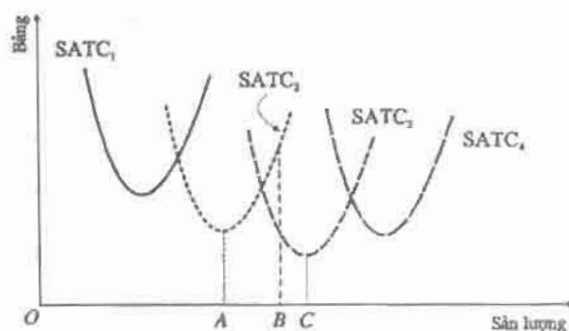
- (a) Từ số liệu trong Bảng 7-3, tính chi phí cố định trung bình ngắn hạn (SAFC), tổng chi phí ngắn hạn (STC) và chi phí cận biên ngắn hạn (SMC).
- (b) Vẽ các đường SAVC, SATC, SMC; xem xét xem SMC có đi qua điểm thấp nhất của 2 đường còn lại không.
- (c) Nếu hãng đang cố gắng tăng sản xuất từ 5 lên 6 đơn vị/tuần, chi phí cận biên ngắn hạn có thể cao hơn. Giải thích tại sao điều này lại có thể xảy ra, dựa vào miêu tả về năng suất cận biên của lao động.

**7** Trong ngắn hạn, hãng có thể thay đổi lao động nhưng không thể thay đổi vốn. Bảng 7-4 minh họa số lượng sản phẩm thay đổi khi thay đổi lao động.

- (a) Tính toán năng suất cận biên của lao động (MPL) và năng suất bình quân của lao động (APL).
- (b) Vẽ MPL và APL.
- (c) Bắt đầu từ lao động nào quy luật năng suất cận biên giảm dần xuất hiện?
- (d) Ở đơn vị lao động nào MPL cắt APL.
- (e) Bạn dự đoán đường MPL sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi vốn thay đổi?

**8** Câu nào sau đây là không đúng về đường chi phí cận biên ngắn hạn?

- (a) Chi phí cận biên bằng chi phí biến đổi trung bình khi chi phí biến đổi trung bình là tối thiểu.
- (b) Khi chi phí biến đổi trung bình đang giảm, chi phí cận biên sẽ nằm dưới chi phí biến đổi trung bình.
- (c) Chi phí cận biên lớn hơn chi phí biến đổi trung bình khi số lượng đơn vị được sản xuất lớn hơn mức sản lượng với kết hợp đầu vào tối ưu.
- (d) Chi phí cận biên sẽ tăng khi có quy luật năng suất cận biên giảm dần.
- (e) Chi phí cận biên không bị ảnh hưởng khi giá của các đầu vào thay đổi.
- (f) Chi phí cận biên phụ thuộc một phần vào chi phí cố định.
- 9** Mỗi một đường chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn trên Hình 7-1 minh họa các quy mô nhà máy khác nhau của một hãng.

**Hình 7-1** Chi phí biến đổi trung bình ngắn hạn

- (a) Dựa vào Hình 7-1, mức sản lượng hiệu quả nhất mà hãng nên sản xuất là bao nhiêu?
- (b) Nếu hãng mở rộng quy mô sản xuất như các điểm trên, hãng sẽ đạt hiệu suất theo quy mô như thế nào?

**Bảng 7-4** Sản lượng và lao động đầu vào

Lao động (công nhân/tuần)	Sản lượng (đơn vị/tuần)	Năng suất lao động cận biên	Năng suất lao động trung bình
0	0		
1	35		
2	80		
3	122		
4	156		
5	177		
6	180		

**Bảng 7-5** Các quyết định ngắn hạn và dài hạn

Giá (£)	Quyết định trong ngắn hạn			Quyết định trong dài hạn		
	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa	Có lãi	Thua lỗ	Đóng cửa
18,0						
5,0						
7,0						
13,0						
11,5						

(c) Quy mô nào trong 4 quy mô hoạt động là phù hợp nếu hãng muốn sản xuất sản lượng OA?

(d) Nếu hãng muốn mở rộng sản xuất sang sản lượng OB, quy mô lựa chọn trong ngắn hạn và trong dài hạn là gì?

(e) Vẽ phác đường chi phí trung bình dài hạn của hãng.

**10** Một hãng lựa chọn mức sản lượng mà tại đó hãng mong muốn sản xuất. Kiểm tra điều kiện cận biên, hãng này hiện tại đang xem xét điều kiện trung bình khi thực hiện trong ngắn hạn và dài hạn. Các điều kiện chi phí như LAC là 12 bảng; SATC 17 bảng (bao gồm SAVC 11 bảng và SAFC 6 bảng). Trong Bảng 7-5, đánh dấu các quyết định ngắn hạn và dài hạn tương thích đối với hãng tại từng mức giá cả thị trường.

**6** Một hãng sẽ đóng cửa sản xuất trong ngắn hạn nếu giá thấp hơn doanh thu bình quân.

**7** Đường cung dài hạn được xác định bởi việc tìm ra mức sản lượng tại đó chi phí cận biên dài hạn bằng doanh thu cận biên.

**8** Giữ lao động không đổi khi tăng đầu vào vốn sẽ dẫn đến hiệu suất giảm.

**9** LAC giảm khi LMC nhỏ hơn LAC và tăng khi LMC lớn hơn LAC; LAC đạt cực tiểu tại mức sản lượng mà tại đó LAC và LMC cắt nhau.

**10** Bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng nếu có nhiều hơn 1 người sản xuất tủ lạnh ở Liên hiệp Anh, thì không thể nào tất cả các hãng trong ngành đó đều sản xuất tại quy mô tối thiểu có hiệu quả.

**11** Quyết định xem nên tiếp tục sản xuất hay không có thể được đưa ra mà không cần quan tâm đến số tiền đã bỏ ra cho dự án đó trong quá khứ.

**12** Đường chi phí trung bình dài hạn đi qua điểm thấp nhất của các đường chi phí trung bình ngắn hạn.

### Đúng/Sai

**1** Vốn và lao động là 2 yếu tố sản xuất duy nhất mà hãng cần để xem xét khi đưa ra quyết định sản lượng.

**2** Dạng hình chữ U thường giả định rằng đường chi phí trung bình dài hạn chỉ đúng đối với một hãng có tính kinh tế của quy mô tại các mức sản lượng thấp, chuyển sang tính phi kinh tế của quy mô khi sản lượng tăng lên.

**3** Chuyên môn hoá (phân công lao động) có thể dẫn đến tính kinh tế của quy mô.

**4** Các hãng nhỏ luôn kém hiệu quả hơn so với các hãng lớn.

**5** Các hãng thua lỗ là “những con vịt què” nên đóng cửa sản xuất ngay.

### Kinh tế học trong thực tiễn

**Toyota dịch chuyển các thiết bị ra các nhà máy nước ngoài**

(Trích từ bài báo của Khozem Merchant, *Financial Times*, 30/06/2004)

Nhà máy sản xuất hộp số của Toyota ở Ấn Độ, gần Bangalore, là một trong năm nhà máy trên toàn thế giới sản xuất các phụ tùng cho động xe tải mà sẽ được lắp ráp ở một số nước.

Với kế hoạch này, Ấn Độ và Phillippines sẽ cung cấp hộp số; Thailand động cơ diesel; Indonesia động cơ xăng; và Mỹ Latin các phụ tùng

**Kinh tế học trong thực tiễn** (tiếp theo)

khác. Dòng sản phẩm bao gồm xe Van, SUV và xe tải cỡ lớn dựa trên một mẫu đơn lẻ mới, thay thế 2 mẫu đang có. Chúng được xuất khẩu đi 38 quốc gia.

Chiến lược tổng thể của Toyota là cố gắng tiếp cận các thị trường lớn như Trung Quốc và Ấn Độ trong khi đó sử dụng nguồn lực toàn cầu để tạo ra tính kinh tế của quy mô. Thị trường Ấn Độ tăng trưởng rất nhanh nhưng còn quá nhỏ đối với việc sản xuất và lắp ráp tại địa phương để tạo ra lợi nhuận hấp dẫn cho một công ty đa quốc gia như Toyota. Nếu cơ sở sản xuất này cũng được sử dụng để cung cấp các phụ tùng cho hoạt động toàn cầu, thì số lượng sản xuất sẽ tăng lên.

**Câu hỏi**

- 1 Toyota thực hiện những bước chủ yếu gì để khai thác tính kinh tế của quy mô?
- 2 Toyota có thể gặp phải những vấn đề gì do hoạt động theo cách này?

**Câu hỏi tư duy**

- 1 Giải thích tại sao các hãng lớn trong một số ngành có thể sản xuất với chi phí trung bình thấp hơn so với các hãng nhỏ. Chỉ ra một số ngành có

đặc điểm này. Trong những loại hoạt động nào thì điều ngược lại có thể đúng, tại sao?

- 2 Một ngành có thể đồng thời có tính kinh tế của quy mô và gặp hiệu suất giảm dần của lao động không?
- 3 Có quan điểm cho rằng trên thực tế các hãng không biết tất cả các chi tiết về các đường chi phí khác nhau mà chúng ta đã nhắc đến. Nếu điều này đúng, thì tất cả các phân tích này phù hợp như thế nào?
- 4 Suy nghĩ về việc bạn sẽ kỳ vọng tính kinh tế của quy mô đã thay đổi như thế nào trong những hoạt động sau đây vào những năm gần đây. Những thay đổi này có thể có ảnh hưởng gì đến cách mà các thị trường đó hoạt động?
  - (a) TV vệ tinh.
  - (b) Hoạt động ngân hàng.
  - (c) Xe máy chờ hàng.
  - (d) Dệt.
  - (e) Các chuyên gia nhãn quang.
  - (f) Cung cấp nước.

# Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Cạnh tranh hoàn hảo
- Tại sao một hãng cạnh tranh hoàn hảo lại quyết định giá bằng chi phí cận biên
- Lãi và lỗ là động cơ để các hãng gia nhập hay rút lui khỏi thị trường như thế nào
- Đường cung của ngành
- Phân tích so sánh tính của một ngành cạnh tranh
- Một thị trường trong đó xảy ra thương mại quốc tế
- Độc quyền thuần túy
- Tại sao sản lượng của độc quyền được xác định theo  $MR = MC$
- So sánh sản lượng như thế nào nếu ngành là độc quyền và ngành là cạnh tranh hoàn hảo
- Phân biệt giá ảnh hưởng đến sản lượng và lợi nhuận của một hãng độc quyền như thế nào

## Nội dung nghiên cứu chính

Từ chương 3 đến chương 7 bạn đã làm quen với các vấn đề về chi phí - doanh thu của một hãng. Tiếp theo chúng ta đề cập đến nội dung về cạnh tranh hoàn hảo - độc quyền và quan tâm đến mức sản lượng mà một hãng tối đa hóa lợi nhuận. Các vấn đề chủ yếu liên quan đến các câu hỏi sau:

- 1 Cạnh tranh hoàn hảo là gì và giải pháp chủ yếu cho thị trường này là gì?
- 2 Độc quyền là gì và các giải pháp chủ yếu nào cho cấu trúc thị trường này?
- 3 Nếu chúng ta so sánh độc quyền và cạnh tranh hoàn hảo, thị trường nào được thích hơn?

Sách lý thuyết đã đề cập đến những vấn đề này và cung cấp những thảo luận với phạm vi rộng hơn. Những bài tập sau sẽ giúp bạn nâng cao sự hiểu biết.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- b Đường cung thị trường
- c Độc quyền tự nhiên
- d Giá đóng cửa
- e Quy luật một giá
- f Độc quyền
- g Hãng cận biên
- h Lợi nhuận thông thường
- i Siêu lợi nhuận
- j Đường cung của hãng
- k Độc quyền mua
- l Tự do gia nhập hoặc rút lui

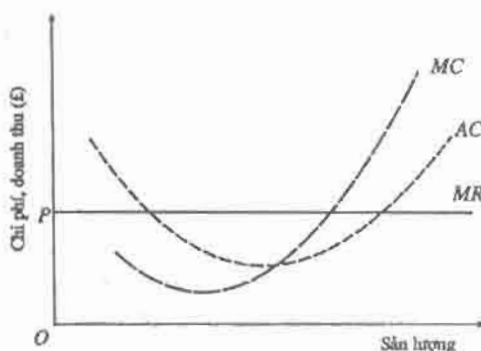
- 1 Một thị trường trong đó cả người mua và người bán tin rằng quyết định mua hoặc bán của họ không ảnh hưởng đến giá thị trường.
- 2 Đường cong chỉ ra sản lượng mà hãng muốn sản xuất ở mỗi mức giá.
- 3 Hãng đạt hiệu quả thấp nhất trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, chỉ thu được lợi nhuận thông thường.
- 4 Một cấu trúc thị trường trong đó chỉ có một người mua hàng hóa của ngành.
- 5 Một tình huống trong đó các hãng có thể rời khỏi hoặc gia nhập một ngành mà không gặp một trở ngại nào.
- 6 Một cấu trúc thị trường trong đó chỉ có một người bán hàng hóa của ngành.
- 7 Một tình huống trong đó giá của một hàng hóa đã cho là bằng nhau ở mọi nơi trên thế giới nếu không có rào cản thương mại và chi phí vận chuyển.
- 8 Một ngành trong đó hãng gặp phải tính kinh tế của quy mô đáng kể nên tổng chi phí trung bình dài hạn luôn giảm xuống trong khi sản lượng tăng lên, làm cho hãng gặp khó khăn trong hoạt động.
- 9 Mức giá mà hãng giảm phần lỗ bằng việc lựa chọn không sản xuất.
- 10 Mức lợi nhuận chỉ đủ để trả chi phí cơ hội về tiền và thời gian của người chủ.
- 11 Chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.
- 12 Đường biểu diễn tổng sản lượng của tất cả các hãng trong ngành muốn cung ở mỗi mức giá.

### Bài tập

1 Một hãng hoạt động trong ngành cạnh tranh hoàn hảo gặp phải đường cầu như Hình 8-1. OP là mức giá thị trường.

- (a) Chỉ ra trên đồ thị mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
- (b) Vẽ trên đồ thị phần diện tích biểu diễn lợi nhuận thu được từ mức sản lượng và mức giá trên.
- (c) Nếu bạn cho rằng ngành này đang ở cân bằng. Hãy xác định là cân bằng ngắn hạn hay dài hạn? Giải thích.

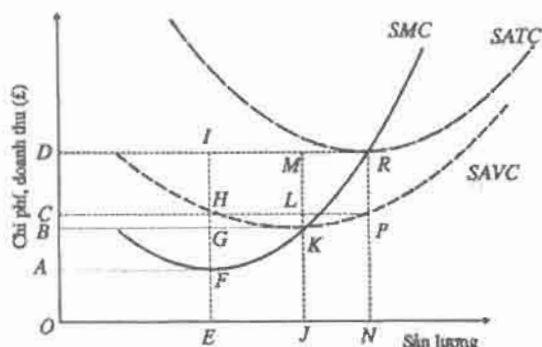
**Hình 8-1** Một hãng trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo



(d) Bạn kỳ vọng sự giảm sút của cầu thị trường đối với sản phẩm của ngành sẽ ảnh hưởng như thế nào đến hãng?

**2** Hình 8-2 minh họa các đường chi phí ngắn hạn đối với một hãng cạnh tranh hoàn hảo.

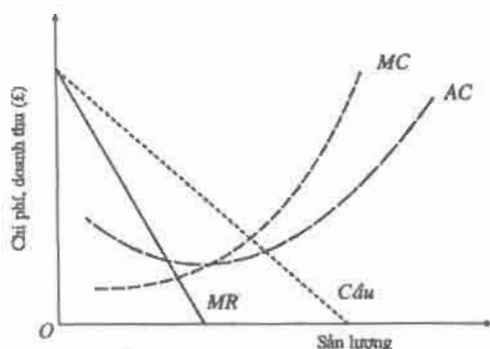
**Hình 8-2** Các đường chi phí ngắn hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo



- Giá đóng cửa của hãng là bao nhiêu?
- Tại mức giá nào hãng đạt được lợi nhuận bình thường?
- Phần diện tích nào mô tả tổng chi phí cố định ở mức giá này?
- Trong khoảng giá nào hãng sẽ lựa chọn tiếp tục sản xuất mặc dù bị lỗ trong ngắn hạn?
- Chỉ ra đường cung ngắn hạn của hãng.
- Trong khoảng giá nào hãng sẽ có được siêu lợi nhuận ngắn hạn?

**3** Một nhà độc quyền bán có các điều kiện về doanh thu và chi phí được minh họa trong Hình 8-3.

**Hình 8-3** Các điều kiện doanh thu và chi phí của nhà độc quyền bán



(a) Đánh dấu trên đồ thị này mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận.

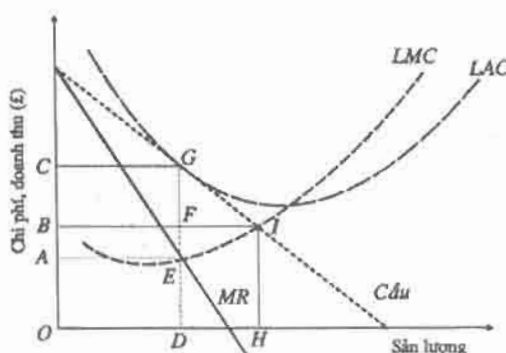
(b) Đánh dấu trên đồ thị mức giá mà tại đó nhà độc quyền sẽ lựa chọn để bán mức sản lượng này.

(c) Chỉ ra phần diện tích minh họa lợi nhuận của nhà độc quyền tại mức giá và sản lượng đó.

(d) Bạn kỳ vọng nhà độc quyền sẽ bị ảnh hưởng như thế nào khi cầu thị trường đối với hàng hoá đó giảm?

**4** Hình 8-4 minh họa tình huống doanh thu và chi phí dài hạn của một nhà độc quyền bán.

**Hình 8-4** Vị trí dài hạn của một nhà độc quyền bán



- Mức sản lượng tối đa hoá lợi nhuận là gì?
- Nhà độc quyền sẽ bán hàng hoá tại mức giá nào?
- Mức siêu lợi nhuận trong tình huống này là phần nào?
- Nhà độc quyền bán sẽ bán bao nhiêu sản lượng (và tại mức giá nào) nếu bị bắt buộc phải đặt giá bằng với chi phí cận biên?

**5** Bảng 8-1 mô tả đường cầu của một nhà độc quyền bán.

**Bảng 8-1** Đường cầu của nhà độc quyền bán

Lượng cầu (nghìn/tuần)	Giá (£)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên
0	40		
1	35		
2	30		
3	25		
4	20		
5	15		
6	10		
7	5		



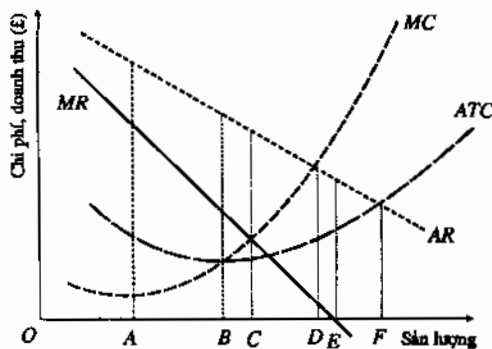
## Chương 8: Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy

- Xác định tổng doanh thu và doanh thu cận biên.
- Minh họa doanh thu cận biên và doanh thu bình quân.
- Trên một đồ thị khác hãy vẽ đường tổng doanh thu.
- Tại mức lượng cầu nào tổng doanh thu là cực đại?
- Tại mức lượng cầu nào doanh thu cận biên bằng 0?
- Tại mức lượng cầu nào cầu co giãn đơn vị?

**6** Hình 8-5 minh họa vị trí doanh thu và chi phí của một hãng.

- Tối đa hoá lợi nhuận?
- Tối đa hoá tổng doanh thu?
- Sản xuất sản lượng tối ưu về mặt kỹ thuật?
- Chỉ tạo ra lợi nhuận bình thường?

**Hình 8-5** Chi phí và doanh thu của một hãng



**7** Dưới điều kiện nào trong những điều kiện dưới đây một hãng cạnh tranh hoàn hảo tối đa hoá lợi nhuận sẽ đóng cửa sản xuất trong ngắn hạn?

- Giá thấp hơn chi phí cận biên.
- Doanh thu bình quân thấp hơn chi phí bình quân.
- Chi phí cố định bình quân cao hơn giá.
- Doanh thu bình quân nhỏ hơn chi phí biến đổi bình quân.
- Tổng chi phí nhỏ hơn tổng doanh thu.

**8** Tình huống nào trong những tình huống dưới đây đặc trưng cho thị trường cạnh tranh hoàn hảo, và đặc trưng nào liên quan đến thị trường độc quyền (hay cả hai)? Giả định rằng các hãng có mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận.

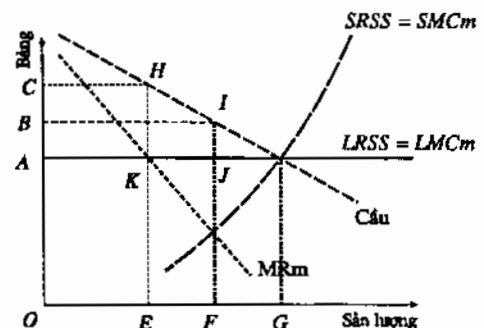
- Giá vượt quá chi phí cận biên (MC).
- Giá bằng với doanh thu cận biên (MR).
- Doanh thu cận biên bằng với chi phí cận biên.
- Lợi nhuận trên mức bình thường bằng 0 trong cân bằng dài hạn.
- Các hãng mới bị loại trừ khỏi thị trường.
- Một hãng lựa chọn kết hợp giá và sản lượng.
- Không có hàng rào ngăn cản sự gia nhập.
- Doanh thu bình quân vượt quá doanh thu cận biên.
- Giá bằng chi phí cận biên.

**9** Điều nào dưới đây tương ứng gần nhất với khái niệm lợi nhuận bình thường của các nhà kinh tế?

- Mức lợi nhuận tạo ra do đặt  $MC = MR$ .
- Mức lợi nhuận tạo ra của một hãng điển hình trong ngành.
- Mức lợi nhuận mà một hãng tạo ra dưới những điều kiện thương mại bình thường.
- Mức lợi nhuận cần thiết để thuyết phục một hãng tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại.
- Tỷ suất lợi nhuận đảm bảo mức sống thoải mái của chủ doanh nghiệp.

**10** Một ngành cạnh tranh hoàn hảo bị thôn tính bởi một nhà độc quyền bán và vận hành nó như một hãng nhiều nhà máy. Đường cung dài hạn của ngành cạnh tranh (LRSS) trở thành đường chi phí cận biên dài hạn của nhà độc quyền (LMCm); trong ngắn hạn đường SRSS trở thành đường SMSm của nhà độc quyền. Như được minh họa trong Hình 8-6.

**Hình 8-6** Độc quyền hóa một ngành cạnh tranh hoàn hảo



- (a) Sản lượng của ngành và mức giá tại cân bằng là gì dưới cấu trúc cạnh tranh hoàn hảo?
- (b) Nhà độc quyền sẽ lựa chọn sản lượng và giá bán nào trong ngắn hạn?
- (c) Nhà độc quyền sẽ tối đa hoá lợi nhuận dài hạn tại mức giá và sản lượng nào?
- (d) Quy mô của lợi nhuận dài hạn là bao nhiêu?

### Đúng/Sai

- 1 Giá bằng với doanh thu cận biên đối với một hãng trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo.
- 2 Đường cung ngắn hạn của một hãng cạnh tranh hoàn hảo thoải hơn đường cung dài hạn của ngành.
- 3 Một hãng thu được lợi nhuận kinh tế nghĩa là thu được lợi nhuận thông thường.
- 4 Một ngành có tổng chi phí trung bình dài hạn giảm xuống khi mức sản lượng tăng lên là phù hợp với thị trường cạnh tranh hoàn hảo.
- 5 Đường cung của ngành là tổng hợp theo chiều ngang của tất cả các lượng cung của các hãng trong ngành ở các mức giá.
- 6 Một hãng độc quyền sẽ luôn sản xuất ở phần không co giãn của đường cầu.
- 7 Các điều kiện khác là như nhau, nếu chi phí biến đổi tăng lên sẽ làm cho hãng độc quyền tăng sản lượng và giảm giá.
- 8 Một hãng độc quyền thu được siêu lợi nhuận bởi vì nó hiệu quả hơn một ngành cạnh tranh.
- 9 Tổng doanh thu lớn nhất khi doanh thu trung bình lớn nhất.
- 10 Một hãng độc quyền có thể tăng lợi nhuận bằng cách đặt các mức giá khác nhau ở các thị trường khác nhau.
- 11 Một hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ bán ở mức giá bằng chi phí cận biên nhưng một hãng độc quyền lại đặt mức giá cao hơn chi phí cận biên.

- 12 Rất nhiều các hãng nhỏ thực hiện nghiên cứu và triển khai rất ít, trong khi đó nhiều hãng lớn có bộ phận nghiên cứu hoạt động rất tốt.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### EasyJet nose dives

(Trích từ "Webster Ponders the "Branson Solution"", *The Observer*, 09/5/2004)

Cổ phiếu của Easy trong hai ngày qua đã thất bại thảm hại trên thị trường, giảm 25% giá trị vào ngày thứ tư. "Đây thực sự là một cú đánh vào chúng tôi và nhân viên công ty", Ông chủ Webster đã nói như vậy.

Cổ phiếu sụt giảm liên tục, nhưng số liệu của công ty trong nửa năm vẫn tốt - nhiều chuyến bay hơn và các chuyến luôn đầy khách. Nhưng vấn đề "giá không thực tế và không lợi nhuận" xảy ra đối với các chuyến bay qua châu Âu, cùng với những dấu hiệu về 54 công ty bay khác giảm chi phí đang chen chúc ở thị trường châu Âu làm cho giá cổ phiếu sụt giảm như vậy.

Tuy nhiên, trong tương lai gần, có lẽ nhiều hãng phải rời khỏi thị trường. Chi phí thuê máy bay cao mà không có sự hỗ trợ bằng nguồn tài chính mạnh đang bắt đầu xảy ra ở những thị trường không ổn định. Đồng thời những hãng lớn lại thiếu tính kinh tế của quy mô, chi phí về nhiên liệu và bảo hiểm lại cao, rất nhiều yếu tố làm cho khó có thể cạnh tranh trong dài hạn.

### Câu hỏi

- 1 Đánh giá thị trường hàng không có tính cạnh tranh hoàn hảo bằng cách so sánh với những đặc điểm chuẩn của một thị trường cạnh tranh hoàn hảo như trong sách lý thuyết.
- 2 Nếu "nhiều hãng rời bỏ ngành" trong ngắn hạn thì mức lợi nhuận trong dài hạn có thể là siêu lợi nhuận được không?

### Câu hỏi tư duy

**1** Chúng ta thấy độc quyền muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ có xu hướng hạn chế sản lượng và tăng giá. Bạn có nghĩ đến một tình huống mà hãng độc quyền lại không tận dụng để thu được lợi nhuận tiềm năng không?

**2** Giải thích tại sao nói rằng hãng cạnh tranh hoàn hảo hoạt động ở điểm sản xuất có hiệu quả trong dài hạn. Có thể rút ra kết luận gì về việc phân bổ các nguồn lực hiệu quả trong ngành này không?

**3** Một nhà độc quyền cung sản lượng ở 2 thị trường riêng biệt. Hàng hóa là một nhưng không được mua đi bán lại - nói cách khác, người tiêu dùng không thể mua ở thị trường 2 và bán lại ở thị trường 1. Hình 8-7 minh họa các đường cầu và đường doanh thu cận biên của 2 thị trường và cả đường cầu và đường doanh thu cận biên tổng nếu cả 2 thị trường hòa làm một. Chú ý đường doanh thu cận biên tổng “có bước nhảy” ở điểm tại đó giá giảm đủ để nhà độc quyền chỉ bán ở thị trường 2.

Câu hỏi này nhằm mở rộng phần phân tích trong bài khóa, bạn có thể giải với trợ giúp ở phần “Đáp án và bình giải” của quyển sách này. Thông qua phân tích này, sản lượng của nhà độc quyền được quyết định dựa vào doanh thu cận biên và chi phí cận biên trên thị trường chung.

Bạn có thể vẽ các đường dọc qua các thị trường nhỏ để xác định MR và AR.

(a) Hãng độc quyền sẽ sản xuất ở mức sản lượng nào để tối đa hóa lợi nhuận?

(b) Nếu nhà độc quyền đặt mức giá chung cho tất cả các khách hàng, thì giá đó bằng bao nhiêu?

(c) Nhà độc quyền sẽ bán bao nhiêu ở mỗi thị trường nhỏ?

(d) Ở mức giá này, doanh thu cận biên của mỗi thị trường là bao nhiêu?

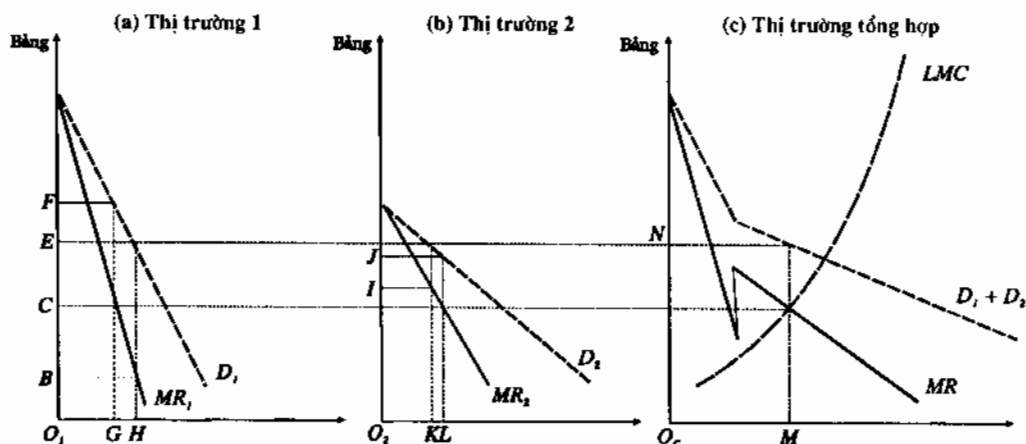
(e) Nếu nhà độc quyền thấy rằng có thể phân biệt giá, lợi nhuận có thể tăng lên như thế nào? (Chú ý: câu trả lời ở mục (d) rất quan trọng).

(f) Khi phân biệt giá, thì giá và sản lượng ở mỗi thị trường là bao nhiêu?

**4** Câu hỏi này mở rộng bài tập 10 - Hình 8-6, trong đó chúng ta đang đề cập đến trường hợp cạnh tranh hoàn hảo bị độc quyền hóa. Trong cạnh tranh hoàn hảo, sản lượng cân bằng là OG, giá là OA, trong khi độc quyền lại hạn chế sản lượng trong ngắn hạn là OF và tăng giá là OB, còn trong dài hạn là OE, OC. Chúng ta sẽ đề cập đến 2 vị trí sau và sửa đổi Hình 8-6 thành Hình 8-8.

Tuy nhiên, chúng ta đề cập đến đường cầu. Một điểm trên đường cầu thực sự thể hiện cái gì? Ví dụ ở điểm I, người tiêu dùng sẵn sàng trả giá OB cho sản lượng OF. Vậy OB là giá trị cận biên của người tiêu dùng của một đơn vị hàng hóa. Thêm nữa, chúng ta miêu tả đường cầu cũng chính là lợi ích cận biên của xã hội. Chú ý rằng ở mức giá cao hơn OC, người tiêu dùng vẫn sẵn sàng mua OE đơn vị hàng hóa. Khi giá chỉ là OB, người tiêu dùng này trả ít hơn so với mức giá mà họ sẵn sàng trả cho một số các đơn vị hàng hóa. Điều này hàm ý rằng, họ nhận được “thặng dư” trên mức giá mà thực tế họ phải trả ở điểm I. Đây gọi là “thặng dư tiêu dùng”;

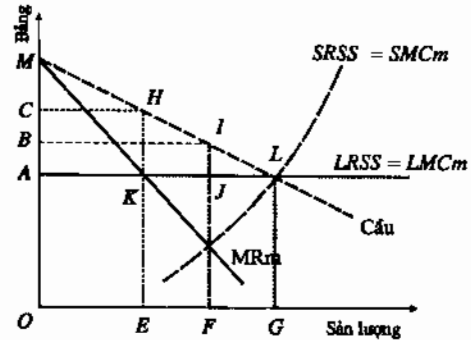
**Hình 8-7** Phân biệt giá



nó được thể hiện trên Hình 8-6 bằng phần diện tích nằm dưới đường cầu. Ví dụ, tại điểm I, tổng giá trị hàng hóa mà người tiêu dùng mua là OMIF; họ trả OBIF, và họ nhận được thặng dư tiêu dùng BMI. Đây là một lời mở đầu dài dòng cho một câu hỏi rất ngắn. Tuy nhiên, nội dung về thặng dư tiêu dùng sẽ còn lặp lại sau trong cuốn sách này, và thật tốt cho chúng ta khi đã có sự chuẩn bị. 3 câu hỏi sau giúp bạn xem đã hiểu về phần bàn luận trên hay chưa:

- (a) Thặng dư tiêu dùng là diện tích của hình nào ở điểm cân bằng dài hạn trong cạnh tranh hoàn hảo?
- (b) Thặng dư tiêu dùng là diện tích của hình nào ở điểm cân bằng dài hạn trong độc quyền?
- (c) Điều gì xảy ra khi thặng dư tiêu dùng âm?

**Hình 8-8** Độc quyền hóa một thị trường cạnh tranh hoàn hảo



# Cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Cầu và chi phí ảnh hưởng cấu trúc thị trường như thế nào
- Toàn cầu hóa thay đổi cấu trúc thị trường nội địa như thế nào
- Cạnh tranh độc quyền
- Độc quyền tập đoàn và sự phụ thuộc lẫn nhau
- Mô hình đường cầu gãy khúc
- Lý thuyết trò chơi và hành vi chiến lược
- Cam kết và tin tưởng
- Hàm phản ứng và Cân bằng Nash
- Cạnh tranh Cournot và Bertrand
- Lợi thế của người đi đầu Stacklerberg
- Các cấu trúc thị trường có thể cạnh tranh
- Hàng rào ngăn cản chiến lược

## Nội dung nghiên cứu chính

Nội dung về thị trường độc quyền tập đoàn với một số ít hãng lớn chủ yếu tồn tại trong ngành ngân hàng và siêu thị. Các vấn đề đối với các nhà kinh tế là:

- 1 Yếu tố nào có thể tạo ra độc quyền tập đoàn?
- 2 Sử dụng lý thuyết trò chơi, chúng ta có thể hiểu chiến lược thời kỳ hiện tại giữa các đối thủ trong thị trường độc quyền tập đoàn như thế nào?
- 3 Cạnh tranh dài hạn có thể bị ảnh hưởng bởi chiến lược hay các hàng rào gia nhập tự nhiên như thế nào?

Sách lý thuyết đã lần lượt đề cập đến tất cả những vấn đề này và những câu hỏi sau sẽ giúp bạn khám phá những vấn đề quan trọng.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Độc quyền tập đoàn
- b** Cạnh tranh không hoàn hảo
- c** Thị trường tự do gia nhập
- d** Đe dọa đáng tin cậy
- e** Chiến lược thống trị
- f** Khác biệt hóa sản phẩm
- g** Cam kết ban đầu
- h** Cạnh tranh độc quyền
- i** Giá hủy diệt
- j** Lý thuyết trò chơi
- k** Đường cầu gãy khúc
- l** Tình thế lưỡng nan của những người tù
- m** Rào cản gia nhập tự nhiên
- n** Cân bằng Nash
- o** Mô hình Cournot
- p** Mô hình Bertrand
- q** Hàm phản ứng

- 1** Một cấu trúc thị trường trong đó các hãng nhận thức rằng đường cầu mà họ gặp phải là dốc xuống và giá sản lượng phụ thuộc vào lượng hàng hóa được sản xuất và bán trên thị trường.
- 2** Một ngành chỉ có một vài người sản xuất, mỗi người đều nhận thức rằng giá của họ không chỉ phụ thuộc vào sản lượng của chính họ mà còn phụ thuộc vào phản ứng của các đối thủ cạnh tranh lớn trong ngành.
- 3** Một sách lược do các hãng đang ở trong ngành đưa ra khi có một hãng mới gia nhập liên quan đến việc tăng sản lượng và đẩy giá xuống thấp, làm cho tất cả các hãng đều bị lỗ.
- 4** Sản lượng tối ưu của một hãng thay đổi như thế nào với mỗi hành động phản ứng của các đối thủ.
- 5** Phân tích về các nguyên tắc ra quyết định trong khi các đối thủ cũng phản ứng thông minh như họ.
- 6** Đường cầu mà một hãng độc quyền tập đoàn phải đối mặt mà hãng này tin rằng các đối thủ sẽ phản ứng khi hãng tăng giá và sẽ không phản ứng khi hãng giảm giá.
- 7** Một ngành có nhiều người bán sản xuất các sản phẩm có thể thay thế cho nhau một cách gần gũi và mỗi hãng chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng đến giá của sản phẩm.
- 8** Một mô hình độc quyền tập đoàn mà mỗi hãng giả định giá của các đối thủ đã được cho trước.
- 9** Sự khác nhau của một hàng hóa so với hàng hóa thay thế của nó, được thiết kế để tạo ra ảnh hưởng đối với các khách hàng tiềm năng.
- 10** Một tình huống trong đó chiến lược tốt nhất của những người chơi là độc lập với những hành động của những người chơi khác.
- 11** Một sự sắp xếp gia nhập vào một cách tự nguyện mà việc gia nhập này sẽ hạn chế sự lựa chọn của hãng.
- 12** Một trò chơi giữa 2 người, mỗi người đều theo đuổi chiến lược ưu thế.
- 13** Một mô hình độc quyền tập đoàn, trong đó các hãng giả định cho trước sản lượng của các đối thủ.
- 14** Một rào cản ngăn cản sự gia nhập nhưng không phải do các hãng tạo nên.
- 15** Đe dọa về chiến lược trừng phạt, sau đó một hãng phải tìm một cách tối ưu để thực hiện.
- 16** Một tình huống trong đó mỗi người chơi sẽ chọn chiến lược tốt nhất, cho trước chiến lược của những người chơi khác.
- 17** Một thị trường đặc trưng bởi sự tự do gia nhập và rút lui.

## Bài tập

**1** Với mỗi tình huống dưới đây, chọn cấu trúc thị trường phù hợp nhất.

Cấu trúc thị trường: **A** Cạnh tranh hoàn hảo

**B** Độc quyền

**C** Độc quyền tập đoàn

**D** Cạnh tranh độc quyền

**E** Độc quyền bán

- (a) Một số hãng lớn, mỗi hãng cung ứng loại giày có nhãn hiệu nổi tiếng ở cùng một mức giá.  
 (b) Duy nhất một người cung ứng các dịch vụ về viễn thông.  
 (c) Một số lớn các nông dân cung ứng cà rốt ở các mức giá như nhau.  
 (d) Một vài hãng lớn cung ứng cho toàn bộ thị trường lớp ô tô.  
 (e) Một người mua dụng cụ khai thác than.  
 (f) Một người cung ứng duy nhất về vận tải đường sắt.

**2** Bảng 9-1 là một vài chỉ số đo lường độ tập trung và các thông tin về tính kinh tế theo quy mô của một vài ngành.

**Bảng 9-1** Chỉ số tập trung và tính kinh tế quy mô

Ngành	Chỉ số tập trung của 3 hãng (CR)	Số lượng nhà máy ở quy mô hiệu quả tối thiểu do quy mô thị trường quy định
A	100	1
B	11	221
C	81	3
D	49	5
E	21	195

- (a) Ngành nào hoạt động giống như một độc quyền?  
 (b) Ngành nào được xem như hoạt động dưới điều kiện cạnh tranh hoàn hảo?  
 (c) Trong ngành nào các điều kiện giống như trong độc quyền tập đoàn?  
 (d) Trong ngành nào, độc quyền tập đoàn không thể xuất hiện?

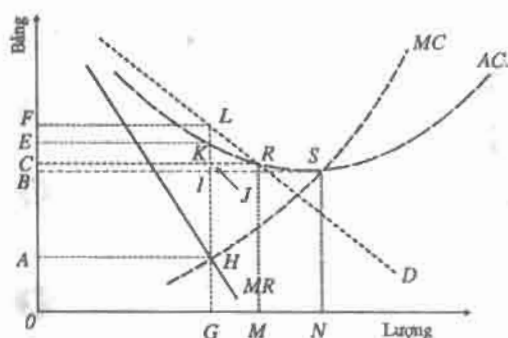
**3** Những đặc điểm nào sau đây đặc trưng cho một ngành cạnh tranh hoàn hảo ở cân bằng dài hạn? (chú ý: có nhiều hơn một đáp án).

- (a) Các hãng riêng lẻ trong ngành thu được lợi nhuận độc quyền rất nhỏ.  
 (b) Các hãng riêng lẻ trong ngành say sưa bán nhiều sản phẩm ở mức giá hiện tại của thị trường.

- (c) Có sự khác biệt hóa sản phẩm.  
 (d) Mỗi hãng đối mặt với đường cầu dốc xuống.  
 (e) Các hãng hoạt động dưới mức sản lượng tương ứng với công suất tối đa.  
 (f) Các hãng tối đa hóa lợi nhuận khi doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.  
 (g) Có sự cấu kết giữa các hãng trong ngành.  
 (h) Các hãng thu được lợi nhuận chỉ đủ bù đắp chi phí cơ hội của việc sử dụng vốn.

**4** Hình 9-1 minh họa một hãng tối đa hóa lợi nhuận trong cạnh tranh độc quyền.

**Hình 9-1** Một hãng trong cạnh tranh độc quyền



- (a) Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản lượng?  
 (b) Sản phẩm được bán ở mức giá nào?  
 (c) Hãng có thu được siêu lợi nhuận trong tình huống này không? Nếu có, xác định phần diện tích minh họa lợi nhuận đó.  
 (d) Đây là cân bằng ngắn hạn hay dài hạn của hãng?  
 (e) Giải thích câu trả lời (d) và miêu tả tình huống này khác “tình huống kia” như thế nào?

**5** Trong một thị trường độc quyền tập đoàn, những yếu tố nào sau đây ủng hộ sự cấu kết và yếu tố nào có thể khuyến khích sự không hợp tác của các hãng trong thị trường?

Ảnh hưởng	Ủng hộ sự cấu kết	Khuyến khích không hợp tác
	(Đánh dấu vào 1 cột)	

Rào cản gia nhập

Sản phẩm không chuẩn hóa

Cấu và chi phí ổn định

Cấu kết là hợp pháp

Bí mật về giá và sản lượng

(Tiếp theo)

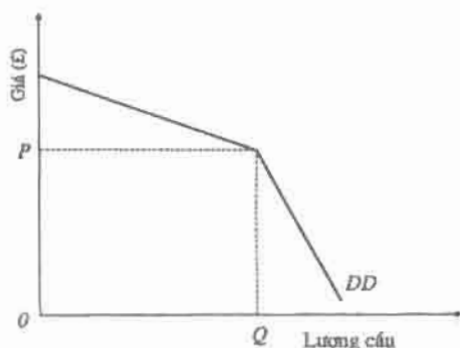
Cấu kết là bất hợp pháp

Thông tin dễ dàng về giá và sản lượng

Sản phẩm được chuẩn hóa

**6** Hình 9-2 là đường cầu DD mà một hãng phải đối mặt. Hiện tại hãng đang sản xuất ở mức sản lượng OQ và bán ở mức giá OP. Đánh giá về mỗi kết luận sau dựa vào những điều kiện của ngành mà hãng này là một thành viên.

**Hình 9-2** Đường cầu mà hãng phải đối mặt



- (a) Hãng thay đổi giá rất chậm ngay cả khi hãng gặp phải sự thay đổi về chi phí.  
 (b) Hãng là nhà độc quyền phân biệt giá, đặt các mức giá khác nhau cho 2 thị trường phân biệt.  
 (c) Ngành là độc quyền tập đoàn không hợp tác, trong đó mỗi hãng phải quan tâm đến hành vi của các hãng đối thủ.  
 (d) Hãng đối mặt với những khó khăn trong sản xuất ở mức sản lượng cao hơn OQ do sự thiếu hụt về lao động.

**7** Giả sử có 2 hãng X và Y hoạt động trên một thị trường, mỗi hãng có thể chọn mức sản lượng "cao" hoặc "thấp". Bảng 9-2 tóm tắt những khả năng có thể về quyết định của hãng trong một thời gian. Hãy tưởng tượng bạn đang ra quyết định cho hãng X:

**Bảng 9-2** Trò chơi tình thế lưỡng nan của những người tù

Lợi nhuận	Hãng Y chọn	Sản lượng cao			
	Sản lượng thấp	X	Y	X	Y
Hãng X chọn	Sản lượng thấp	15	15	2	20
	Sản lượng cao	20	2	8	8

- (a) Nếu hãng Y sản xuất ở mức "sản lượng thấp", bạn sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?  
 (b) Nếu bạn chọn sản xuất mức "sản lượng cao", hãng Y sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?  
 (c) Nếu hãng Y sản xuất ở mức "sản lượng cao", bạn sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng nào?  
 (d) Dưới tình huống nào bạn sẽ quyết định sản xuất ở mức "sản lượng thấp"?  
 (e) Giả sử bạn sắp xếp với hãng Y là cả hai sẽ sản xuất ở mức "sản lượng thấp"; bạn sẽ chấp nhận biện pháp nào để đảm bảo Y thực hiện theo đúng sự sắp xếp giữa 2 bên?  
 (f) Bạn nên chấp nhận biện pháp nào để thuyết phục Y thực hiện theo đúng sự sắp xếp giữa 2 bên?  
 (g) Giả sử lợi nhuận 2 bên thu được là ở Bảng 9-2, loại trừ trường hợp cả hai hãng sản xuất ở mức "sản lượng cao" thì sẽ bị lỗ là 8. Điều này có ảnh hưởng đến phân tích trên không?

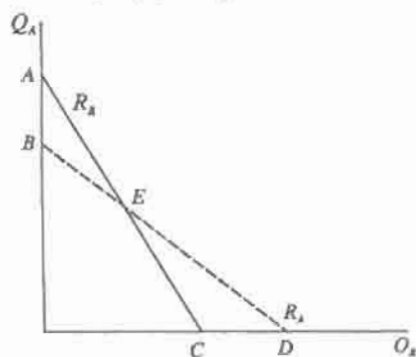
- 8** Rào cản nào sau đây là "tự nhiên" và rào cản nào là chiến lược của các hãng?  
 (a) Khai thác lợi ích của sản xuất theo quy mô lớn.  
 (b) Tiến hành các dự án nghiên cứu và phát triển để phát triển công nghệ và sản phẩm mới.  
 (c) Duy trì bằng sáng chế của một sản phẩm cụ thể.  
 (d) Sản xuất một loạt sản phẩm giống nhau dưới các tên khác nhau.  
 (e) Mở rộng quảng cáo đa truyền thông.  
 (f) Lắp đặt nhiều máy móc hơn mức sản xuất bình thường.  
 (g) Duy trì lợi thế chi phí tuyệt đối.

**9** Một đặc điểm quan trọng của độc quyền là tồn tại hàng rào ngăn cản sự gia nhập. Một trong những hàng rào đó là bảo vệ bằng sáng chế. Giả sử bằng sáng chế của một hãng độc quyền một hàng hóa bị hết hạn, thị trường có thể điều chỉnh như thế nào?

**10** Suy nghĩ về một vài hãng hoạt động gần cơ quan của bạn. Phân loại chúng theo các cấu trúc thị trường - ví dụ: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền tập đoàn, cạnh tranh độc quyền.

**11** Hình 9-3 minh họa đường phản ứng của một hãng độc quyền tập đoàn Cournot.



**Hình 9-3** Đường phản ứng của một hãng độc quyền tập đoàn Cournot

- (a) Đường phản ứng của hãng A,  $R_A$ , chỉ ra có mối quan hệ gì giữa sản lượng của hãng A và sản lượng của hãng B?
- (b) Có mối quan hệ một-một giữa sản lượng của hãng A và sản lượng của hãng B không?
- (c) Điểm nào trên hình vẽ minh họa cân bằng Nash?
- (d) Nếu hãng A ngay lập tức có được công nghệ sản xuất mới, Hình 9-3 thay đổi như thế nào?
- (e) Một đường phản ứng của một hãng cạnh tranh hoàn hảo giống như cái gì?
- 12** Bạn có thể nghĩ về bất kỳ một ví dụ nào trong cuộc sống mà có thể áp dụng lợi thế của người đi trước?

**Đúng/Sai**

- 1** Hãng cạnh tranh không hoàn hảo có một ít ảnh hưởng đến giá, bằng chứng là đường cầu mà họ gặp phải là dốc xuống.
- 2** Một điểm nổi bật của thị trường độc quyền tập đoàn các hãng không thể hành động một cách độc lập với nhau.
- 3** Một ngành mà có tính kinh tế của quy mô ở những mức sản lượng thấp thì có thể trở thành độc quyền.
- 4** Một hãng đang ở trong cân bằng dài hạn của cạnh tranh độc quyền sản xuất ở mức sản lượng thấp hơn mức sản lượng tối ưu về mặt kỹ thuật.
- 5** Một đặc điểm của mô hình đường cầu gãy khúc là giá ổn định khi chi phí của một hãng thay đổi, nhưng giá có thể sẽ thay đổi rất nhanh khi cả ngành đổi mặt với sự thay đổi về chi phí.
- 6** Các hãng trong độc quyền tập đoàn gặp phải đường cầu gãy khúc.

- 7** Một người chơi theo đuổi chiến lược thông trị sẽ luôn luôn thắng.
- 8** Cartel có thể thành công nếu các thành viên đã được chuẩn bị để tham gia vào một cam kết có ràng buộc từ trước.
- 9** Một thông báo với các thành viên của cartel về việc thừa nhận một chiến lược trừng phạt sẽ giúp cartel tồn tại.
- 10** Một hãng độc quyền luôn tối đa hóa lợi nhuận bằng việc đặt chi phí cận biên bằng doanh thu cận biên.
- 11** Tự do rời bỏ ngành ngụ ý rằng không có chi phí hoặc chi phí không thu hồi được.
- 12** Chi phí cố định có thể làm tăng tính kinh tế của quy mô và giúp xác định việc gia nhập của những hãng mới vào ngành.
- 13** Cân bằng trong độc quyền tập đoàn Bertrand là giống hệt cân bằng trong cạnh tranh hoàn hảo.
- 14** Trong mô hình Cournot, hai người chơi sẽ có thị phần bằng nhau.
- 15** Đường phản ứng của một hãng dựa vào hành động phản ứng có thể của các đối thủ, chứ không phụ thuộc vào chi phí của hãng.

**Kinh tế học trong thực tế**

**EU thăm dò về việc đặt giá cố định cho chip nhớ**  
(Trích từ bài báo của Michael Kanellis, CNET News.com, 02/3/2004)

EU đang điều tra liệu có phải những nhà sản xuất bộ nhớ lớn nhất trên thế giới đang hiệp lực với nhau để tăng giá chip năm 2001 không. Việc thăm dò này tập trung vào việc liệu có sự cấu kết của các nhà sản xuất bộ nhớ như Micron, Samsung và Infineon không. Năm 2001, thị trường máy tính cá nhân bị co lại, nhưng giá của DRAM vẫn tăng vù vù. Thậm chí trong cả những khoảng thời gian thuận lợi, giá của bộ nhớ vẫn giảm bởi vì vượt quá công suất. Ở những khoảng thời gian khác trong 5 năm qua, một vài nhà sản xuất đã phải bán chip ở mức giá thấp hơn chi phí sản xuất.

**Câu hỏi**

- 1** Yếu tố nào trong thị trường chip nhớ có thể đẩy mạnh việc cấu kết?
- 2** Các nhà sản xuất máy tính cá nhân có thể chống lại một cartel về sản xuất bộ nhớ như thế nào?

**Câu hỏi tư duy**

**1** Bài tập 8 đưa ra một loạt các rào cản ngăn cản sự gia nhập. Bạn có thể suy nghĩ về các ngành ở Liên hiệp Anh với sự hoạt động của các rào cản đó không?

**2** Hình 9-4 minh họa các điều kiện thương mại của một cartel gồm 2 hãng. Hình (a) và (b) tương ứng là của 2 hãng A và B, còn hình (c) là của Cartel.  $D = AR_C$  trong hình (c) là đường cầu thị trường,  $MR_C$  là doanh thu cận biên của thị trường chung. Giả sử hãng A có lợi thế về chi phí hơn hãng B.

(a) Nếu cả 2 hãng cấu kết để tối đa hóa lợi nhuận trên thị trường chung, họ sẽ lựa chọn mức sản lượng nào?

(b) Cartel sẽ bán hàng hóa ở mức giá nào?

(c) Nếu mỗi hãng chấp nhận mức doanh thu cận biên của Cartel, mỗi hãng sẽ sản xuất bao nhiêu?

(d) Xác định lợi nhuận của mỗi hãng.

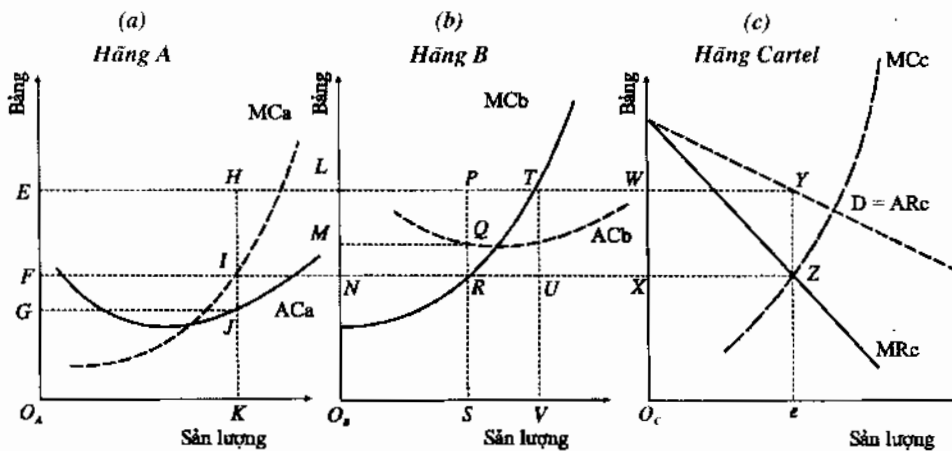
(e) Giả sử hãng B là người đặt giá ở mức giá của Cartel. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?

(f) Nếu hãng B đã đặt mức sản lượng này rồi, điều này sẽ ảnh hưởng đến giá thị trường như thế nào?

**3** Trong rất nhiều năm, những thông tin mà các nhà sản xuất thuốc lá được phép đưa vào trong quảng cáo của họ là hút thuốc lá có hại cho sức khỏe. Tại sao họ quan tâm đến điều này?

**4** Nếu độc quyền tập đoàn là phổ biến trong thực tế và cạnh tranh hoàn hảo là rất ít, tại sao chúng ta lại quan tâm đến thị trường cạnh tranh hoàn hảo?

**Hình 9-4** Cartel bao gồm 2 hãng



# Thị trường lao động

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Đường cầu của một hãng về các yếu tố đầu vào trong ngắn hạn và dài hạn
- Sản phẩm giá trị cận biên, sản phẩm doanh thu cận biên và chi phí cận biên của một yếu tố đầu vào
- Cầu của ngành về lao động
- Các quyết định cung lao động
- Thu nhập chuyển giao và tô kinh tế
- Cân bằng và mất cân bằng trong thị trường lao động
- Mức lương tối thiểu ảnh hưởng đến việc làm như thế nào
- Đường đồng lương và sự lựa chọn kỹ thuật sản xuất

## Nội dung nghiên cứu chính

Thị trường lao động là một trong những thị trường quan trọng nhất trong một nền kinh tế và có lẽ là một thị trường khác rất nhiều so với tất cả các thị trường khác. Để nâng cao hiểu biết của bạn về thị trường quan trọng này, bạn cần làm quen với những vấn đề sau:

- 1 Các yếu tố nào xác định đường cầu về lao động?
- 2 Các yếu tố nào xác định sự sẵn sàng làm việc của một cá nhân?
- 3 Tại sao thị trường lao động rất khó đạt cân bằng?

Sách lý thuyết đã đề cập đến tất cả các vấn đề này một cách chi tiết và các bài tập sau sẽ giúp bạn nâng cao hiểu biết của mình.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Phân biệt người lao động "biên" và "ngoại biên"
- b** Lý thuyết về tiền lương hiệu quả
- c** Tô kinh tế
- d** Cấu trúc phát
- e** Vòng luẩn quẩn của đói nghèo
- f** Tiền lương tối thiểu
- g** Tỷ lệ lao động tham gia làm việc
- h** Thất nghiệp không tự nguyện
- i** Cân bằng hóa những khác biệt tiền lương
- j** Thu nhập chuyển giao
- k** Chi phí cận biên của lao động
- l** Tính dễ thay đổi của lao động

- 1** Cầu về một yếu tố sản xuất - không phải vì bản thân nó mà vì sản lượng được yếu tố này tạo ra.
- 2** Một điều kiện có thể tạo ra một hàng rào hiệu quả về việc gia nhập vào lực lượng lao động của các hãng đang ở trong ngành.
- 3** Khoản bồi thường bằng tiền của cùng một công việc trong các ngành khác nhau, vì vậy người công nhân có một kỹ năng cụ thể không có động lực để chuyển từ ngành này sang ngành khác.
- 4** Chi phí khi sử dụng thêm một đơn vị lao động.
- 5** Một ràng buộc hợp pháp đối với các hãng trong việc thiết lập mức tiền lương thấp nhất có thể trả cho người lao động.
- 6** Khoản phải trả tối thiểu cần thiết để duy trì một yếu tố làm một công việc cụ thể.
- 7** Khả năng của người lao động trong việc từ bỏ những công việc với mức lương thấp chuyển sang những ngành với mức lương cao hơn.
- 8** Một điều kiện xảy ra khi người lao động đã sẵn sàng làm việc với mức lương hiện tại nhưng không tìm được việc làm.
- 9** Khoản trả thêm cho một yếu tố đầu vào vượt quá phần mà hãng phải bỏ ra để có được yếu tố đầu vào đó.
- 10** Phần trăm của nhóm dân số ở độ tuổi lao động quyết định tham gia vào lực lượng lao động.
- 11** Một lý thuyết mà lý thuyết này cho rằng các hãng phải trả cho những người lao động hiện tại một mức lương trung bình cao hơn mức lương mà những người lao động đó sẵn sàng làm việc.
- 12** Một tình huống trong đó người lao động không có kỹ năng có thể được trả một mức lương thấp mà mức lương này rồi sẽ chi tiêu hết trong quá trình làm việc.

### Bài tập

**1** Bảng 10-1 giới thiệu lại một số thông tin đã sử dụng trong bài tập 7 - Chương 8: bây giờ chúng ta phân tích chi tiết hơn.

Ở bảng 10-1 minh họa giá bán sản phẩm của hãng. Hãng là người "đặt mức lương" và phải trả 280£/một đơn vị lao động bất kể là ngày càng nhiều lao động được thuê. Chi phí khác mà hãng phải bỏ ra là chi phí 200£ về vốn.

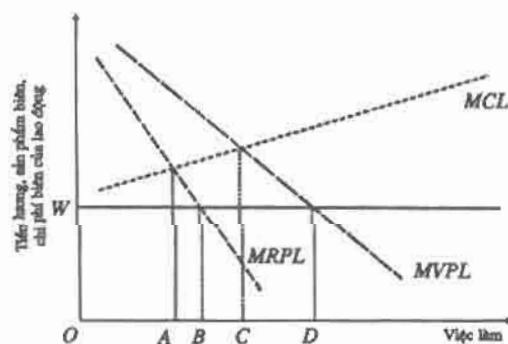
- (a) Tính sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MVPL).
- (b) Tính sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRPL).
- (c) Vẽ các đường MVPL và MRPL.
- (d) Hãng sẽ tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn ở số lượng lao động nào?
- (e) Tính lợi nhuận trong ngắn hạn.

**Bảng 10-1** Sản lượng đầu ra và đầu vào lao động

Lao động (công nhân/tuần)	Sản lượng (đơn vị/tuần)	Năng suất cận biên của lao động (MPL)	Giá (\$)	Tổng doanh thu	Doanh thu cận biên /đơn vị sản lượng	Sản phẩm giá trị cận biên của lao động (MVPL)	Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRPL)
0	0						
1	35	35	12				
2	80	45	10				
3	122	42	8				
4	156	34	6				
5	177	21	4				
6	180	3	2				

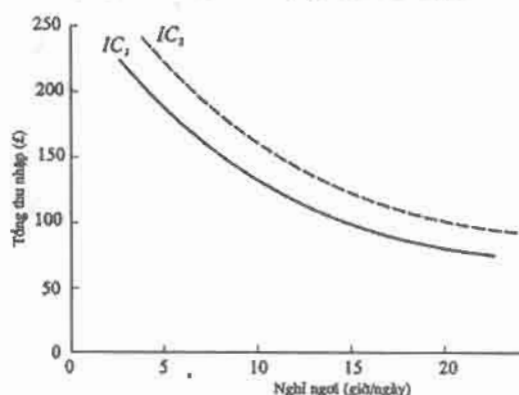
**2** Hình 10-1 minh họa chi phí cận biên, năng suất cận biên của lao động và mức lương của một hãng. Xác định mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của mỗi hãng trong các hãng sau:

- Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đối mặt với một tình huống cạnh tranh hoàn hảo trong thị trường lao động.
- Một hãng không ảnh hưởng đến giá của sản lượng nhưng lại hành động như một nhà độc quyền mua trong thị trường lao động.
- Một hãng đối mặt với đường cầu dốc xuống về sản phẩm của nó và hành động như một nhà độc quyền mua trong thị trường lao động.
- Một hãng đối mặt với đường cầu dốc xuống về sản phẩm của nó và hành động như một hãng cạnh tranh hoàn hảo trong thị trường lao động.
- Ảnh hưởng của độc quyền bán và độc quyền mua đến cầu về lao động của một hãng là gì?

**Hình 10-1** Sức mạnh độc quyền mua và độc quyền bán

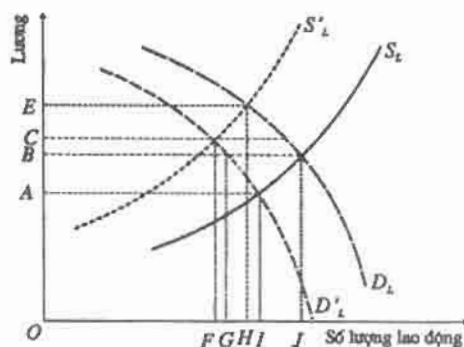
**3** Hình 10-2 minh họa các đường bàng quan của George giữa thu nhập và nghỉ ngơi. Giả sử George không mất chi phí cố định trong quá trình làm việc và nhận được 50£ bất kể anh ta có làm việc hay không.

- Vẽ thêm vào đó thị đường ngân sách của anh ta nếu anh ta làm việc với mức lương 5£/giờ.

**Hình 10-2** Cung lao động của George

- George sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?
- Giả sử mức lương tăng lên 7,5£/giờ, chỉ ra ảnh hưởng của sự thay đổi lương này đến đường ngân sách.
- George sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?
- George xem nghỉ ngơi là một hàng hóa thông thường hay thứ cấp?

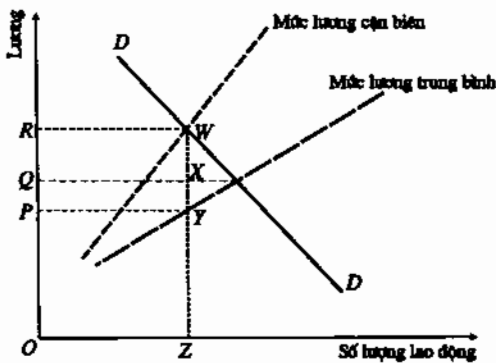
**4** Một đường cầu về lao động vẫn phòng được biểu diễn trên Hình 10-3, cùng với đường cung về loại lao động này.

**Hình 10-3** Cân bằng trong một thị trường lao động và ngành

- (a) Ban đầu, đường cầu thị trường là DL và nó gặp phải đường cung là SL. Mức lao động và lương cân bằng là bao nhiêu?
- (b) Giả sử đường cầu về sản phẩm của ngành giảm xuống: mức lao động và lương mới là bao nhiêu? Giải thích.
- (c) Bắt đầu lại với DL, SL, ngành nhận thấy cầu về lao động vẫn phồng trong những ngành khác tăng lên đã ảnh hưởng đến mức lương của ngành. Mức lao động và lương của ngành này đã bị ảnh hưởng như thế nào?
- (d) Từ DL, SL, đường cầu của ngành dịch chuyển thành D'L, nhưng lao động vẫn phồng của nghiệp đoàn bị hạn chế về lương, vẫn duy trì ở mức lương ban đầu. Xác định "Bản chất và quy mô của mất cân bằng này".

**5** Hình 10-4 minh họa một thị trường lao động độc quyền mua, trong đó những người lao động không được tổ chức thành một nghiệp đoàn.

**Hình 10-4** Thị trường lao động độc quyền mua

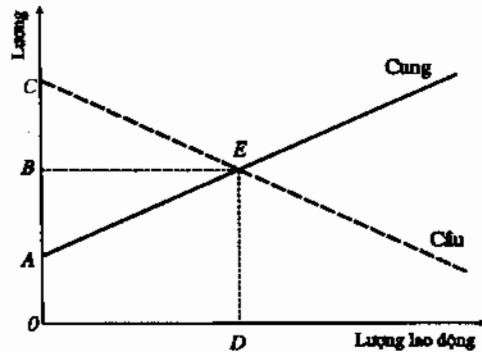


- (a) Người chủ sẽ trả mức lương nào cho người lao động?
- (b) Người chủ sẽ nhận mức lương nào?
- (c) Tổng thặng dư mà người chủ thu được là bao nhiêu?
- (d) Mức lương người chủ trả cho lao động là bao nhiêu nếu người chủ không phải là độc quyền mua mà là người chấp nhận giá trên thị trường lao động?

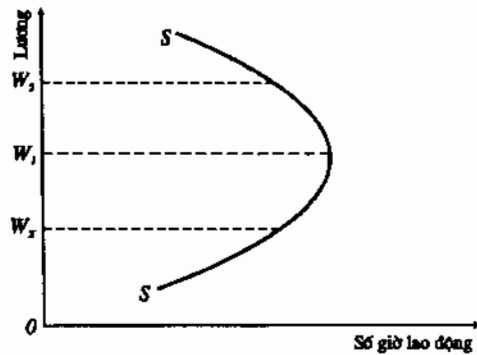
**6** Hình 10-5 minh họa cung và cầu trong một thị trường lao động. Giả sử thị trường đang ở điểm cân bằng.

- (a) Thu nhập chuyển giao là diện tích của hình nào?
- (b) Xác định tô kinh tế.
- (c) Thu nhập chuyển giao và tô kinh tế thay đổi như thế nào nếu đường cung lao động là không co giãn?

**Hình 10-5** Cung và cầu trong một thị trường lao động



**Hình 10-6** Đường cung lao động cá nhân



**7** Hình 10-6 minh họa lượng cung lao động ở các mức tiền lương khác nhau. Câu nào sau đây là không đúng khi mô tả mức lương vận động từ  $W_1$  đến  $W_2$ ?

- (a) Người chủ của lao động này thất bại trong việc khuyến khích cá nhân này tăng thêm giờ làm việc khi mức lương tăng từ  $W_1$  đến  $W_2$ ?
- (b) Hãng thay thế vốn cho lao động.
- (c) Người chủ có thể thuyết phục cá nhân này làm việc với số giờ như trước đây nhưng với mức lương WX.
- (d) Cá nhân này muốn nghỉ ngơi nhiều hơn.
- (e) Trong sự lựa chọn giữa "thu nhập" và "nghỉ ngơi", "ảnh hưởng thu nhập" lấn át "ảnh hưởng thay thế".

**8** Một hãng đang tìm kiếm phương pháp sản xuất hàng hóa với chi phí tối thiểu. Các kết hợp khác nhau giữa vốn và lao động để sản xuất cùng một mức sản lượng được thể hiện trong Bảng 10-2.

- (a) Vẽ đường đồng lượng về 3 mức sản lượng đã cho.
- (b) Vẽ đường đồng phí chi các kết hợp về vốn và lao động trong đó hãng sử dụng mức chi phí 1000£, giá của vốn là 20£/đơn vị và giá lao động là 2£/đơn vị.

**Bảng 10-2** Các kết hợp sản xuất của một hãng

10 đơn vị sản lượng	Lao động	20 đơn vị sản lượng	Lao động	30 đơn vị sản lượng	Lao động
35	80	42	100	45	170
28	100	30	150	35	210
20	134	25	170	30	230
16	160	20	200	27	245
13	200	16	240	21	295
10	248	12	300	18	350
7	300	10	350	16	400
5	350	8	400	14	450

- (c) Mức sản lượng lớn nhất mà hãng có thể sản xuất được là bao nhiêu với các điều kiện như trên? Hãng sử dụng bao nhiêu đơn vị vốn và lao động?
- (d) Vẽ đường đồng phí nếu hãng vẫn chi 1000£, nhưng giá của lao động tăng lên thành 3£/đơn vị?
- (e) Mức sản lượng lớn nhất mà hãng có thể sản xuất được bây giờ là bao nhiêu? Hãng sử dụng bao nhiêu đơn vị vốn và lao động?
- (f) So sánh phần trăm sử dụng vốn và lao động ở câu (e) và câu (c). Bạn dự đoán điều gì xảy ra?
- (g) Mức sản lượng sẽ là bao nhiêu nếu hãng chỉ chi 800£ (giá của vốn vẫn là 20£/đơn vị và giá của lao động là 3£/đơn vị)?
- 9** Yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thất nghiệp không tự nguyện?
- (a) Quy định mức lương tối thiểu để bảo vệ những người có thu nhập thấp.
- (b) Người chủ trả mức lương cao hơn mức lương trung bình với mong muốn hạn chế người lao động bỏ việc.
- (c) Tính kinh tế của quy mô.
- (d) Người lao động trong công ty tạo ra rào cản ngăn sự gia nhập của những lao động mới.
- (e) Hành động mạnh mẽ của nghiệp đoàn nhằm tăng lương trả cho các thành viên của nghiệp đoàn.
- 10** Kiểm tra những lý thuyết ủng hộ việc giải thích tính không linh động trong thị trường lao động. Bạn có thể tìm được lý thuyết nào trong những lý thuyết trên phù hợp với tình trạng hiện nay ở Liên hiệp Anh.
- Đúng/Sai**
- 1** Thị trường lao động đảm bảo rằng một phi công được trả mức lương như nhau bất kể anh ta làm việc trong ngành nào.
- 2** Nếu chi phí lao động tăng lên, một hãng sẽ sử dụng nhiều vốn hơn.
- 3** Với một hãng hoạt động trong cả thị trường hàng hóa và thị trường lao động đều là cạnh tranh hoàn hảo, hãng sẽ tối đa hóa lợi nhuận bằng việc thuê lao động ở điểm mà sản phẩm giá trị cận biên của lao động bằng mức lương.
- 4** Với một hãng hoạt động trong cả thị trường hàng hóa và thị trường lao động đều là cạnh tranh hoàn hảo, hãng sẽ tối đa hóa lợi nhuận bằng việc thuê lao động ở điểm mà sản phẩm giá trị cận biên của lao động bằng mức lương thực tế.
- 5** Một hãng với sức mạnh độc quyền mua không phải là người chấp nhận giá trong thị trường đầu vào.
- 6** Với một hãng gặp phải một đường cầu dốc xuống, sản phẩm doanh thu cận biên của lao động lớn hơn sản phẩm giá trị cận biên của lao động.
- 7** Với một ngành cạnh tranh, đường cầu lao động của ngành là tổng theo chiều ngang các đường MVPL của các hãng.
- 8** Một đường cung lao động cá nhân luôn là một đường dốc lên - có nghĩa là một mức lương cao hơn thúc đẩy cá nhân đó làm việc nhiều giờ hơn.
- 9** Tỷ lệ tham gia làm việc ở phụ nữ chưa có gia đình cao hơn so với phụ nữ đã lập gia đình.
- 10** Tính cơ động của lao động cung cấp một mối liên kết quan trọng giữa các thị trường lao động.
- 11** Tô kinh tế phản ánh sự khác nhau trong quyết định cung sức lao động của các cá nhân, chứ không phải trong năng suất lao động của họ.
- 12** Thất nghiệp tự nguyện phát sinh từ tính không linh động trong thị trường lao động.

## Kinh tế học trong thực tiễn

**Bạn muốn biết bạn thực sự đáng giá như thế nào?**

(Trích từ báo *The Guardian*, 8/5/2004)

Để tìm hiểu xem người ngồi bên cạnh mình có được trả lương cao hơn mình hay không chẳng phải là một việc dễ dàng. Trước đây các thông tin về mức lương được đặt đầu tiên trên các quảng cáo về việc làm và kéo dài mãi không dứt. Bây giờ một số quảng cáo tìm người đã bỏ qua các thông tin về lương, còn một số quảng cáo khác thì liệt kê các mức lương không rõ ràng. Thêm vào đó, bạn có thể phải làm việc ở những nơi mà họ có rất ít nhu cầu tuyển người hoặc có thể tìm được một công việc phù hợp với mình ở một tổ chức khác dưới một tiêu đề khác, điều này làm cho bạn tìm được một việc làm hợp với bản thân mình là khó khăn.

Janie Broom đã tìm được việc làm trên một trang web với vị trí của một nhà phân tích rủi ro ở nơi cô ta đang sống và đã sững sốt khi thấy những người làm cùng công việc như cô ta trong công ty giống công ty của cô nhưng được trả hơn 10000£. Cô ta nhanh chóng đàm phán đòi một mức lương tương tự như mức lương của những người khác.

### Câu hỏi

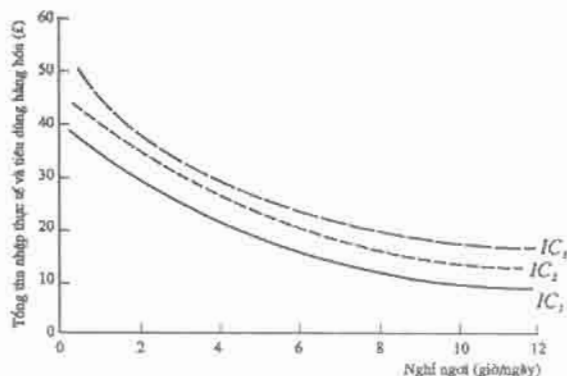
1. Tô kinh tế của Janie Broom là bao nhiêu sau khi mức lương của cô ta tăng lên?
2. Có bằng chứng để chứng tỏ rằng lý thuyết cấu lao động về sản phẩm doanh thu cận biên và việc xác định mức lương là không hoàn thiện không?

### Câu hỏi tư duy

1. Trong chương 8 chúng ta đã thấy một hãng hoạt động dưới điều kiện cạnh tranh hoàn hảo tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn bằng việc sản xuất ở điểm tại đó  $SMC = MR$ . Bây giờ chúng ta thấy rằng một hãng nên thuê lao động cho đến khi  $W = MVPL$ . Bạn có thể làm cho 2 giải pháp này phù hợp với nhau không?
2. Hình 10-7 là các đường bàng quan của Helen giữa thu nhập và nghỉ ngơi. Nếu cô ta không làm việc cô ta chỉ nhận được 10£/ngày. Cô ta không bao giờ chọn làm việc hơn 12h một ngày, vì vậy hình vẽ chỉ để cập đến số giờ làm việc nhỏ hơn 12h.

- (a) Đánh dấu lên trên hình vẽ vị trí của Helen nếu cô ta không đi làm.

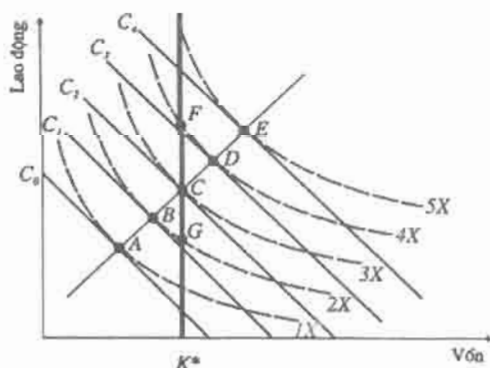
**Hình 10-7** Cung lao động với giờ làm thêm



- (b) Thêm vào hình vẽ đó đường ngân sách của cô ta nếu cô ta có thể đi làm với 2,5£/h.
- (c) Giả sử Helen hoàn toàn linh động về giờ làm việc, với mức lương hiện tại tại cô ta sẽ đi làm bao nhiêu giờ?
- (d) Sửa lại đường ngân sách để phù hợp với tình huống trong đó Helen được trả gấp ba cho những giờ làm việc ngoài 8h/ngày.
- (e) Bây giờ Helen sẽ chọn làm việc bao nhiêu giờ?

**3** Hình 10-8 là hàm sản xuất của một hàng hóa:  $1X, 2X, 3X, \dots$  là các đường đồng lượng với các tập hợp khác nhau giữa vốn và lao động để sản xuất các mức sản lượng khác nhau;  $C_0, C_1, C_2, \dots$  là các đường đồng phí mà độ dốc của chúng chính là giá tương đối giữa vốn và lao động.

**Hình 10-8** Các đường đồng lượng và đồng phí





## Chương 10: Thị trường lao động

- (a) Đường đồng phí nào đại diện cho phương pháp sản xuất 3 đơn vị sản lượng ( $3X$ ) với chi phí ít nhất?
- (b) Giả sử trong ngắn hạn, số lượng đầu vào vốn cố định ở  $K^*$ . Vậy số lượng lao động sẽ thay đổi như thế nào khi sản lượng tăng từ  $2X$  lên  $3X$  và sau đó là  $4X$ . Có gợi ý gì về “lợi tức đối với lao động”.
- (c) Cho trước công nghệ sản xuất với các đường đồng lượng như hình vẽ, đường ABCDE minh họa các cách kết hợp sản xuất, các mức sản lượng khác nhau với chi phí ít nhất, với giả định cả vốn và lao động đều thay đổi và giá tương đối giữa các yếu tố đầu vào này không thay đổi. Các điểm trên gợi ý về hình dạng của đường chi phí trung bình dài hạn như thế nào?

# Các loại lao động

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Kết quả về sự khác nhau trong khả năng của người lao động
- Đầu tư vào nguồn nhân lực
- Các dấu hiệu thể hiện sự khác nhau giữa các lao động như thế nào
- Các hình thức phân biệt
- Nghiệp đoàn tăng lương và cải thiện điều kiện làm việc cho lao động như thế nào

## Nội dung nghiên cứu chính

Thị trường lao động là không giống nhau. Có nghĩa là, các cá nhân có các kỹ năng khác nhau và các hãng sẽ trả cho họ các mức lương khác nhau. Chúng ta cần biết về những vấn đề đó. Bởi vậy, phân tích ban đầu sẽ tập trung khai thác 3 vấn đề trọng tâm sau:

- 1 Giáo dục có thể làm tăng năng suất lao động và như vậy nó mang lại giá trị cho cả người chủ và người lao động.
- 2 Sự phân biệt giữa những người lao động có thể làm giảm bớt giá trị của các lao động cụ thể đối với người chủ.
- 3 Nghiệp đoàn có thể hạn chế cung các lao động cụ thể, vì vậy có thể đẩy giá lên.

Bây giờ chúng ta sẽ sử dụng sách lý thuyết và các câu hỏi sau để xây dựng sự hiểu biết của chúng ta về những vấn đề này.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Nguồn nhân lực
- b Phân tích chi phí - lợi ích
- c Nghiệp đoàn
- d Kỹ năng đặc trưng
- e Dấu hiệu
- f Sự chênh lệch về tiền lương đền bù
- g Thang thu nhập theo tuổi nghề
- h Kỹ năng chung
- i Sự phân biệt
- j Hợp đồng đồng

- 1 Một quy tắc giúp cho việc ra quyết định trong dài hạn bằng cách so sánh giá trị hiện tại của chi phí bỏ ra với giá trị hiện tại của lợi ích thu được.
- 2 Kinh nghiệm tích lũy được của người công nhân, được dùng để đánh giá thu nhập của họ trong tương lai.
- 3 Một tình huống trong đó nhóm công nhân này bị đối xử khác với nhóm công nhân khác do có sự khác nhau về bản thân những người công nhân đó không kể đến năng lực của họ.
- 4 Sự khác nhau trong mức lương phản ánh khía cạnh khác của điều kiện làm việc (không phải khía cạnh về tiền).
- 5 Một thỏa thuận đảm bảo tất cả nhân viên của hãng sẽ trở thành thành viên của nghiệp đoàn.
- 6 Các kỹ năng mà một công nhân có được làm cho anh ta có thể chuyển sang làm việc cho một hãng khác.
- 7 Một lý thuyết cho rằng các bằng cấp giáo dục thể hiện giá trị của người công nhân ngay cả khi các bằng cấp đó không liên quan trực tiếp đến năng suất lao động của họ.
- 8 Các kỹ năng mà một người công nhân có được mà nhờ những kỹ năng này anh ta không bị chuyển sang làm việc ở một công ty khác.
- 9 Các nấc thang chỉ ra thu nhập của một công nhân hoặc một nhóm công nhân khác nhau như thế nào ở các độ tuổi khác nhau.
- 10 Một tổ chức của người công nhân được tạo ra nhằm gây ảnh hưởng đến thu nhập và điều kiện làm việc của người công nhân.

### Bài tập

1 Ian, một thanh niên, đang xem xét có nên học cao hơn không. Đã có bảng A về kinh tế, anh ta quyết định áp dụng phân tích chi phí - lợi ích để đánh giá quyết định của mình. Sau khi đã áp dụng tỷ lệ chiết khấu, anh ta có được đánh giá sau (các đơn vị không được ghi chú):

Tiền sách, học phí	Giá trị hiện tại 3000
Lợi ích của cuộc sống sinh viên (không tính bằng tiền)	2500
Thu nhập bị mất đi	7000
Thu nhập có thêm được trong tương lai nhờ có bằng cấp	9000

- (a) Với những đánh giá như trên, Ian quyết định như thế nào về việc học?
- (b) Tính toán của Ian sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu anh ta không tự tin vào bản thân mình trong kỳ thi tốt nghiệp?
- (c) Bạn của Ian, Joanne cùng chia sẻ quan điểm của Ian trong việc đánh giá khía cạnh kinh tế của việc học, nhưng cô ta không thiên về ủng hộ việc học của Ian. Tính toán của cô ta khác như thế nào?
- (d) Keith miêu tả "cuộc sống cần ăn, uống, vui vẻ, rồi cho một ngày sẽ chết" và anh ta thiên về hưởng thụ cuộc sống hiện tại. Tính toán của anh ta sẽ khác Ian như thế nào?

2 Dưới đây là số liệu về thu nhập trước thuế khác nhau theo từng độ tuổi của 3 nhóm công nhân

làm việc đủ giờ trong một nền kinh tế. Mức thu nhập trung bình hàng tuần (tính bằng \$):

Nhóm	A	B	C
Độ tuổi:			
20 - 29	236	180	200
30 - 39	310	200	250
40 - 49	370	195	280
50 - 64	425	185	235

- (a) Vẽ thang thu nhập theo độ tuổi của 3 nhóm công nhân trên.
- (b) Điểm phân biệt giữa các nhóm là bằng cấp cao nhất mà họ có. Hãy sử dụng những hiểu biết về những nhóm công nhân như trên ở Liên hiệp Anh, liên kết với một trong những câu sau để tạo ra một hồ sơ thu nhập theo độ tuổi hợp lý:
  - (i) Nhóm công nhân với mức A hoặc tương đương.
  - (ii) Nhóm công nhân không có bằng cấp chính thức.
  - (iii) Nhóm công nhân có bằng đại học hoặc tương đương.

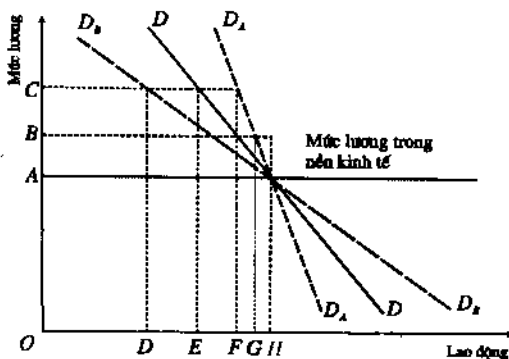
**3** Trong một nền kinh tế, người ta đã có những quan sát sau. Những quan sát nào có thể là bằng chứng rõ ràng về sự phân biệt?

- (a) Phụ nữ kiếm được thu nhập ít hơn nam giới.
- (b) Những nữ kế toán kiếm được thu nhập ít hơn nam kế toán.
- (c) Công nhân da đen kiếm được thu nhập ít hơn công nhân da trắng.
- (d) Những người thợ lắp máy da đen kiếm được thu nhập ít hơn thợ lắp máy da trắng.

**4** Hình 11-1 đề cập đến vị trí cân bằng trong một thị trường lao động. OA là mức lương trong toàn bộ nền kinh tế. DD là đường cầu ban đầu về lao động.

- (a) Xác định điểm cân bằng ban đầu cho ngành.
- (b) Giả sử nghiệp đoàn hạn chế cung lao động ở OE. Mức lương cân bằng của ngành là bao nhiêu?

**Hình 11-1** Nghiệp đoàn, mức lương và lượng lao động



(c) Trong dài hạn, ngành đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các nhà cung cấp nước ngoài, những người có chi phí lao động thấp hơn. Đường cầu nào trên Hình 11-1 thể hiện đường cầu mới của ngành về lao động?

- (d) Điểm cân bằng mới của ngành là ở đâu?
- (e) Nghiệp đoàn cần chấp nhận mức lương nào để duy trì lượng lao động tại OE?

**5** Số liệu về tiền lương và thu nhập dường như cho thấy rằng trong lực lượng lao động nói chung, nam giới cao hơn của nữ giới. Câu nào sau đây có thể đóng góp thêm vào sự khác nhau về thu nhập như nhận định trên?

- (a) Công nhân nữ có thể làm việc nửa ngày.
- (b) Nam giới làm việc trong những ngành và nghề khác.
- (c) Các hãng chậm thăng chức cho nữ giới và ít cho họ tham gia các khóa đào tạo.
- (d) Phụ nữ đã chọn các môn học khác nhau ở trường học.
- (e) Ít phụ nữ học cao hơn nam giới.
- (f) Phụ nữ có đặc điểm sinh học khác nam giới.
- (g) Người chủ có sự phân biệt chống lại phụ nữ.

**6** Trong một số nghề, cần có thêm vài năm đào tạo nhằm nâng cao chất lượng trước khi vào làm việc. Tuy nhiên, lợi ích của những khóa đào tạo như vậy là có thể kiếm được thu nhập cao hơn trong tương lai.

- (a) Chi phí cơ hội của việc học thêm các khóa đào tạo là gì?
- (b) Nó liên quan đến thu nhập trong tương lai như thế nào?
- (c) Nếu ngành sản xuất trong một nền kinh tế đang làm ăn ngày càng đi xuống, trong khi nền kinh tế đang suy thoái, điều này sẽ ảnh hưởng đến câu về đào tạo nghề như thế nào?
- (d) Xem xét khía cạnh dài hạn về thu nhập trong các nghề.

**7** Giải thích mỗi tình huống sau có thể ảnh hưởng đến vị trí của nghiệp đoàn trong việc đàm phán với các chủ doanh nghiệp như thế nào:

- (a) Dư cầu về lao động.
- (b) Có một thỏa thuận về việc các công nhân của hãng sẽ trở thành thành viên của nghiệp đoàn.
- (c) Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động nhỏ hơn mức lương.
- (d) Thất nghiệp ở mức cao nhất trong lịch sử.
- (e) Cầu về lao động là rất không co giãn.
- (f) Nghiệp đoàn gặp phải độc quyền mua trong thị trường lao động.

**Bảng 11-1** Tỷ suất lợi tức về giáo dục

Các nhóm nước	Lợi tức đối với xã hội		Lợi tức đối với cá nhân	
	Trình độ trung học phổ thông	Trình độ giáo dục cao hơn	Trình độ trung học phổ thông	Trình độ giáo dục cao hơn
Châu Phi	17	13	26	32
Châu Á	15	13	15	18
Châu Mỹ latin	18	16	23	23
Các nước công nghiệp	11	9	12	12

Nguồn: George Psacharopoulos, "Education and development: a review", World Bank Research Observer, 3(1), 1988.

**8** Bảng 11-1 minh họa tỷ suất lợi tức của giáo dục đối với xã hội và cá nhân với các trình độ giáo dục khác nhau ở các vùng khác nhau trên thế giới.

- Tỷ suất lợi tức này khác với tỷ suất lợi tức khi đầu tư vào các lĩnh vực khác như thế nào?
- Tại sao tỷ suất lợi tức này lại cao hơn ở một số vùng trên thế giới?
- Ở trình độ giáo dục nào tỷ suất này đối với cá nhân là lớn nhất?
- Ở trình độ giáo dục nào tỷ suất này đối với xã hội là lớn nhất?
- Mâu thuẫn này có thể giải quyết như thế nào?
- Có phải tất cả các nhóm người trong xã hội đều thu được tỷ suất lợi tức này theo cùng một cách tương tự nhau không?

### **Đúng/Sai**

- Cách tiếp cận về nguồn nhân lực giả định rằng chênh lệch về mức lương phản ánh sự khác nhau trong năng suất của người lao động.
- Những lao động trong các hãng mà được tham gia những khóa đào tạo kiến thức chung được nhận mức lương cao hơn nhưng điều này làm sai lệch thang thu nhập theo độ tuổi...
- Độc những tác phẩm kinh điển ở trường đại học không làm tăng năng suất lao động; vậy sẽ có lợi hơn nếu rời bỏ trường và đi làm trong các ngành.
- Đi học miễn phí trong độ tuổi 16 - 18 có nghĩa là trẻ em con nhà nghèo cũng có thể được giáo dục tương tự như trẻ em con nhà giàu.
- Khi tham gia các chương trình đào tạo cao hơn, phụ nữ thu được lợi tức thấp hơn nam giới, vì vậy ít phụ nữ quyết định đầu tư vào việc học cao hơn.
- Lao động da đen kiếm được thu nhập ít hơn lao động da trắng, vì các ông chủ thường phân biệt chủng tộc.

**7** Sự khác nhau trong cơ cấu nghề nghiệp giữa nam và nữ không đủ để giải thích sự khác nhau trong thu nhập.

- Đến năm 1980, hơn 2/3 lực lượng lao động thường dân ở Liên hiệp Anh thuộc về nghiệp đoàn.
- Bởi vì rất nhiều lao động trong nghiệp đoàn được trả mức lương thấp, điều này chứng tỏ rằng nghiệp đoàn có ảnh hưởng rất ít đến việc trả lương và điều kiện làm việc cho các thành viên của nó.
- Lương có thể tăng cao nhất khi nghiệp đoàn hạn chế cung lao động của ngành trong khi cầu lao động là ít eo giãn nhất.
- Liên hiệp Anh là nền kinh tế thiên về đình công nhất trên thế giới.

### **Kinh tế học trong thực tiễn**

#### **Cảnh báo về sự dối trá trong CV xin việc**

(The BBC News Online, 14/5/2004)

Một cuộc nghiên cứu đã cảnh báo các chủ thuê lao động về tình trạng hầu hết mọi người đều nói dối trong hồ sơ xin việc. Cuộc nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hơn 2/3 trong số 3000 sơ yếu lý lịch có những thông tin không chính xác. Những sơ yếu lý lịch này có cả những khai báo không đúng về khả năng đáp ứng công việc của họ cũng như cả những cam kết lừa gạt những ông chủ trước của họ. Phụ nữ dưới độ tuổi là những người phạm lỗi tồi tệ nhất với 77% sơ yếu lý lịch là không rõ ràng, trong khi đó nam giới dưới 20 tuổi lại là nhóm người trung thực nhất.

Theo báo "Lao động", mọi người nói rằng họ rời bỏ một dự án khi họ đã cố gắng quá nhiều, hoặc họ đã làm ở những nơi mà thực sự họ chưa bao giờ làm. Trong những chi tiết về cá nhân, các ứng cử viên này đôi khi còn dấu đi cả những địa chỉ trước đây vì những dấu tích của tòa án có thể chống lại họ. Còn về trình độ học vấn, từ báo còn thấy: "họ thổi phồng những thành tích học hành của họ".

**Câu hỏi (Tiếp theo)**

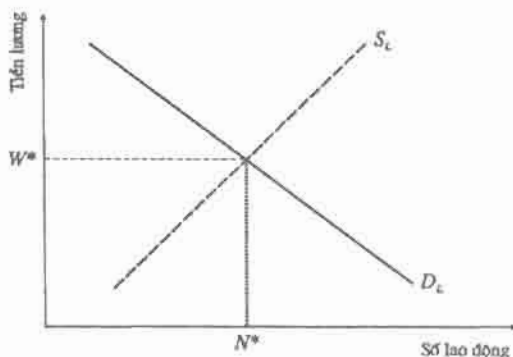
- 1 Bài báo đã nêu bật tính không đối xứng về thông tin và việc lựa chọn không chính xác như thế nào?
- 2 Tại sao phụ nữ dưới 30 tuổi lại là nhóm gian dối nhất?

**Câu hỏi tư duy**

- 1 Xã hội có tìm thấy giá trị để đầu tư vào hệ thống giáo dục cao hơn không nếu bằng cấp chỉ là các dấu hiệu và không ảnh hưởng đến năng suất của người lao động?
- 2 Nếu đình công chẳng mang lại lợi ích cho cả người chủ lẫn người lao động, tại sao đình công lại có thể xảy ra bất cứ lúc nào?
- 3 Một hãng đã từng hoạt động không có nghiệp đoàn bây giờ được nghiệp đoàn hóa. Vậy có thể xảy ra trường hợp số lao động của hãng bị giảm xuống không?
- 4 Chúng ta có thể xác định được điểm cân bằng trên thị trường lao động trong Hình 11-2. Có quan

điểm cho rằng nghiệp đoàn có thể cố gắng kiếm được mức lương cao nhất cho các thành viên của nó bằng cách hạn chế cung lao động. Nghiệp đoàn sẽ lựa chọn kết hợp giữa lương và số lượng lao động như thế nào? (Gợi ý: xem nghiệp đoàn như là một nhà độc quyền bán lao động và quay trở lại vấn đề về độc quyền trong chương 8 để xem xét nghiệp đoàn sẽ hành động như thế nào?)

- 5 Giả sử có một sự thay đổi đáng kể về cơ cấu kinh tế, chuyển từ các hoạt động sản xuất sang các hoạt động dịch vụ. Bạn dự đoán điều này ảnh hưởng đến sự cân bằng về giới tính trong lực lượng lao động và mức thất nghiệp như thế nào?

**Hình 11-2** Cân bằng trong thị trường lao động

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Đất đai
- b** Phân phối thu nhập cá nhân
- c** Vốn hiện vật
- d** Tỷ lệ lao động - vốn
- e** Giá của tài sản
- f** Tỷ lệ tiền lương lãi suất
- g** Lãi suất cần thiết
- h** Lãi suất danh nghĩa
- i** Tiết kiệm
- j** Vốn tài chính
- k** Lãi suất thực tế
- l** Giá trị hiện tại
- m** Chi phí cơ hội của vốn
- n** Phân phối thu nhập theo chức năng

- 1** Phần dự trữ của một hàng hóa dùng để đóng góp vào việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ khác.
- 2** Yếu tố sản xuất do thiên nhiên cung cấp.
- 3** Giá trị ngày hôm nay của một khoản tiền trong tương lai.
- 4** Sự chênh lệch giữa thu nhập và tiêu dùng hiện tại.
- 5** Tỷ lệ lợi tức do sử dụng các nguồn tài trợ một cách tốt nhất: được thể hiện bằng tỷ lệ lãi suất thực tế.
- 6** Chỉ ra sự phân phối của thu nhập quốc dân theo các bộ phận giữa các yếu tố sản xuất khác nhau.
- 7** Lợi tức từ khoản tiền cho vay tính bằng số lượng hàng hóa tăng lên chứ không phải bằng lượng tiền tăng lên của khoản tiền đó.
- 8** Phương pháp đo lường giá tương đối của các yếu tố đầu vào: giá của lao động trên giá của vốn.
- 9** Chỉ ra thu nhập quốc dân được phân chia như thế nào giữa các cá nhân, không kể đến các dịch vụ yếu tố mà các cá nhân sử dụng để có được thu nhập.
- 10** Miêu tả tầm quan trọng tương đối giữa vốn và thu nhập trong quá trình sản xuất.
- 11** Tổng giá trị của các tài sản vốn được mua trên thị trường.
- 12** Lợi tức của khoản cho vay tính bằng tiền.
- 13** Tài sản, ví dụ như tiền hoặc tiền gửi ngân hàng, được sử dụng để mua các yếu tố sản xuất.
- 14** Tỷ lệ tiền thuê cho phép chủ sở hữu vốn trang trải được hết các chi phí cơ hội của khoản vốn đó.

### Bài tập

- 1** Yếu tố nào sau đây cũng có thể coi là “dự trữ” hoặc một “luồng”:  
 (a) Vans là chủ một công ty hữu hạn.  
 (b) Đất có sẵn để trồng lúa mì.  
 (c) Sử dụng xe tải để vận chuyển.  
 (d) Đường ray xe lửa.  
 (e) Một chương trình TV đối với người tiêu dùng.  
 (f) Sử dụng không gian văn phòng.

- 2** Một trái phiếu chính phủ lãi suất 10% có giá trị danh nghĩa là 100£ được bán để trao đổi lấy một cổ phiếu với giá 62,5£.  
 (a) Tỷ lệ lãi suất hiện tại là bao nhiêu?  
 (b) Tỷ lệ lãi suất là bao nhiêu nếu giá của trái phiếu là 75£?  
 (c) Nếu tỷ lệ lãi suất giảm xuống còn 8%, bạn dự đoán trái phiếu có thể được bán với giá bao nhiêu?

## Chương 12: Các thị trường yếu tố và phân phối thu nhập

**3** Lucy có 100£ để tiết kiệm hoặc tiêu dùng. Nếu cô ta cho vay khoản tiền này sẽ thu được 112£ trong một năm. Lạm phát hiện nay là 14% hàng năm.

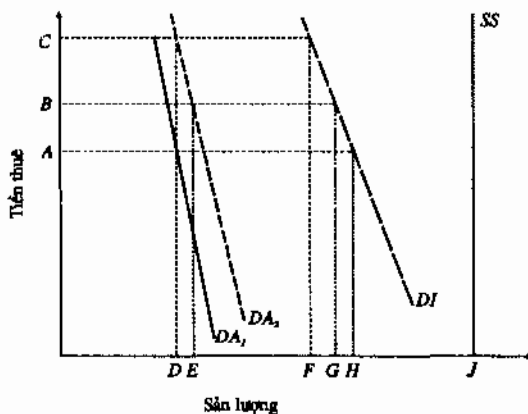
- (a) Lucy đang đối mặt với lãi suất danh nghĩa là bao nhiêu?  
 (b) Lãi suất thực tế là bao nhiêu?  
 (c) Xét về mặt tài chính, Lucy nên tiết kiệm hay tiêu dùng số tiền đó?  
 (d) Câu trả lời sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu lạm phát là 10%, với cùng một tỷ lệ về lãi suất danh nghĩa?

**4** Một chiếc máy được dự đoán là hoạt động có hiệu quả trong 3 năm, mỗi năm tạo ra thu nhập là 2000£ và bán được với giá 6000£ đến cuối năm thứ ba. Hãy sử dụng giá trị hiện tại để xác định “điểm hòa vốn” về giá của chiếc máy này nếu:

- (a) Lãi suất là 8%?  
 (b) Lãi suất là 10%?  
 (c) Lãi suất là 8% và không tính lạm phát với mức dự đoán là 7% hàng năm?

**5** Một ngành kinh tế có hai khu vực: nông nghiệp và công nghiệp. Hình 12-1 là cầu về đất ( $DA_1$  và  $DI$  tương ứng với 2 khu vực).  $SS$  là tổng cung về đất đai.

**Hình 12-1** Phân bổ đất đai giữa những người sử dụng



- (a) Xác định tỷ lệ tiền thuê ở điểm cân bằng và lượng cầu về đất của mỗi khu vực?

Giả sử chính phủ quan tâm đến lượng thực phẩm nhập khẩu vào nền kinh tế và quyết định khuyến khích sản xuất thực phẩm trong nước bằng việc tài trợ đất nông nghiệp. Điều này làm cho cầu về đất nông nghiệp dịch chuyển đến  $DA_2$ .

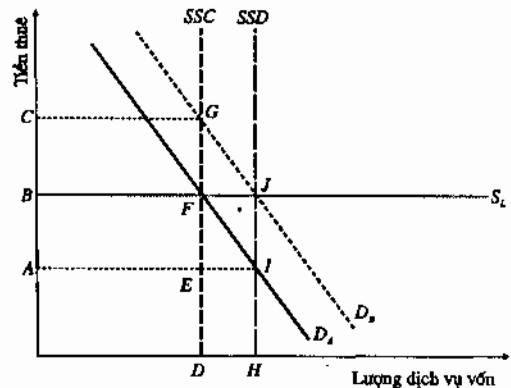
- (b) Trong ngắn hạn, đất sẽ được phân bổ như thế nào giữa khu vực nông nghiệp và công nghiệp?  
 (c) Trong ngắn hạn, tỷ lệ tiền thuê đất ở 2 khu vực là bao nhiêu?  
 (d) Trong dài hạn, vị trí cân bằng là ở đâu?

**6** Một hãng đang xem xét việc mua một thiết bị được tài trợ bởi vốn vay ngân hàng. Chi phí mua thiết bị là 25000£ và lãi suất tiền vay ngân hàng là cố định ở mức 10%/năm. Chi phí bảo dưỡng và phí khấu hao hàng năm là 12% chi phí mua thiết bị. Lạm phát là 8% hàng năm.

- (a) Lãi suất cần thiết của thiết bị này là bao nhiêu?  
 (b) Lãi suất cần thiết của thiết bị là bao nhiêu nếu lạm phát tăng lên 10%?

**7** Hình 12-2 minh họa cầu về dịch vụ vốn và các đường cung trong ngắn hạn và dài hạn. Giả sử lao động trong ngành chấp nhận cắt giảm lương.

**Hình 12-2** Điều chỉnh vốn



- (a) Xác định vị trí cân bằng ban đầu trước khi có sự cắt giảm lương.  
 (b) Tỷ lệ lãi suất ở đây đại diện cho cái gì - ví dụ: nó được xác định như thế nào?  
 (c) Xác định vị trí cân bằng ngắn hạn sau khi có sự cắt giảm lương.  
 (d) Vị trí cân bằng này có được duy trì không? Nếu không, giải thích tại sao?  
 (e) Vị trí cân bằng dài hạn là ở đâu?  
 (f) Thông thường chúng ta có thể miêu tả quá trình điều chỉnh giữa (c) và (e) như thế nào?

**8** Câu nào sau đây có thể áp dụng cho Liên hiệp Anh?  
 (a) Có sự thay đổi chút ít trong phân đóng góp của các yếu tố sản xuất vào thu nhập trước thuế từ những năm 1980.



- (b) Lao động nhận được thu nhập với tỷ lệ lớn nhất trong thu nhập quốc dân.
- (c) Của cải được phân phối ít công bằng hơn so với thu nhập.
- (d) Lượng vốn tăng nhanh hơn lực lượng lao động giữa những năm 1981 và 1996.
- (e) Mất công bằng trong phân phối của cải đóng góp vào sự mất cân bằng trong phân phối thu nhập.

**9** Bảng 12-1 đưa ra những thông tin về phân phối thu nhập “ban đầu” và “thu nhập khả dụng” của các hộ gia đình ở Liên hiệp Anh năm 2000. Thu nhập “ban đầu” là thu nhập trước khi tính thuế, trợ cấp... “Thu nhập khả dụng” là phần sau khi đã trừ đi các khoản phải trả và thuế trực thu. Hoàn thành cột (5) và (6) ở bảng 12-1 để chỉ ra thu nhập tích lũy của dưới 20, 40, 60...% của các hộ gia đình.

Các nhà kinh tế học đôi khi cố gắng minh họa các số liệu về phân phối thu nhập bằng “đường cong Lorenz”. Hãy vẽ đồ thị minh họa số liệu ở cột (4) trên trục hoành và cột (5) trên trục tung. Nối những điểm tạo ra đường cong Lorenz. Đường cong càng gần với đường thẳng nối (0,0) và (100,100), thì phân phối thu nhập càng đồng đều. Vẽ một đường cong Lorenz thứ hai sử dụng số liệu ở cột (6): sự khác nhau giữa hai đường này có thể đưa đến một ấn tượng về ảnh hưởng của thuế và lợi ích trong việc phân phối lại.

Năm 1995 ở Brazil, 20% dân số nghèo nhất nhận được 2,5% trong thu nhập, 20% dân số tiếp theo nhận được 5,7% trong thu nhập; 20% tiếp theo nhận được 9,9%; 20% tiếp theo nhận được 17,7% và 20% dân số giàu nhất nhận được 64,2% trong tổng thu nhập. Vẽ đường cong Lorenz chỉ ra sự phân phối thu nhập này và so sánh với đường cong này ở Liên hiệp Anh. (Số liệu lấy từ World Development Report 1998/99).

**Bảng 12-1** Phân phối thu nhập ở Liên hiệp Anh

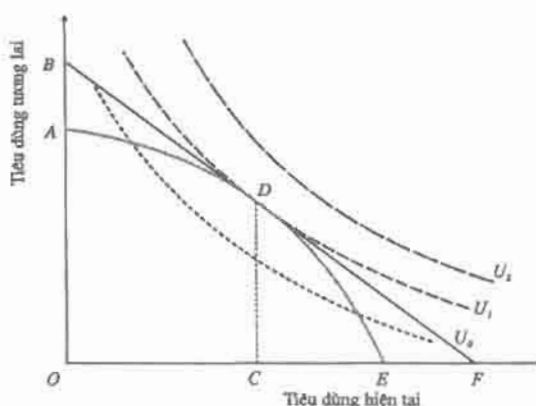
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tỷ lệ các hộ gia đình (%)	Thu nhập ban đầu	Thu nhập sau khi trừ thuế và các khoản phải trả	Số các hộ gia đình cộng dồn	Thu nhập ban đầu cộng dồn	% thu nhập sau khi trừ thuế và các khoản phải trả
20 đầu tiên	2	8	20		
20 tiếp theo	7	12	40		
20 tiếp theo	15	16	60		
20 tiếp theo	25	23	80		
20 cuối cùng	51	42	100		

Nguồn: *Economic Trends*.

**10** Hình 12-3 minh họa một nền kinh tế đang ở điểm cân bằng với những người tiêu dùng chưa có gia đình đang lựa chọn giữa tiêu dùng hiện tại và tương lai.

- (a) Xác định điểm cân bằng.
- (b) Ở điểm cân bằng đó tiết kiệm được bao nhiêu?
- (c) Nếu tất cả các nguồn lực đều được đầu tư vào hàng hóa vốn mới, mức tiêu dùng tối đa có thể được trong tương lai là bao nhiêu?
- (d) Bạn đo lường tỷ lệ lợi tức của việc đầu tư này như thế nào?
- (e) Cái gì xác định độ dốc của đường giá?

**Hình 12-3** Tiêu dùng hiện tại và tương lai



**11** Quay trở lại Chương 6, chúng ta phân ứng của người tiêu dùng khi giá thay đổi được phân tích thành thu nhập thực tế và ảnh hưởng thay thế. Giải thích tại sao một vài khía cạnh của sự phân tích đó có thể được sử dụng để phân tích ảnh hưởng về sự thay đổi lượng tiết kiệm đến tỷ lệ lãi suất. Bạn có thể dự đoán gì về ảnh hưởng ròng của tiết kiệm khi có sự tăng lên trong lãi suất?

**12** Bây giờ để cập đến sự dịch chuyển của đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) giữa tiêu dùng hiện tại và tiêu dùng tương lai. Yếu tố nào sau đây làm cho đường PPF mới thoải hơn ở mỗi mức tiêu dùng hiện tại. (*Chú ý: có thể có nhiều hơn 1 câu trả lời*).

- (a) Các thành viên trong xã hội tiết kiệm nhiều hơn.
- (b) Năng suất của các thiết bị vốn mới tăng lên.
- (c) Lãi suất giảm xuống.
- (d) Lãi suất tăng lên.
- (e) Đầu tư tăng lên.
- (f) Đột phá về công nghệ nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

### Đúng/Sai

- 1** Của cải hữu hình bao gồm: đất, máy móc, các nhà máy, xe cộ và các trái phiếu chính phủ.
- 2** Bởi vì con người không thể trao đổi được, nên không có giá của tài sản đối với lao động.
- 3** Giá trị hiện tại của tài sản vốn là tổng các khoản tiền thuê máy mà tài sản đó tạo ra trong tương lai.
- 4** Lạm phát làm cho lãi suất danh nghĩa tăng lên. Điều này làm giảm giá trị hiện tại của thu nhập tương lai.
- 5** Lãi suất thực tế có thể âm.
- 6** Lương tiền về các dịch vụ vốn có thể khác nhau trong dài hạn nhưng cố định trong ngắn hạn.
- 7** Sự khác nhau trong mức tiền thuê có thể dẫn đến sự dịch chuyển vốn giữa các ngành hoặc giữa các quốc gia.
- 8** Cán bằng trong thị trường đất đai hướng tới giá thuê là bằng nhau ở tất cả các khu vực.
- 9** Điểm chủ yếu phân biệt giữa 3 yếu tố sản xuất (đất đai, vốn, lao động) là tốc độ điều chỉnh cung của các yếu tố này.
- 10** Trong dài hạn, cung của lao động ít co giãn hơn cung của vốn.
- 11** Mức độ phân chia thu nhập quốc dân của lao động ở Liên hiệp Anh tăng lên đáng kể giữa thời kỳ 1981-1989 và 1998.

**12** Phân phối của cải là đồng đều hơn so với sự mất công bằng trong phân phối thu nhập.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Những trung tâm của cải "bên ngoài London"

(The BBC News, 07/7/2004)

Năm khu vực phát triển nhất ở Liên hiệp Anh với những người có được thu nhập cao đều ở ngoài khu vực Đông Nam, một cuộc nghiên cứu cho thấy điều đó. Số lượng người kiếm được mức thu nhập hơn 68000£ một năm ở High Peak tỉnh Derbyshire đã tăng 68% so với năm ngoái. Monmouth, Cardiff North, Manchester Withington và Keighley cũng đã nhận thấy có sự tăng lên nhiều về những người kiếm được mức thu nhập cao nhất. Steven Mendel, giám đốc phát triển kinh doanh của Barclays, nói rằng sự phát triển chậm của nền kinh tế Vương quốc Anh không phù hợp với sự tăng lên của những người giàu có ở nước Anh đang càng ngày càng giàu hơn.

Nhìn chung, 29 khu vực ở Anh và Wales đã có hơn 1 trong số 10 người kiếm được mức thu nhập hơn 60000£/năm, so với 1 trong 8 người năm 2003. Nhưng xét về giá trị của cải - chứ không phải sự tăng trưởng - Kensington và Chelsea tiếp tục là những khu vực đứng đầu trong cả vương quốc về tỷ lệ cư dân kiếm được thu nhập cao nhất.

### Câu hỏi

- 1** Có phải High Peak hay Chelsea và Kensington ở Liên hiệp Anh là những trung tâm về của cải?
- 2** Tại sao bạn lại nghĩ những người giàu lại càng ngày càng giàu hơn?

### Câu hỏi tư duy

- 1** Phân biệt giữa tô kinh tế và thu nhập chuyển giao. Với ví dụ có liên quan, hãy giải thích cái gì xác định tô kinh tế từ việc sử dụng các yếu tố sản xuất.
- 2** Giải thích việc mở rộng về vấn đề năng lượng là yếu tố thứ tư trong sản xuất.

## Chương 13

# Rủ ro và thông tin

### Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Chuyển đổi rủi ro và lợi ích cận biên giảm dần
- Chia sẻ rủi ro và dàn trải rủi ro
- Các thông tin bên trong dẫn đến rủi ro đạo đức và thay đổi sự lựa chọn như thế nào
- Lợi tức của một tài sản phản ánh thu nhập bằng tiền và phần lãi (lỗ) của vốn như thế nào
- Có sự liên quan như thế nào giữa lợi tức của tài sản đến chia sẻ rủi ro
- Hiệu quả thị trường tài sản
- Thị trường giao sau (kỳ hạn) và thị trường giao ngay
- Việc lập hàng rào làm dịch chuyển gánh nặng về rủi ro như thế nào

### Các vấn đề chính

Rủ ro là một vấn đề quan trọng trong kinh tế học nói chung và trong tài chính nói riêng. Trong chương này, chúng ta được giới thiệu một số các kiến thức cơ bản về rủi ro và bạn cần phát triển những hiểu biết của mình về những vấn đề sau:

- 1 Thái độ khác nhau đối với rủi ro như: thích rủi ro, ghét rủi ro và bàng quan với rủi ro.
- 2 Giảm rủi ro bằng cách chuyển rủi ro sang cho các công ty bảo hiểm.
- 3 Giảm rủi ro thông qua đa dạng hóa và lập hàng rào.

Sách lý thuyết đã khai thác những vấn đề phức tạp hơn xung quanh 3 nội dung chủ yếu trên và các bài tập sau giúp bạn phát triển sự hiểu biết của mình.

- a Phân tán rủi ro
- b Bình thường với rủi ro
- c Hệ số Beta
- d Bong bóng đầu cơ
- e Người lập hàng rào chống lại rủi ro tỷ giá
- f Rủi ro đạo đức
- g Giá giao ngay
- h Lựa chọn ngược
- i Ghét rủi ro
- j Thị trường giao sau
- k Chia sẻ rủi ro
- l Lý thuyết thị trường hiệu quả
- m Người thích rủi ro
- n Nhà đầu cơ

- 1 Một công cụ đo lường quy mô thay đổi lợi tức của một cổ phiếu so với lợi tức của toàn bộ thị trường cổ phiếu.
- 2 Sự giảm sút của tình trạng không chắc chắn về kết quả trung bình bằng việc phân tán rủi ro giữa nhiều cá nhân có rủi ro độc lập nhau.
- 3 Quan điểm về thị trường như một bộ xử lý thông tin nhạy cảm, phản ứng nhanh chóng với thông tin mới để điều chỉnh giá một cách chính xác.
- 4 Một người chấp nhận cá cược ngay cả khi một sự tính toán chặt chẽ bộc lộ khả năng bất lợi.
- 5 Một người tham gia trao đổi trên thị trường giao sau kỳ vọng thu được lợi nhuận do chấp nhận rủi ro.
- 6 Phân tán rủi ro giữa các công ty bảo hiểm, như vậy giảm gánh nặng của từng công ty đơn lẻ.
- 7 Một tình huống trong đó hành vi bảo hiểm làm tăng khả năng xảy ra sự kiện so với trường hợp không có bảo hiểm.
- 8 Một thị trường mà các hợp đồng giao hàng được lập hôm nay cho một thời điểm nhất định trong tương lai với mức giá thống nhất hôm nay.
- 9 Một người bỏ qua sự phân tán của các kết cục có thể, chỉ quan tâm đến kết cục trung bình.
- 10 Một thị trường trong đó tất cả mọi người tin rằng ngày mai giá sẽ tăng, ngay cả khi giá đã tăng rất nhiều.
- 11 Những người giao dịch sử dụng thị trường giao sau để làm giảm rủi ro của mình bằng cách lập các hợp đồng về các giao dịch tương lai.
- 12 Giá giao hàng hoá ngay tức thời.
- 13 Một người mà sẽ từ chối trò cá cược công bằng, đòi hỏi khả năng thu lợi nhuận mà lợi nhuận bằng tiền lớn hơn so với rủi ro.
- 14 Tình huống mà các công ty bảo hiểm gặp phải trong đó những người mong muốn bảo hiểm chống lại một kết cục nhất định cũng là những người thường được hưởng tiền chi trả bảo hiểm.

### Bài tập

1 Maureen, Nora và Olga mỗi người đều có cơ hội mua một bức tranh phác hoạ, được cho là của một hoạ sĩ nổi tiếng giá 500£. Nếu đúng giá trị của bức tranh đó sẽ là 1000£; nếu là giả mạo nó sẽ không có giá trị gì. Đây là một sự lựa chọn 50:50.

Maureen từ chối thẳng thừng. Nora nắm bắt cơ hội này và Olga tung đồng xu để quyết định.

- (a) Nhận định từng thái độ đối với rủi ro của từng người.
- (b) Bạn sẽ mua bức tranh này?
- (c) Điều này hàm ý gì về thái độ của bản thân bạn đối với rủi ro?

(d) Thái độ của bạn sẽ khác nếu bạn trúng cá độ bóng đá 1 triệu Bảng?

**2** Trong tình huống nào trong các tình huống dưới đây rủi ro được phân tán?

(a) Bảo hiểm đối với cặp giò của David Beckham (hay của một số cầu thủ bóng đá hàng đầu khác).

(b) Bảo hiểm xe hơi.

(c) Bảo hiểm những thứ trong tủ lạnh.

(d) Bảo hiểm đối với một tai nạn của trạm điện hạt nhân.

(e) Bảo hiểm y tế cho một kỳ nghỉ ở nước ngoài.

**3** Tình huống này sau đây minh hoạ rủi ro đa đức và tình huống nào là lựa chọn ngược?

(a) Paula không bao giờ khoá xe của mình, biết rằng xe đó được bảo hiểm.

(b) Có bảo hiểm nhân thọ, Quentin tiếp tục nghiện thuốc lá nặng.

(c) Rosemary mua bảo hiểm nhân thọ, biết rằng việc hút thuốc lá nhiều của cô ấy đã làm cô ấy bị ung thư phổi.

(d) Có bảo hiểm đối với trời mưa, Simon trả tiền trước cho các ngôi sao Cricket ở giải Easter single-wicket của mình.

(e) Tessa mua ngay thêm bảo hiểm y tế trước khi thực hiện kỳ nghỉ trượt tuyết.

**4** Giả sử bạn muốn đầu tư 200£ vào cổ phiếu. 2 ngành, hoá chất và máy tính, có các cổ phiếu với mức giá đưa ra là 100£ mỗi loại. Lợi tức kỳ vọng từ 2 ngành này là độc lập nhau. Trong mỗi trường hợp, có 50% cơ hội lợi tức tốt (12£) và 50% cơ hội lợi tức trở nên xấu (6£).

(a) Nếu bạn chỉ mua các cổ phiếu của ngành hoá chất và cơ hội tốt xảy ra, lợi tức bạn thu được là bao nhiêu?

(b) Nếu bạn chỉ mua cổ phiếu máy tính và cơ hội xấu xảy ra thì lợi tức bạn thu được là bao nhiêu?

(c) Nếu bạn đặt tất cả tiền của mình vào một ngành, thì lợi tức kỳ vọng trung bình của bạn là bao nhiêu?

(d) Nếu bạn đặt tất cả tiền của mình vào một ngành thì khả năng của lợi tức xấu là bao nhiêu?

(e) Lợi tức trung bình của bạn là bao nhiêu nếu bạn phân tán rủi ro?

(f) Nếu bạn phân tán rủi ro, khả năng lợi tức xấu là bao nhiêu (tức là cùng mức như câu (b))?

**5** Kết hợp tương thích các thuật ngữ được đánh số với các khái niệm (giả sử các hợp đồng chỉ được ban hành 1 năm và ngày hôm nay là ngày 01/7/2005):

(a) Giá vàng ngày 01/07/2005 giao hàng và thanh toán ngày 01/07/2005.

(b) Giá trên thị trường giao sau vào ngày 01/07/2005 tại đó vàng được chuyển giao và thanh toán vào ngày 01/07/2006.

(c) Dự đoán tốt nhất của ngày hôm nay về giá giao ngay vào ngày 01/07/2006.

(d) Giá vàng giao dịch trên thị trường giao ngay vào ngày 01/07/2005.

(e) Chênh lệch giữa giá giao ngay kỳ vọng trong tương lai và giá giao sau hiện tại.

(1) Phần đền bù rủi ro.

(2) Giá giao ngay tương lai.

(3) Giá giao ngay hôm nay.

(4) Giá giao sau.

(5) Giá giao ngay kỳ vọng trong tương lai.

**6** Điều nào dưới đây đưa ra khả năng tốt nhất của một mức lợi tức tốt hơn bình quân trên thị trường cổ phiếu?

(a) Đọc kỹ các bài báo tài chính.

(b) Đính kim vào các trang tài chính của các báo.

(c) Sử dụng một tư vấn tài chính.

(d) Phân tích bằng máy tính những thay đổi của giá cổ phiếu trong quá khứ.

(e) Là người đầu tiên phản ứng với các tin tức.

**7** Tuyên bố nào trong các tuyên bố dưới đây là đúng?

(a) Một cổ phiếu có beta = 1 thay đổi độc lập với các cổ phiếu khác trên thị trường.

(b) Một cổ phiếu có beta cao thay đổi cùng với thị trường nhưng thay đổi chậm.

(c) Một cổ phiếu có beta âm làm giảm mức độ rủi ro của danh mục đầu tư.

(d) Một cổ phiếu có beta âm làm tăng mức độ rủi ro của danh mục đầu tư.

(e) Tất cả các cổ phiếu đều có beta gần bằng 1.

## Chương 13: Rủi ro và thông tin

- 8** Tuyên bố nào dưới đây liên quan đến độc quyền là đúng.
- (a) Chúng cho phép những người tiết kiệm nhỏ phân tán rủi ro của họ.
- (b) Chúng thường đưa ra một tỷ lệ lãi suất và thặng dư tái đầu tư cố định do đó mang lại sự tăng vốn cho những người nắm giữ cổ phiếu độc quyền.
- (c) Giá của chúng không thay đổi vì thế người nắm giữ cổ phiếu độc quyền không bao giờ mất những khoản tiết kiệm bằng tiền của mình.
- (d) Chúng đặc biệt hấp dẫn đối với những người thích rủi ro.

### Đúng/Sai

- 1** Một người thích rủi ro là bàng quan với rủi ro.
- 2** Nguyên tắc lợi ích cận biên giảm dần của của cái làm cho hầu hết mọi người ghét rủi ro.
- 3** Các công ty bảo hiểm thường không bảo hiểm chống lại các đạo luật của Chúa bởi vì các rủi ro này không thể san sẻ.
- 4** Theo thuật ngữ kinh tế đơn thuần, bảo hiểm nhân thọ ban đầu thiên về phụ nữ hơn nam giới vì trung bình phụ nữ sống lâu hơn nam giới.
- 5** Tín phiếu Bộ tài chính rủi ro hơn cổ phiếu công ty.
- 6** Các nhà đầu tư tài chính ghét rủi ro thường thích lợi tức trung bình của các dự án đầu tư cao hơn nhưng ghét rủi ro cao hơn.
- 7** Đa dạng hóa không có nghĩa là bỏ tất cả các quả trứng vào cùng một giỏ.
- 8** Đa dạng hóa sẽ thất bại khi lợi tức của các cổ phiếu là tương quan âm.
- 9** Ở điểm cân bằng, cổ phiếu loại hai thấp sẽ có giá trung bình thấp.
- 10** Các bong bóng đầu cơ thường tạo ra tỷ trọng lớn trong lợi nhuận dưới hình thức chênh lệch giá hơn là dưới hình thức cổ tức.

**11** Một thị trường kỳ hạn về ô tô có thể giúp ổn định giá.

**12** Một người mua bán mua ở thị trường kỳ hạn với hy vọng rằng giá giao ngay trong tương lai cao hơn sẽ tạo ra hàng rào.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Giảm thiểu rủi ro trên thị trường

(Trích từ bài báo của Chris Dillow, *Investors Chronicle*, 08/6/2004)

Đa dạng hóa cũng phải trả giá. Rất là dễ dàng để dẫn trái rủi ro mà không cần phải hy sinh lợi tức thu được bằng việc chỉ nắm giữ 2 hoặc 3 cổ phiếu. Một nguyên tắc tổng quát - "nắm giữ các cổ phiếu dường như có chút ít điểm chung" - ở đây hoạt động có hiệu quả. Rất nhiều cổ phiếu thực sự chẳng có điểm gì chung, việc thay đổi của cái này chẳng liên quan gì đến cái kia.

Theo nguyên tắc tổng quát đó, các hồ sơ đầu tư các dự án lớn của các nhà đầu tư chuyên nghiệp với sự đa dạng hóa chẳng tốt hơn là mấy so với hồ sơ của các nhà đầu tư nghiệp dư - bởi vì khi nắm giữ hàng tá cổ phiếu, họ nắm giữ các tài sản có liên quan mật thiết với nhau thì sẽ làm cho các hồ sơ này dễ thay đổi.

### Câu hỏi

- 1** Thuật ngữ chính thức dùng để miêu tả "các cổ phiếu dường như có rất ít điểm chung" là gì?
- 2** Tại sao việc nắm giữ "các cổ phiếu dường như có rất ít điểm chung" lại giảm rủi ro?
- 3** Tại sao nắm giữ một hồ sơ rất lớn về các cổ phiếu lại không giảm được rủi ro?

### Câu hỏi tư duy

- 1** Giải thích tại sao xảy ra tình trạng tỷ lệ lợi tức của cổ phiếu âm hoặc dương quá lớn trong một số năm cụ thể là không thể dự kiến được.
- 2** Thảo luận xem thị trường chứng khoán giống như một sông bạc hay một thị trường hiệu quả. Bằng chứng nào giúp bạn đưa ra câu trả lời?

**3** Bỏ qua tình trạng bạn có tin thị trường chứng khoán hoạt động được không, giải pháp nào được mong muốn nhất nếu bạn quan tâm đến vấn đề các nguồn tài trợ được phân bổ hiệu quả nhất giữa các hãng?

**4** Thảo luận xem các rủi ro đạo đức hay sự lựa chọn ngược có thể ảnh hưởng hay không đến thị trường về bảo hiểm chống lại sự thất nghiệp hoặc sức khỏe tồi tệ với tình trạng không có quy định của nhà nước về các loại bảo hiểm như vậy.

# Nền kinh tế thông tin

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Những đặc trưng chủ yếu của sản phẩm thông tin
- Tại sao các sản phẩm điện tử có chi phí cố định cao/chi phí cận biên thấp
- Tại sao thương mại điện tử thúc đẩy độc quyền phân biệt giá
- Phân biệt giá, "phiên bản hóa và bán kèm nhiều sản phẩm"
- Tại sao phát sinh các chiến lược liên kết
- Cạnh tranh để thiết lập các tiêu chuẩn và sự cạnh tranh giữa các mạng lưới
- Sự bùng nổ và phá sản giá cổ phiếu của các công ty dot.com

## Nội dung nghiên cứu chính

Sự phổ biến và tầm quan trọng của internet đã được chứng minh bằng việc sử dụng đáng kể các công nghệ mới của các hãng và người tiêu dùng. Các nhà kinh tế học đã rất quan tâm đến việc hiểu tại sao một thị trường như vậy lại phát triển và nó sẽ như thế nào trong tương lai. Các vấn đề cơ bản mà các nhà kinh tế học quan tâm là:

- 1 Tại sao người tiêu dùng cần nhiều thông tin?
- 2 Ưu thế mà các công nghệ mới mang lại trong việc phân phối thông tin là gì?
- 3 Với những đặc điểm mới về nơi hoạt động của thị trường, sự cạnh tranh sẽ phát triển như thế nào trong tương lai?

Nội dung trong sách lý thuyết đã được xây dựng dựa trên những vấn đề này và các bài tập sau sẽ giúp bạn khai thác các vấn đề này sâu hơn.



## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Chi phí chuyển
- b** Sản phẩm điện tử
- c** Ngoại ứng mạng lưới
- d** Tiêu chuẩn
- e** Bán kèm
- f** Hàng hóa thử nghiệm
- g** Thị trường ngách
- h** Phiên bản hóa
- i** Phân biệt giá
- j** Giá hai phần
- k** Liên minh chiến lược
- l** Quá tải thông tin

- 1** Một sản phẩm được mã hóa bằng số sau đó được truyền dẫn rất nhanh, chính xác và rẻ.
- 2** Một hàng hóa mà phải được làm mẫu trước khi người sử dụng biết đến giá trị của nó.
- 3** Thận trọng trong việc tạo ra những điểm khác biệt để thúc đẩy sự phân biệt giá.
- 4** Tổng hợp cung của nhiều hàng hóa để giảm nhu cầu về phân biệt giá.
- 5** Chi phí phát sinh khi các chi phí hiện tại là chi phí chìm, vì vậy thay đổi người cung ứng cần bỏ thêm chi phí.
- 6** Một tình huống phát sinh khi số lượng các thông tin là quá lớn, nhưng chi phí sắp xếp cao, vì vậy các thiết bị màn hình trở nên có giá trị.
- 7** Tiêu chuẩn kỹ thuật chung cho tất cả các mạng.
- 8** Một tình huống phát sinh khi thêm một thành viên của mạng tạo ra lợi ích cho những người đang ở trong mạng.
- 9** Một thỏa thuận về giá trong đó giá hàng năm là để bù đắp phần chi phí cố định, cùng một phần giá trên từng đơn vị sản phẩm liên quan đến chi phí cận biên.
- 10** Một sự pha trộn giữa cả hợp tác và cạnh tranh trong đó một nhóm các nhà cung ứng cung cấp một loạt các loại sản phẩm mà loại này bổ sung cho loại kia.
- 11** Một tình huống trong đó với cùng một sản phẩm các nhà cung ứng có khả năng đặt các mức giá khác nhau cho các khách hàng khác nhau.
- 12** Một thị trường dựa vào sở thích đặc biệt của một nhóm người tiêu dùng.

### Bài tập

**1** Hàng hóa hoặc dịch vụ nào sau đây được phân loại như là sản phẩm thông tin?

- (a) Âm nhạc.
- (b) Bút chì.
- (c) Các vấn đề hôm nay của *The Guardian*.
- (d) Một cuốn từ điển.
- (e) Tủ lạnh.
- (f) Máy tính.
- (g) Trang web.
- (h) Tập tin.

(i) Một trận bóng đá.

**2** Bạn nhận được một thư điện tử từ một công ty về một công việc hướng dẫn các sinh viên kinh tế. Với 100£/tháng, bạn có thể truy cập vào một website cung cấp các thông tin liên quan đến các lý thuyết kinh tế.

(a) Bạn có đồng ý không?

(b) Giả sử đây là một “sản phẩm thử nghiệm”, và bạn không thể đồng ý nếu không có một vài sự đảm bảo rằng sản phẩm này là có ích với bạn, điều gì sau đây có thể giúp bạn đồng ý về công việc này?

- (i) Website hoạt động nhờ khoa kinh tế học của một trong những trường đại học hàng đầu ở Anh.
- (ii) Công ty này mời chào xem trước một phần miễn phí - phần về lý thuyết trò chơi.
- (iii) Bạn đã quen với công ty, đã từng sử dụng một trong những website khác trước đây.
- (iv) Công ty cho bạn một tuần thử website miễn phí về tất cả các nội dung của website.
- (v) Bạn có một bài kiểm tra cuối học kỳ vào tuần tới.

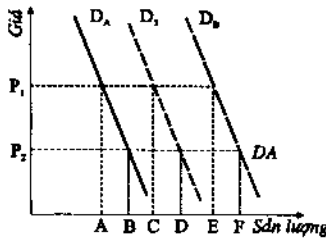
**3** Phân phối một sản phẩm thông tin bao gồm các loại chi phí sau:

- A. Các chi phí sản xuất.
- B. Các chi phí tái sản xuất.
- C. Các chi phí phân phối.

- (a) Hãy phân loại các chi phí trên theo các khoản mục chi phí như chi phí cố định hoặc chi phí biến đổi.
- (b) Đánh giá giá trị của mỗi khoản mục chi phí trên.
- (c) Dựa vào hiệu suất kinh tế theo quy mô câu trả lời của bạn là gì về cơ cấu chi phí chung của sản phẩm?

**4** Hình 14-1 minh họa thị trường về một hàng hóa mà có ngoại ứng mạng lưới liên quan đến thị trường đó.  $D_1$  là đường cung ban đầu,  $P_1$  là mức giá ban đầu.

**Hình 14-1** Đường cầu với ngoại ứng mạng lưới



- (a) Lượng cân bằng ban đầu là bao nhiêu? Giả sử giá giảm từ  $P_1$  xuống  $P_2$ :
- (b) Lượng cân bằng mới trong ngắn hạn là bao nhiêu?
- (c) Sự giảm giá này có thể ảnh hưởng đến mạng lưới như thế nào?
- (d) Đường cầu mới là đường nào và lượng cân bằng mới trong ngắn hạn là bao nhiêu?
- (e) Vẽ trên cùng một đồ thị đường cầu trong dài hạn (tức là đường cầu khi nhận thấy có ảnh hưởng của ngoại ứng mạng lưới).

**5** Các sản phẩm nào sau đây được phân biệt giá?

- (a) Sách.
- (b) Đường sắt.
- (c) Xúc xích.
- (d) Phần mềm máy tính.
- (e) Du lịch hàng không.

**6** Điều nào sau đây là những đặc điểm quan trọng của một sản phẩm thông tin - và tại sao chúng lại là vấn đề?

- (a) Bạn không thể biết giá trị của sản phẩm cho đến khi bạn có được nó.
- (b) Một khi bạn đã có sản phẩm, bạn không cần nó lần nào nữa.
- (c) Sử dụng sản phẩm đó nhiều có lẽ lợi ích sẽ giảm.
- (d) Một khi bạn đã chọn một sản phẩm cụ thể bạn bị kẹt vào nó.
- (e) Càng nhiều người khác có sản phẩm đó, bạn càng được lợi nhiều hơn.

**7** Bạn đã phát triển một vài phần mềm máy tính đặc biệt mà những phần mềm này đưa ra một dịch vụ được cải tiến cho những khách hàng tiềm năng của bạn mà những khách hàng này đang sử dụng Package X, một phần mềm được một đối thủ cạnh tranh với bạn đưa ra, Comp. or. Để thiết lập một tài khoản cho một khách hàng sẽ mất chi phí khoảng 30£, nhưng sẽ đòi hỏi khách hàng 65£.

- (a) Tổng chi phí chuyển là bao nhiêu?
- (b) Nếu giá trị hiện tại của lợi nhuận dự kiến từ một khách hàng là 90£, bạn sẽ tiếp tục với sản phẩm mới không?
- (c) Bạn có quyết định khác không nếu lợi nhuận dự kiến là 200£?
- (d) Bạn có thể đưa ra các bước tiếp theo là gì để thu hút khách hàng trong tình huống này?
- (e) Comp.or có thể đưa ra hành động gì để bảo vệ thị phần của chính hãng?

**8** Bảng 14-1 đề cập đến sự sẵn sàng trả (WTP) cho 2 hàng hóa của 3 khách hàng siêu thị.

Bảng 14-1 Sẵn sàng trả (£)		
	Pizza	Bánh mật
Anna	3	0
Bob	0	3
Caroline	2	2

- (a) Doanh thu của siêu thị là bao nhiêu nếu nó đặt mức giá là 3£/pizza và 3£/bánh mật?
- (b) Doanh thu của siêu thị là bao nhiêu nếu nó đặt mức giá là 2£/pizza và 2£/bánh mật?
- (c) Doanh thu của siêu thị là bao nhiêu nếu nó đặt mức giá là 3£/pizza và 3£/bánh mật, nhưng có một sự lựa chọn khác là mua cả hai thì giá 4£?
- (d) Siêu thị có thể tìm thấy nó đạt chiến lược giá ở câu (c) như thế nào?

**9** Thị trường về sản phẩm thông tin có là cạnh tranh hoàn hảo được không? Nó có thể có cấu trúc thị trường nào? Tại sao?

### Đúng/Sai

- 1** Doanh thu từ thương mại điện tử được dự báo là tăng gấp 5 lần ở Đông Âu giữa 1999 và 2005.
- 2** Hãy chọn Yahoo!. Chỉ mất 5 năm để đuổi kịp General Motors về huy động vốn thị trường.
- 3** Vấn đề về sản phẩm thông tin là một khi bạn đã có nó thì bạn không cần mua nó nữa.
- 4** Các phương tiện tìm kiếm là những website phổ biến nhất vì chúng giúp người sử dụng bắt kịp với các thông tin tài về.
- 5** Chi phí cố định của việc học một từ mới hoặc các gói phần mềm khác là cao, vì vậy có một động cơ mạnh mẽ để kết nối với những cái mà bạn biết.
- 6** Cũng có nhiều người tham gia vào một mạng lưới, càng nhiều người muốn tham gia vào mạng lưới đó.
- 7** Cơ cấu chi phí đặc trưng của một sản phẩm thông tin làm cho chúng ta có thể dự báo rằng một cấu trúc thị trường cạnh tranh hoàn hảo sẽ phát triển.
- 8** Việc sản xuất các phiên bản phần mềm máy tính của các "sinh viên" và "các chuyên gia" là một cố gắng của các nhà sản xuất để giới thiệu một dạng của phân biệt giá.
- 9** Bán kèm là đặt cùng một mức giá cho các khách hàng, nhưng thường ít hiệu quả hơn phân biệt giá hoàn hảo.
- 10** Các chiến lược liên kết là tốt cho người tiêu dùng.

**11** Các hãng ở châu Âu tụt lại phía sau so với các đối thủ của nó ở Mỹ trong việc phát triển một chuẩn mực cho mạng điện thoại di động.

**12** Cách mạng thông tin yêu cầu cần có một cuộc cách mạng trong phân tích kinh tế để hiểu xem điều gì đang diễn ra.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Doanh số của Qjump tăng mạnh

(Trích từ bài báo Heather Tomlinson, *The Guardian*, 10/02/2004)

Hai nhà bán lẻ vé xe lửa trực tuyến hàng đầu, The Trainline và Qjump đã sát nhập với nhau và có thể thừa ra 300 lao động. Bắt đầu vào đầu tháng 3 năm nay (2004), theo như tính toán của The Trainline, công ty có phần lỗ trước thuế là 12,3 triệu £ trên doanh thu là 22,3 triệu £. The Trainline còn nói rằng, khi 2 công ty sát nhập thì có thể tiết kiệm 8 triệu £ chi phí. Công ty mới có thể tạo ra lợi nhuận và có doanh thu hàng năm là 300 triệu £, chỉ dưới 10% tất cả các vé xe lửa được bán. Khoảng một nửa doanh thu đó là từ Qjump.

#### Câu hỏi

- 1** Với cơ cấu chi phí điển hình của một sản phẩm điện tử, tại sao việc sát nhập giữa The Trainline và Qjump lại có thể xảy ra?
- 2** Bạn có nghĩ rằng với việc áp dụng thương mại điện tử, cổ phiếu của các vé xe lửa có thể chuyển từ 10% đến 20% không?

#### Câu hỏi tư duy

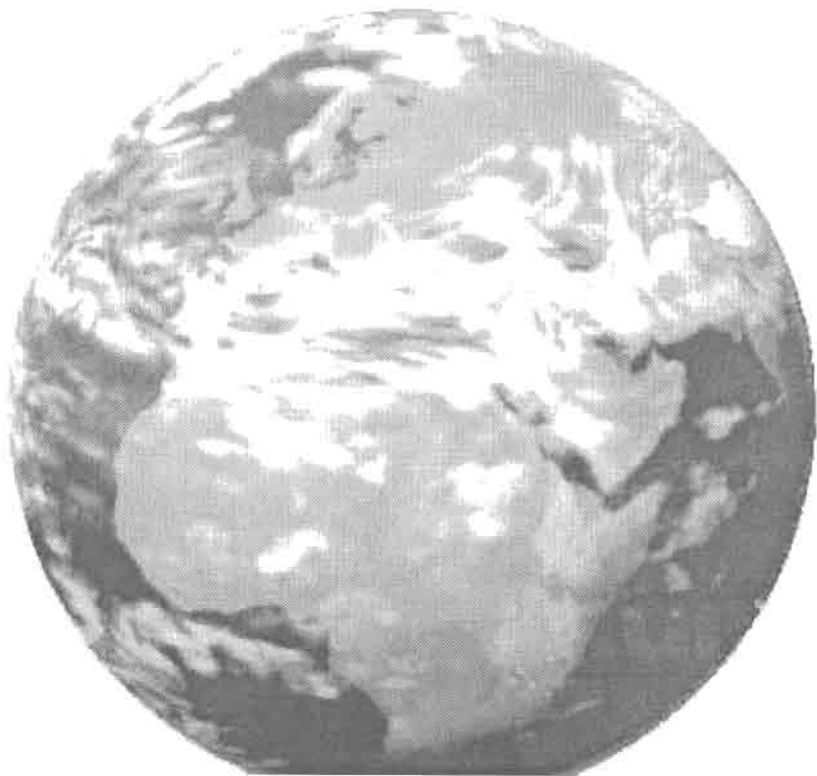
- 1** Đầu tiên Internet được phát triển nhờ các chuyên gia ở các trường đại học và các nước muốn trao đổi thông tin miễn phí. Các nhà kinh tế có thể nói gì về cân bằng thị trường trong trường hợp này? Nếu bỏ qua vấn đề về cân bằng sang một bên, việc truy cập Internet có nên tiếp tục miễn phí không?
- 2** Tại sao các hãng như Microsoft và Intel chọn giải pháp liên kết hơn là sát nhập toàn bộ?

3 Microsoft đã bị lôi kéo vào một cuộc chiến lâu dài và tốn kém với US Justice Department về Internet Explorer, mà phần mềm này đang cạnh tranh với Netscape Navigator. Netscape tranh cãi rằng Microsoft đã tranh cướp hết làm cho giá của Internet Explorer là bằng 0, trong khi Microsoft đối

đầu bằng cách nói rằng Internet Explorer là một phần trong các phần mềm lớn của hãng. Hãy sử dụng những nội dung đã được giới thiệu trong chương này để đưa ra quan điểm của bạn về chiến lược của Microsoft.

**Phần ba**

**Kinh tế học  
phúc lợi**



# Kinh tế học phúc lợi

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Kinh tế học phúc lợi là gì
- Công bằng ngang và dọc
- Khái niệm hiệu quả Pareto
- Bàn tay vô hình có thể đạt được hiệu quả như thế nào
- Khái niệm thất bại thị trường
- Tại sao loại bỏ từng phần những bóp méo có thể là có hại
- Vấn đề ảnh hưởng hướng ngoại (ngoại ứng) và các giải pháp có thể
- Sức mạnh độc quyền gây ra thất bại thị trường như thế nào
- Những lệch lạc do ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông
- Tại sao những thị trường mất cân đối gây ra lệch lạc

## Nội dung nghiên cứu chính

Kinh tế học phúc lợi là nơi những nhà kinh tế học thực chứng gặp kinh tế học chuẩn tắc (xem lại chương 1), nhưng kinh tế học thực chứng cố gắng trở thành *không dính dáng đến giá trị* trong khi kinh tế học chuẩn tắc thì không. Vì thế chủ đề kinh tế học phúc lợi gây ra sự tranh luận. Tuy nhiên, có một số ý tưởng quan trọng bạn cần có để xây dựng hiểu biết của mình về:

- 1 Hiệu quả Pareto là gì?
- 2 Thất bại thị trường là gì và cái gì tạo ra thất bại thị trường?
- 3 Một số giải pháp cho thất bại thị trường là gì?

Sách lý thuyết đã cung cấp một phân tích chi tiết về các chủ đề này và các bài tập theo sau sẽ giúp bạn mở rộng hiểu biết của mình.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Công bằng ngang
- b** Phân bổ tài nguyên
- c** Quyền sở hữu tài sản
- d** Kinh tế học phúc lợi
- e** Điều tốt thứ nhì
- f** Vấn đề kẻ ăn không
- g** Thất bại của thị trường
- h** Hiệu quả phân bổ
- i** Ảnh hưởng hướng ngoại (ngoại ứng)
- j** Hiệu quả Pareto
- k** Công bằng dọc
- l** Lệch lạc

- 1** Một nhánh của kinh tế học nghiên cứu các vấn đề chuẩn tắc, mục đích của nó không phải là mô tả cách thức hoạt động của nền kinh tế mà là đánh giá nền kinh tế hoạt động tốt như thế nào.
- 2** Đối xử giống nhau với những người giống nhau.
- 3** Danh sách hay sự mô tả đầy đủ ai làm gì và ai được gì.
- 4** Các tình huống trong đó cân bằng trong các thị trường tự do không bị điều tiết, không đạt được sự phân bổ hiệu quả.
- 5** Đối xử khác nhau với những người khác nhau nhằm giảm các hệ quả của những cái tạo ra những sự khác nhau ban đầu.
- 6** Tình huống gây ra chi phí xã hội cận biên của việc sản xuất ra hàng hóa khác với lợi ích xã hội cận biên đạt được từ việc tiêu dùng hàng hóa đó.
- 7** Tình huống trong đó cá nhân không có động cơ thanh toán cho hàng hóa mà phải sản xuất ra một cách tốn kém, khi người đó vẫn tiêu dùng được hàng hóa đó.
- 8** Lý thuyết theo đó chính phủ có thể làm tăng tổng hiệu quả của cả nền kinh tế bằng việc tạo ra những bóp méo mới để khử những bóp méo đang tồn tại.
- 9** Tình huống trong đó nền kinh tế đạt được nhiều nhất từ các tài nguyên khan hiếm của mình và không phung phí chúng.
- 10** Tình huống phát sinh bất cứ khi nào quyết định sản xuất hoặc tiêu dùng của cá nhân ảnh hưởng trực tiếp đến những người khác, không phải thông qua các giá thị trường.
- 11** Sự phân bổ tài nguyên sao cho, với các thị trường tiêu dùng, tài nguyên và công nghệ xác định, không thể chuyển sang một phân bổ khác trong đó sẽ làm cho một số người được lợi mà không người nào bị thiệt.
- 12** Quyền đến bù hợp pháp đối với những vi phạm các quyền được trao.

### Bài tập

**1** Giả sử rằng Ursula và Vince đánh giá ích lợi của mình bằng các hàng hóa nhận được. Hình 15-1 cho thấy con số của các phân bổ hàng hóa khác nhau giữa họ.

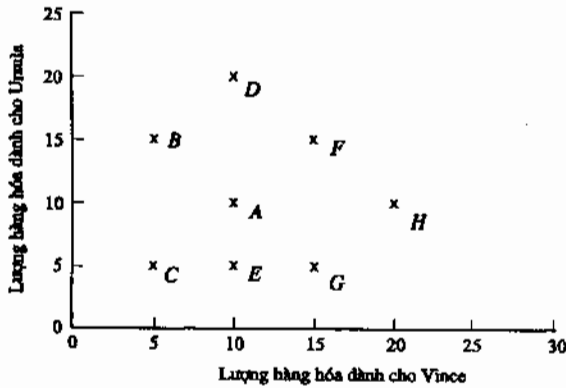
- (a) Những phân bổ nào tốt hơn A?  
 (b) Những phân bổ nào kém A?

(c) Có phân bổ nào không được nhắc đến trong câu trả lời của bạn cho (a) và (b) không? Nếu có, hãy giải thích tại sao bạn không có khả năng đánh giá chúng là tốt hơn hay kém A. Xã hội có bằng quan giữa các điểm như thế không?

Giả sử rằng số lượng của hàng hóa sản có là 20:

- (d) Những phân bổ nào là không hiệu quả?  
 (e) Những phân bổ nào là hiệu quả?  
 (f) Những phân bổ nào là không khả thi?

**Hình 15-1** Phân bố hàng hóa giữa Ursula và Vince



**2** Giả sử rằng một nền kinh tế có nhiều người sản xuất và người tiêu dùng, nhưng chỉ có hai hàng hóa, thức ăn và sách. Cả hai thị trường đều không bị điều tiết và là cạnh tranh hoàn hảo. Giá cân bằng của thức ăn là 20£ và giá sách là 10£. Lao động là yếu tố sản xuất biến đổi và các công nhân có sự thỏa mãn nghề nghiệp như nhau trong mỗi khu vực. Nền kinh tế đang ở cân bằng.

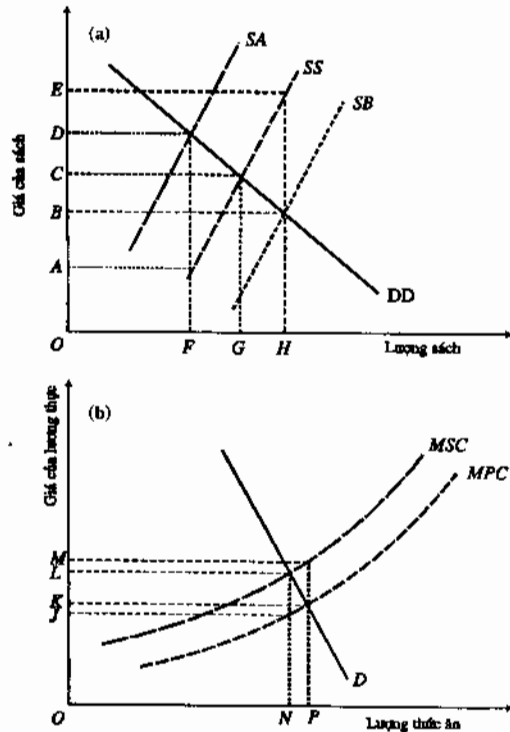
- (a) Những người tiêu dùng được thêm bao nhiêu ích lợi (tính theo giá trị bằng tiền) từ quyển sách cuối cùng được sản xuất ra?
- (b) Những người tiêu dùng sẽ trao đổi bao nhiêu quyển sách lấy một đơn vị thức ăn nếu ích lợi của họ giữ nguyên?
- (c) Chi phí cận biên của quyển sách cuối cùng và đơn vị thức ăn cuối cùng được sản xuất ra là bao nhiêu?
- (d) Có thể nói gì về đơn giá tiền lương tương đối trong hai khu vực?
- (e) Tỷ số giữa sản phẩm hiện vật cận biên của lao động trong sản xuất sách và trong sản xuất thực phẩm là gì?
- (f) Bao nhiêu quyển sách bổ sung có thể được sản xuất ra nếu giảm bớt một đơn vị thực phẩm được sản xuất ra?
- (g) Với câu trả lời cho các phần (b) và (f), có thể nói gì về sự phân bổ tài nguyên trong nền kinh tế này?

**3** Phần (a) của Hình 15-2 biểu thị đường cầu về sách (DD) trong nền kinh tế ở bài tập 2. SS biểu thị đường cung sách.

- (a) Hãy xác định giá và sản lượng cân bằng.
- (b) Giả sử rằng các nhà chức trách áp thuế đối với sách: hãy xác định đường cung bao gồm thuế và giá và lượng cân bằng mới của người tiêu dùng. Lượng thuế là bao nhiêu?

(c) Ở cân bằng này, chi phí xã hội của sách là bao nhiêu? Lợi ích cận biên của người tiêu dùng là bao nhiêu?

**Hình 15-2** Thuế đánh vào hàng hóa và điều tốt thứ nhì



Với thuế sách áp đặt như ở phần (b), bây giờ hãy xem xét thị trường thức ăn, biểu thị ở phần (b) trong Hình 15-2. D biểu thị đường cầu, MPC biểu thị chi phí tư nhân cận biên của thực phẩm và MSC biểu thị chi phí xã hội cận biên của việc sản xuất thực phẩm.

- (d) Hãy xác định giá và sản lượng cân bằng trong thị trường thực phẩm.
- (e) Cân bằng này có đảm bảo sự phân bổ tài nguyên thỏa mãn không? Giải thích câu trả lời của bạn.
- (f) Giải thích sự khác nhau giữa MPC và MSC.
- (g) Với thuế sách phải được giữ nguyên, sản lượng được ưa thích của ngành thực phẩm là gì? Các nhà chức trách có thể làm thế nào để đạt được mức sản lượng này?

**4** Những thứ nào dưới đây là biểu thị thất bại của thị trường? (Lưu ý: Có thể có nhiều hơn một câu trả lời).

- (a) Tắc nghẽn giao thông.
- (b) Sự tồn tại của độc quyền tập đoàn cấu kết.
- (c) Thiếu vắng thị trường tương lai về ô tô.
- (d) Có thị trường trong đó lợi ích xã hội cận biên cao hơn lợi ích tư nhân cận biên.

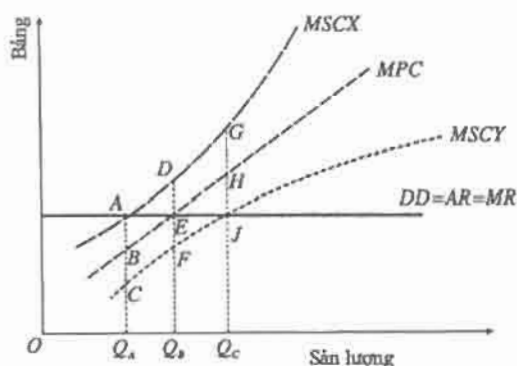


(e) Tình huống trong đó hãng được tự do gây ô nhiễm không khí xung quanh nhà máy (khu vực dân cư) mà không phải chịu chi phí.

**5** Người nuôi chó hàng ngày để chó làm bẩn vỉa hè. Điều này là ảnh hưởng hướng ngoại theo nghĩa nào? Không có những mức phí hiệu quả đối với những người nuôi chó, bạn sẽ kỳ vọng có quá nhiều hay quá ít chó so với hiệu quả xã hội? Các nhà chức trách có nên giải quyết vấn đề này bằng việc tăng phí giấy phép nuôi chó hay hạn chế số giấy phép phát hành - hay cứ để mặc mọi thứ như thế?

**6** Hai nhà máy nằm gần một khu vực nông thôn xa xôi hoạt động độc lập. Một nhà máy là chi nhánh của công ty (XYZ plc) phải chịu chi phí để cải thiện và duy trì con đường chính nối hai nhà máy bằng đường bộ. Nhà máy kia không đóng góp gì cho con đường, nhưng chia sẻ lợi thế của nó. Hình 15-3 minh họa vị thế XYZ plc gặp phải, giả định (để đơn giản hóa) XYZ plc là người chấp nhận giá trong thị trường này, với đường cầu nằm ngang ở DD. MPC biểu thị chi phí tư nhân cận biên XYZ plc gặp phải.

**Hình 15-3** Tác động của ảnh hưởng hướng ngoại của sản xuất



- (a) Hãng sẽ sản xuất ở điểm nào?  
 (b) Tính đến ảnh hưởng hướng ngoại của con đường, hãy xác định đường chi phí xã hội cận biên (MSCX hay MSCY). Giải thích câu trả lời của bạn.  
 (c) Điểm sản xuất hiệu quả về mặt xã hội là gì? Tại sao?  
 (d) Chi phí xã hội của việc sản xuất ở (a) chứ không phải ở (c) là gì?

**7** Một nhà máy thải khói trong quá trình sản xuất, áp đặt tính phí kinh tế lên môi trường. Các số liệu sau mô tả tình huống đó.

Sản lượng (đơn vị)	Chi phí tư nhân cận biên (£)	Doanh thu cận biên (£)	Chi phí xã hội cận biên của ô nhiễm không khí (£)
1	12	24	4
2	12	22	6
3	12	20	8
4	12	18	10
5	12	16	12
6	12	14	14
7	12	12	16
8	12	10	18

Lúc đầu hãng tối đa hóa lợi nhuận không quan tâm đến chi phí xã hội của ô nhiễm không khí. Nếu sau đó, các nhà chức trách áp đặt thuế gây ô nhiễm đối với hãng bằng chi phí xã hội cận biên, câu nào sau đây mô tả cái xảy ra với sản lượng?

- (a) Giảm đi 4 đơn vị.  
 (b) Giảm đi 2 đơn vị.  
 (c) Giảm đi 1 đơn vị.  
 (d) Giữ nguyên.  
 (e) Tăng thêm 1 đơn vị.

**8** Câu nào sau đây mô tả tình huống trong đó sự phân bổ tài nguyên có thể coi là hiệu quả?

- (a) Các quá trình sản xuất sử dụng ít năng lượng chừng nào có thể.  
 (b) Không ai có thể được lợi thêm mà không phải làm cho một ai đó bị thiệt.  
 (c) Không cần trao đổi với các nước khác.  
 (d) Cân cân thanh toán có thặng dư.  
 (e) Sản lượng một hàng hóa không thể tăng mà không phải giảm sản lượng của hàng hóa khác.  
 (f) Tất cả các công ty tư nhân trong nền kinh tế đang sản xuất ở mức cân bằng để tối đa hóa lợi nhuận.  
 (g) Tổng thu nhập quốc dân hàng năm tăng với tốc độ đã được dự kiến.

**9** Hội viên hội đồng chính quyền địa phương nói: "Nhà chức trách thiếu doanh thu và các con đường vào trung tâm thị trấn bị tắc nghẽn; vì thế, chúng ta cần tăng gấp đôi phí đỗ ô tô". Nếu đây là mục đích chính sách thì giả định nào sau đây được ngầm đưa ra?

- (a) Co giãn của cầu về đỗ ô tô trong trung tâm thị trấn nhỏ hơn 1.

- (b) Chi phí xã hội của việc lái ô tô trong trung tâm thị trấn lớn hơn lợi ích xã hội.
- (c) Nhà chức trách địa phương không có sự cạnh tranh đáng kể trong việc cung cấp các cơ sở đỗ ô tô trong trung tâm thị trấn.

**10** Hãy giải thích ý nghĩa của một sự ô nhiễm nào đó có thể là đáng mong muốn về mặt xã hội.

(Gợi ý: Bạn có thể thấy là có ích nếu vẽ sơ đồ để biểu thị ảnh hưởng của ô nhiễm trong thị trường. Ví dụ, hãy tưởng tượng bạn sống ở căn hộ nhìn ra biển, nhưng ở bờ biển đó có một nhà máy lọc dầu. Điều này có nghĩa là bạn phải dành thêm thời gian lau nhà và phải giặt quần áo thường xuyên hơn. Nhà máy lọc dầu áp đặt chi phí cho bạn và những người hàng xóm của bạn (nghĩa là xã hội) mà nó không phải thanh toán tiền cho việc đó. Vẽ đồ thị biểu thị quyết định sản xuất của hãng và sau đó so sánh với vị trí tối ưu đối với cả xã hội. Câu hỏi là liệu vị trí tối ưu có đòi hỏi ô nhiễm bằng không không).

## Đúng/Sai

- 1** Kinh tế học thực chứng nghiên cứu những vấn đề chuẩn tắc.
- 2** Một phân bố tài nguyên trong đó không thể làm cho một cá nhân được lợi mà không phải làm cho một người nào đó khác bị thiệt là hiệu quả Pareto.
- 3** Nếu mọi thị trường trong nền kinh tế trừ một thị trường là thị trường tự do cạnh tranh hoàn hảo, thì cân bằng trong khắp nền kinh tế sẽ là hiệu quả Pareto.
- 4** Nếu một bốp méo không thể tránh được trong một khu vực cụ thể, thì hành động tốt nhất đối với chính phủ là đảm bảo rằng các khu vực khác không có bốp méo.
- 5** Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên khác doanh thu trung bình; điều này gây ra thất bại của thị trường.
- 6** Việc thiết lập chính thức các quyền sở hữu tài sản có thể giúp đạt được sự phân bố hiệu quả về mặt xã hội bằng việc nội hóa các ảnh hưởng hưởng ngoại.
- 7** Ô nhiễm dòng sông là một tình huống trong đó chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân.
- 8** Chi phí tư nhân cao hơn chi phí xã hội bất cứ khi nào hãng không tạo ra được lợi nhuận.

**9** Ô nhiễm vẫn tồn tại; do đó sự kiểm soát ô nhiễm trước đây là không hiệu lực.

**10** Một vấn đề quan trọng biểu thị sự phát triển của các thị trường tương lai và dự phòng là cung cấp thông tin.

**11** Cuộc sống của con người nằm ngoài những tính toán kinh tế và phải được ưu tiên tuyệt đối bất kể chi phí như thế nào.

**12** Các ước lượng về lợi ích xã hội cận biên từ việc cứu mạng sống ở Liên hiệp Anh nằm trong khoảng 50£ đến 20 triệu £.

## Kinh tế học trong thực tiễn

### Cải cách phúc lợi: Các nhiệm vụ ở phía trước

(Theo BBC Business New)

Tony Blair đã nói rằng thực hiện cải cách phúc lợi là một trong các nhiệm vụ then chốt đối với nhiệm kỳ thứ hai của chính phủ của ông. Khi đến số 10 phố Downing sau sự thắng lợi lịch sử nhiệm kỳ thứ hai, thủ tướng đã cho rằng ông ta đã được xác định rõ là nhấn mạnh vào cải cách hệ thống phúc lợi. "Chúng ta cần tách biệt thật rõ ràng những người không thể làm việc, những ai cần an toàn và bảo vệ, và những người có thể làm việc nhưng hiện tại không làm, những ai chúng ta cần giúp bằng trợ cấp và đưa vào làm việc", ông Blair đã nói: "Chúng ta ngày càng tìm cách thắt chặt điều kiện để mọi người có các quyền của mình, nhưng có chế độ chặt hơn để đảm bảo mọi người có thể và thực sự giúp bản thân mình." Nhưng để làm thế chính phủ sẽ phải giải quyết một số trong các vấn đề khó khăn đã bị né tránh trong nhiệm kỳ thứ nhất.

### Xây dựng hệ thống lương

Sẽ có nhiều thay đổi trong hệ thống thuế, được thiết kế để xây dựng hệ thống lương. Cho các gia đình làm việc nợ thuế, đẩy thu nhập của những gia đình thu nhập thấp đang làm việc lên, sẽ được mở rộng đến những người khác trong lực lượng lao động. Cho nợ thuế việc làm - được đưa ra năm 2003 - có thể làm chính phủ mất đến 1 tỷ Bảng, theo Viện Nghiên cứu Tài khóa (IFS). Và kế hoạch của Bộ trưởng bộ tài chính kết hợp giữa nợ thuế với trợ cấp nuôi con đã làm cho mọi người được lợi - cái đó cũng sẽ làm tăng động cơ làm việc - có thể còn tốt kém hơn, nếu không ai bị thiệt, theo IFS.

(Tiếp theo)

### Cải cách trợ cấp nhà ở

Trợ cấp nhà ở là khoản thanh toán được thực hiện cho hàng triệu hộ gia đình để trợ giúp họ các thanh toán thuê nhà. Trên quan điểm của chính phủ, trợ cấp thuê nhà như hiện nay là nguyên nhân chính làm giảm động cơ chuyển từ sống bằng trợ cấp sang làm việc của mọi người. Tuy nhiên, bất kỳ cải cách nào của hệ thống cũng để cải thiện "giảm số lượng" - sao cho mọi người mất trợ cấp nhà ở ít hơn khi thu nhập của họ tăng - chắc chắn là tổn kém. Do đó chính phủ có thể lựa chọn để đơn giản hóa, cung cấp cho mọi người khoản trợ cấp cố định để giúp họ về chi phí nhà ở (với một số thay đổi về khu vực).

Nhưng chính phủ cũng gặp sự lựa chọn rộng hơn về cải cách phúc lợi, gắn với cả những tham vọng và biện pháp của nó.

- Nên nhắm vào các nhóm nhỏ những người bị loại trừ về mặt xã hội như những bà mẹ vị thành niên hay những người lười biếng, hay nên nhắm vào các nhóm rộng hơn, như các gia đình đông con?
- Các biện pháp thẩm tra thu nhập để hưởng trợ cấp có phải là không hiệu lực trong việc cung cấp trợ cấp và đều xấu đối với người nghèo không?

(Tiếp theo)

- Có thể làm giảm nghèo đói bao nhiêu thông qua việc tăng các khoản trợ cấp đã được thẩm tra thu nhập để cho hưởng, như đảm bảo thu nhập tối thiểu cho những người hưởng lương hưu, mà không khuyến khích phân phối lại thông qua hệ thống thuế và trợ cấp?

### Câu hỏi

- 1 Hệ thống phúc lợi giải quyết công bằng dọc hay công bằng ngang trong xã hội Liên hiệp Anh?
- 2 Hệ thống phúc lợi có hỗ trợ cho những thất bại của thị trường không?

### Câu hỏi tư duy

- 1 Tai nạn hạt nhân Chernobyl đã tạo ra ô nhiễm phóng xạ lan rộng. Hãy bàn luận cách bạn sẽ đánh giá chi phí và lợi ích của năng lượng hạt nhân.
- 2 Hãy bàn luận việc trao quyền sở hữu tài sản có thể giúp nội hóa các ảnh hưởng hưởng ngoại mà những người sống gần các sản vận động hoặc những người hàng xóm ồn ào phải chịu.

# Thu và chi của chính phủ

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Các loại chi tiêu khác nhau của chính phủ
- Tại sao hàng hóa công cộng không được cung cấp bởi thị trường
- Thuế suất trung bình và cận biên
- Thuế có thể bù lại những ảnh hưởng hướng ngoại như thế nào
- Kinh tế học phía cung
- Tại sao doanh thu thuế không thể tăng vô hạn
- Các luồng giữa các quốc gia hạn chế chủ quyền kinh tế quốc gia như thế nào
- Kinh tế học chính trị về cách các chính phủ xây dựng chính sách

## Nội dung nghiên cứu chính

Chương này công nhận vai trò của chính phủ trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Các lĩnh vực then chốt cần nắm vững là:

- 1 Tại sao chính phủ cung cấp hàng hóa và dịch vụ?
- 2 Các yếu tố ở cấp quốc gia có thể cản trở khả năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ của chính phủ là gì?
- 3 Ở cấp quốc tế, chính phủ còn có thể bị cản trở trong việc cung cấp các dịch vụ công cộng như thế nào?

Nội dung trong sách lý thuyết đã bao quát tất cả các vấn đề này một cách chi tiết và các bài tập sau sẽ giúp bạn phát triển hiểu biết của mình.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- |  |  |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a</b> Thuế hội đồng</li> <li><b>b</b> Cơ cấu thuế lũy tiến</li> <li><b>c</b> Thuế công ty</li> <li><b>d</b> Thuế gián thu</li> <li><b>e</b> Tác động của thuế</li> <li><b>f</b> Hàng hóa khuyến dụng</li> <li><b>g</b> Đường Laffer</li> <li><b>h</b> Thuế trực thu</li> <li><b>i</b> Thuế suất cận biên</li> <li><b>j</b> Mô hình Tiebout</li> <li><b>k</b> Nguyên lý lợi ích</li> <li><b>l</b> Phần mất không của thuế</li> <li><b>m</b> Thuế tài sản</li> <li><b>n</b> Cơ cấu thuế lũy thoái</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>1</b> Cơ cấu thuế trong đó thuế suất trung bình tăng theo mức thu nhập của cá nhân.</li> <li><b>2</b> Lãng phí gây ra bởi thuế dẫn đến phân bổ tài nguyên sai.</li> <li><b>3</b> Mô tả mối quan hệ giữa thuế suất và doanh thu thuế.</li> <li><b>4</b> Thuế đánh vào việc sở hữu hoặc chuyển giao tài sản chứ không phải vào thu nhập từ việc sở hữu tài sản; các ví dụ ở Liên hiệp Anh là các mức và thuế chuyển giao tư bản (CTT).</li> <li><b>5</b> Cơ cấu thuế trong đó thuế suất trung bình giảm khi mức thu nhập tăng.</li> <li><b>6</b> Nguyên lý làm cơ sở cho một cơ cấu thuế trong đó những người nhận được phần nhiều hơn trong chi tiêu công cộng trả phần nhiều hơn trong doanh thu thuế.</li> <li><b>7</b> Phần trăm chính phủ lấy đi của đồng bảng cuối cùng mà cá nhân kiếm được.</li> <li><b>8</b> Thuế đánh vào chi tiêu cho các hàng hóa và dịch vụ.</li> <li><b>9</b> Một mô hình quan trọng về chính phủ địa phương, đôi khi được gọi là mô hình "bàn chân vô hình".</li> <li><b>10</b> Thuế với hỗn hợp các bộ phận cấu thành tài sản, thu nhập và thuế hộ gia đình.</li> <li><b>11</b> Thuế các công ty Liên hiệp Anh nộp dựa trên lợi nhuận bị đánh thuế của chúng sau khi đã trừ phần trả lãi và trích khấu hao.</li> <li><b>12</b> Thuế đánh trực tiếp vào thu nhập.</li> <li><b>13</b> Hàng hóa mà xã hội nghĩ mọi người phải tiêu dùng bất kể mỗi cá nhân muốn hay không.</li> <li><b>14</b> Thước đo gánh nặng thuế cuối cùng đối với những người khác nhau một khi chúng ta tính đến những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của thuế.</li> </ul> |
|--|--|

### Bài tập

- 1** (a) Sử dụng số liệu từ Bảng 16-4 ở sách lý thuyết chính để vẽ sơ đồ hình bánh biểu thị các phần của các loại chủ yếu của doanh thu thuế và chi tiêu chính phủ.
- (b) Từ 1997, Gordon Brown đã đề xuất chính sách tài khóa thận trọng; bạn sẽ kỳ vọng chính sách này được minh chứng trong sơ đồ hình bánh như thế nào?
- (c) Trong sự giảm tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu, bạn sẽ kỳ vọng các khu vực nào trong sơ đồ hình bánh thay đổi?
- 2** Giả sử thuế thu nhập 30% đánh vào mức chuẩn tổng thu nhập trên 5000£.
- (a) Tính thuế suất cận biên và trung bình ở các mức thu nhập sau:
  - (i) 3000£.
  - (ii) 9000£.

(iii) 12000£.

(iv) 20000£.

(b) Thuế này là lũy tiến hay lũy thoái?

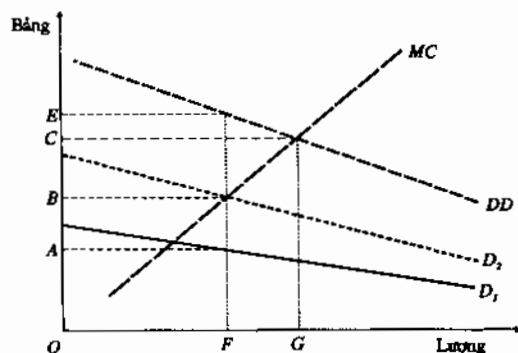
Giả sử cơ cấu thuế được sửa đổi sao cho thu nhập trên 5000£ bị đánh thuế 30% như trước đây, nhưng thuế suất tăng lên 50% cho thu nhập trên 10000£.

(c) Tính thuế suất cận biên và trung bình ở các mức thu nhập như ở câu (a).

(d) Thuế này là lũy tiến nhiều hơn hay ít hơn trước đây?

**3** Bài tập này liên quan đến thị trường về hàng hóa công cộng. Ở Hình 16-1,  $D_1$  và  $D_2$  biểu thị các đường cầu về hàng hóa này của hai cá nhân; chúng ta giả định rằng với mỗi cá nhân đường cầu biểu thị lợi ích cận biên của đơn vị cuối cùng của hàng hóa công cộng. Đường MC biểu thị chi phí cận biên xã hội và tư nhân của việc sản xuất hàng hóa công cộng này.

**Hình 16-1** Đường cầu về hàng hóa công cộng thuần túy

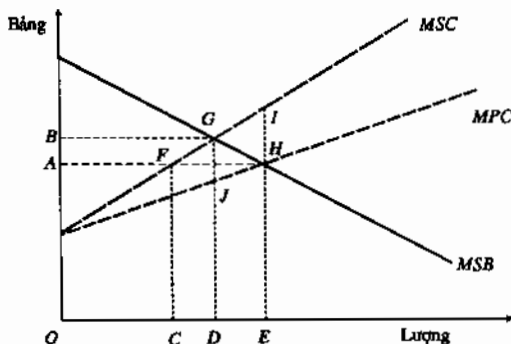


- (a) Nếu DD biểu thị lợi ích xã hội cận biên đạt được từ hàng hóa đó thì mối quan hệ giữa DD và  $D_1$  và  $D_2$  phải là gì?
- (b) Nếu số lượng được sản xuất ra được cho bởi OF thì giá trị trên một đơn vị mà cá nhân thứ nhất đặt cho hàng hóa là gì?
- (c) Nếu cá nhân thứ nhất thực tế trả lượng tiền đó cho việc cung cấp hàng hóa đó thì cá nhân thứ hai sẽ phải trả bao nhiêu?
- (d) Lợi ích xã hội cận biên của OF đơn vị hàng hóa này là bao nhiêu?
- (e) Lợi ích xã hội cận biên so với chi phí xã hội cận biên trong trường hợp này như thế nào?
- (f) Số lượng hiệu quả về mặt xã hội của hàng hóa này là bao nhiêu?

**4** Hình 16-2 biểu thị thị trường một hàng hóa trong đó có ảnh hưởng hưởng ngoại tiêu cực của sản xuất làm cho chi phí xã hội cận biên (MSC) cao hơn chi phí tư nhân cận biên (MPC). MSC biểu thị

lợi ích xã hội cận biên thu được từ việc tiêu dùng hàng hóa đó.

**Hình 16-2** Thị trường một hàng hóa trong đó có ảnh hưởng hưởng ngoại tiêu cực của sản xuất



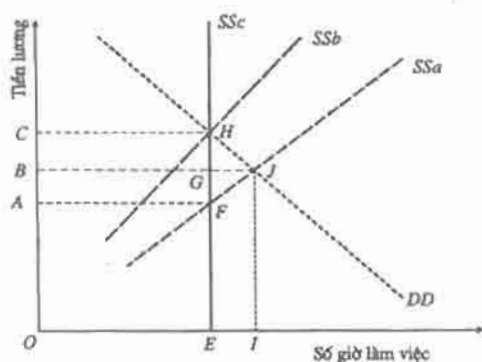
- (a) Nếu thị trường này không bị điều tiết, thì số lượng hàng hóa sẽ được sản xuất ra là bao nhiêu?
- (b) Số lượng hiệu quả về mặt xã hội là gì?
- (c) Lượng mất không đổi với xã hội là bao nhiêu nếu số lượng của thị trường tự do được sản xuất ra?
- (d) Mức thuế là bao nhiêu đánh vào hàng hóa sẽ đảm bảo rằng số lượng hiệu quả về mặt xã hội sẽ được sản xuất ra?
- (e) Hãy nêu một ví dụ về tình huống trong đó phân tích này có thể là thích hợp.

**5** Một hãng đang sản xuất một loại hàng hóa nhất định có chi phí cận biên tư nhân không bằng chi phí cận biên xã hội. Bước nào trong các bước sau đây chính phủ có thể thực hiện để làm tăng phúc lợi kinh tế?

- (a) Đánh thuế hãng nếu chi phí xã hội thấp hơn chi phí tư nhân của nó.
- (b) Trợ cấp cho hãng nếu chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân của nó.
- (c) Đánh thuế hãng nếu chi phí xã hội cao hơn chi phí tư nhân của nó.
- (d) Trợ cấp cho các hãng khác trong cùng ngành nếu chi phí tư nhân của chúng thấp hơn chi phí xã hội.

**6** Hình 16-3 (ở trang sau) biểu thị một vị trí trong thị trường lao động. DD là đường cầu lao động; SSa, SSb và SSc là các đường cung lao động - nhưng bây giờ hãy bỏ qua SSc. “Đơn giá tiền lương” ở đây coi là đơn giá tiền lương tổng. Giả sử rằng thuế đánh vào đơn giá tiền lương được áp đặt.

- (a) Trong hai đường SSa và SSb đường nào biểu thị cung lao động không có thuế và đường nào biểu thị tình huống sau thuế?
- (b) Cân bằng thị trường lao động không có thuế là gì?
- (c) Thuế có ảnh hưởng gì đến số giờ làm việc?

**Hình 16-3** Thuế đánh vào đơn giá tiền lương

- (d) Trong tình huống này, đơn giá tiền lương hàng trả là bao nhiêu?
- (e) Đơn giá tiền lương các công nhân nhận được là bao nhiêu?
- (f) Diện tích nào biểu thị doanh thu thuế?
- (g) Diện tích nào biểu thị mất không?
- (h) Hãy xác định các diện tích biểu thị phân chia gánh nặng thuế giữa công nhân và người sử dụng lao động.

Bây giờ, giả sử rằng cung lao động là hoàn toàn không co giãn ở  $SSc$  và thuế  $AC$  được đặt ra:

- (i) Đơn giá tiền lương hàng trả là bao nhiêu?
- (j) Đơn giá tiền lương các công nhân nhận được là bao nhiêu?
- (k) Diện tích nào biểu thị doanh thu thuế?
- (l) Diện tích nào biểu thị mất không?
- (m) Hãy xác định các diện tích biểu thị phân chia gánh nặng thuế giữa công nhân và người sử dụng lao động.

**7** Việc cung cấp một số dịch vụ công cộng được chính phủ trung ương giao cho các nhà chức trách địa phương, cùng với một số trách nhiệm gọi vốn để tài trợ các hoạt động này. Mô hình Tiebout khuyến nghị các phạm vi quyền hạn pháp lý của chính phủ địa phương. Lập luận nào sau đây ủng hộ mô hình Tiebout?

- (a) Mọi người khác nhau và không muốn được đối xử như nhau.
- (b) Hàng hóa công cộng mang tính không loại trừ.
- (c) Đặt giá khác nhau về các tiện nghi như phòng trưng bày nghệ thuật cho các cư dân và những người không phải là cư dân là khó áp dụng.
- (d) Mọi người cảm thấy chính phủ trung ương ở xa với các mong muốn của họ.
- (e) Các cư dân chủ yếu tiêu dùng những dịch vụ công cộng được cung cấp bởi những nhà chức trách địa phương của họ.
- (f) Quyền hạn lớn hơn có thể làm cho những ảnh hưởng hưởng ngoại được nội hóa.
- (g) Quyền hạn ít hơn tối đa hóa những sự lựa chọn của mọi người.

**8** Bảng 16-1 biểu thị các nguồn của doanh thu thuế trong các nước trên thế giới. Hãy nghiên cứu các số liệu này. Chúng bộc lộ gì về cách tạo doanh thu của các chính phủ ở những nơi khác nhau trên thế giới?

### Dúng/Sai

- 1** Chi tiêu của chính phủ vào những khoản trợ cấp tăng nhanh hơn thu nhập quốc dân từ năm 1956 và tiếp tục như thế.
- 2** Thuế thu nhập là lũy tiến vì thuế suất cận biên cao hơn thuế suất trung bình.
- 3** Cái tạo ra doanh thu lớn nhất của chính phủ ở Liên hiệp Anh năm 2004 là thuế đánh vào hàng hóa.
- 4** Trận đấu bóng đá là hàng hóa công cộng.
- 5** Các khoản thanh toán bảo hiểm xã hội làm hại đến hiệu quả xã hội bởi các tài nguyên gần cạn kiệt lẽ ra có thể sử dụng hiệu quả hơn trong khu vực tư nhân.
- 6** Thuế thu nhập đã không được đưa ra trong thời bình ở Liên hiệp Anh cho đến tận những năm 1840.

**Bảng 16-1** Các nguồn của doanh thu thuế, 2004 (% của tổng số)

	UK	Bolivia	Cameroon	Ấn Độ	Malaysia	Hàn Quốc	Zambia
Thu nhập, lợi nhuận, lãi vốn	38,9	3,8	23,5	29,2	45,6	35,9	35,4
Đóng bảo hiểm xã hội	18,6	9,9	0,0	0,0	1,5	8,7	0,0
Tài sản	7,0	15,4	1,6	0,1	0,6	2,6	0,2
Hàng hóa và dịch vụ trong nước	35,3	59,7	34,8	38,5	31,8	37,0	51,6
Thương mại quốc tế	0,1	10,1	38,1	32,0	15,1	7,4	12,8
Khác	0,1	1,1	2,0	0,2	5,4	8,4	0,0

Nguồn: Government Financial Statistics Yearbook 2003.

**7** Hàng hóa công cộng phải được chính phủ sản xuất.

**8** Nguyên lý cơ bản của thuế thu nhập là “nguyên lý lợi ích”.

**9** Thuế đánh vào thuốc lá có xu hướng lũy thoái theo ảnh hưởng của nó.

**10** Đường Laffer biểu thị, với nhiều nước “chính phủ lớn-thuế lớn”, giảm thuế suất sẽ làm tăng doanh thu thuế.

**11** Thuốc lá là hàng hóa phi khuyến dụng.

**12** Việc hội nhập kinh tế chặt chẽ hơn với các nước khác làm xói mòn chủ quyền của các quốc gia.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Brown từ chối các bữa tiệc linh đình trước bầu cử

(Theo BBC News Online, 6 tháng 6 năm 2004)

Gordon Brown đã báo cho các bộ trưởng biết là ông ta sẽ không đến “các bữa tiệc linh đình và trách nhiệm trước bầu cử”.

Ông Brown nói ở bữa tối với chủ tịch CBI ở London: “Trong quá khứ vào những thời điểm như thế này trong chu kỳ chính trị và kinh tế - và tôi nhớ lại giữa những năm 1970, giữa những năm 1980, và đầu những năm 1990 - chính phủ của cả hai đảng đã nói lung các kỷ luật tài chính của mình và đi đến tăng mức chi tiêu vào những bữa tiệc linh đình trước bầu cử”.

“Trong Tạp chí Chi tiêu tuần tới, sẽ không có những ấn định nhanh ngắn hạn nhất, những chi tiêu vô trách nhiệm cho những bữa tiệc linh đình trước bầu cử, sự tập trung tàn nhẫn vào những ưu tiên và không nói lung kỷ luật tài chính của chúng ta. Chúng ta sẽ tiếp tục thỏa mãn những quy tắc tài chính nghiêm ngặt của chúng ta. Do đó chi tiêu hiện thời sẽ tăng không nhiều hơn mức trung bình 2,5% theo biến thực tế trong giai đoạn 2006 và 2008”.

### Câu hỏi

**1** Phát biểu này của Gordon Brown có phải là một ví dụ về tầm quan trọng của cam kết và độ tin cậy trong xây dựng chính sách không?

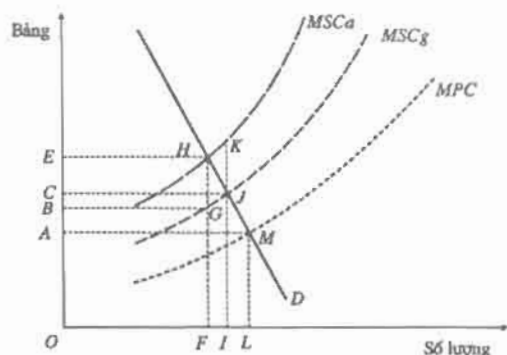
**2** Bạn nghĩ kiểm soát chi tiêu hay lượng tiền chi vào y tế và giáo dục được ưu tiên hơn?

### Câu hỏi tư duy

**1** Bạn kỳ vọng việc thay đổi chính sách từ đánh thuế trực tiếp sang gián tiếp sẽ ảnh hưởng đến thu nhập như thế nào?

**2** Khi tìm cách điều tiết ảnh hưởng hướng ngoại, các nhà chức trách có một lựa chọn chính sách. Một là thực hiện hành động ở phía số lượng của thị trường, có thể bằng việc điều tiết trực tiếp hoặc bằng việc bán giấy phép. Hai là, họ có thể chọn ảnh hưởng đến giá thị trường, hoặc bằng đánh thuế hoặc bằng đặt giá trực tiếp. Vấn đề này xem xét các tình huống trong đó lựa chọn này là quan trọng, vì các nhà chức trách có kiến thức không hoàn hảo về các điều kiện thị trường. Trước hết hãy xem xét Hình 16-4.

**Hình 16-4** Kiểm soát giá hay sản lượng: 1



Ở đây DD biểu thị đường cầu thị trường và MPC biểu thị chi phí tư nhân cận biên. Giá sử các nhà chức trách biết vị trí của D và rằng chi phí xã hội cận biên (MSC) cao hơn chi phí tư nhân cận biên (MPC), nhưng không chắc về vị trí của MSC. Đặc biệt, giá sử rằng họ nhận thức MSC ở MSCg, mặc dù thực tế MSCa biểu thị mức thực tế.

- Kết hợp giá và lượng nào là mong muốn về mặt xã hội?
- Chính phủ sẽ nhằm vào kết hợp nào?
- Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách đặt giá?
- Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách quy định sản lượng?
- Việc thực hiện chính sách nào có là vấn đề quan trọng không?

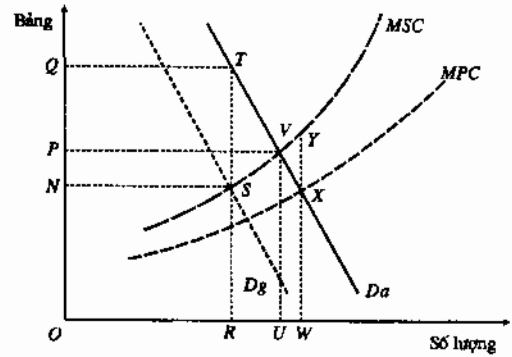


## Chương 16: Thu và chi của chính phủ

Bây giờ giả sử rằng chính phủ biết mức chi phí xã hội cận biên “thực” (MSC trong Hình 16-5), nhưng không biết chắc về cấu thị trường. Đa trong Hình 16-5 là đường cầu thị trường thực, nhưng chính phủ nhận thức nó ở  $Dg$ .

- (f) Kết hợp giá và lượng nào là mong muốn về mặt xã hội?
- (g) Chính phủ sẽ nhằm vào kết hợp nào?
- (h) Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách đặt giá?
- (i) Mất không sẽ là gì nếu thực hiện chính sách quy định sản lượng?
- (j) Việc thực hiện chính sách nào có là vấn đề quan trọng không?

**Hình 16-5** Kiểm soát giá hay sản lượng: 2



## Chương 17

# Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh

### Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Chính sách cạnh tranh và chính sách ngành triệt tiêu thất bại của thị trường
- Bằng phát minh sáng chế đẩy mạnh đầu tư vào R&D như thế nào
- Thất bại của thị trường trong các ngành non trẻ và lâu đời
- Ảnh hưởng hướng ngoại của vị trí
- Thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất
- Chi phí xã hội của độc quyền
- Các nguyên lý phía sau chính sách cạnh tranh của Liên hiệp Anh
- Các kiểu sáp nhập và tại sao xảy ra sự bùng nổ sáp nhập
- Điều tiết những sáp nhập tiềm tàng

### Nội dung nghiên cứu chính

Tiếp sau chương 8 và 9 về cấu trúc thị trường, bây giờ chúng ta cần xem xét cách chính phủ có thể xây dựng các chính sách để *hỗ trợ hoặc kiểm soát quá trình cạnh tranh*. Ba lĩnh vực lớn đòi hỏi sự chú ý của bạn:

- 1 Chính sách ngành là gì?
- 2 Những hệ quả không mong muốn của độc quyền là gì?
- 3 Chính sách cạnh tranh là gì?

Nội dung trong sách lý thuyết đã xem xét từng chủ đề này và các bài tập sau sẽ giúp bạn phát triển hiểu biết của mình.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a Ủy ban cạnh tranh
- b Sáp nhập ngang
- c Tập trung ngành
- d Gánh nặng mất không
- e Sáp nhập dọc
- f Ảnh hưởng hưởng ngoại của vị trí
- g Đấu giá thôn tính
- h R&D
- i Sáp nhập khối
- j Chính sách cạnh tranh
- k "Hót vàng"
- l Hệ thống bằng phát minh sáng chế
- m Chính sách ngành
- n Thặng dư tiêu dùng
- o Thặng dư sản xuất

- 1 Một tổ chức chính phủ được thành lập để nghiên cứu xem liệu độc quyền có làm giảm cạnh tranh không.
- 2 Một liên minh tự nguyện của hai hãng mà có các hoạt động sản xuất không liên quan với nhau.
- 3 Một tình huống trong đó một hãng chào mua các cổ phần của hãng khác.
- 4 Một bộ phận của chính sách kinh tế của chính phủ nhằm làm tăng hiệu quả kinh tế bằng việc thúc đẩy hoặc bảo hộ cạnh tranh giữa các hãng.
- 5 Một tình huống trong đó người gia nhập mới vào thị trường độc quyền trước đây chỉ thôn tính những bộ phận kinh doanh có lãi của doanh nghiệp nhờ đó làm xói mòn tính kinh tế của quy mô ở nơi nào đó khác.
- 6 Một liên minh giữa hai hãng ở các giai đoạn sản xuất khác nhau trong cùng một ngành.
- 7 Tổn thất của xã hội do tính phi hiệu quả phân bổ của cạnh tranh không hoàn hảo.
- 8 Chính sách kinh tế của chính phủ nhằm triệt tiêu ảnh hưởng hưởng ngoại làm ảnh hưởng đến các quyết định sản xuất của các hãng.
- 9 Một tình huống trong đó một ngành trở nên tập trung vào một số hãng.
- 10 Chênh lệch giữa lợi ích và chi phí tiêu dùng.
- 11 Một hoạt động được thực hiện bởi các tổ chức tư nhân và công cộng để tìm ra và phát triển các sản phẩm, quy trình và công nghệ mới.
- 12 Một liên minh giữa hai hãng ở cùng một giai đoạn sản xuất trong cùng một ngành.
- 13 Một tình huống trong đó đường chi phí của một hãng phụ thuộc vào sự gắn gũ của các hãng tương tự khác.
- 14 Chênh lệch giữa doanh thu và tổng chi phí.
- 15 Độc quyền hợp pháp tạm thời được trao cho người phát minh đăng ký phát minh.

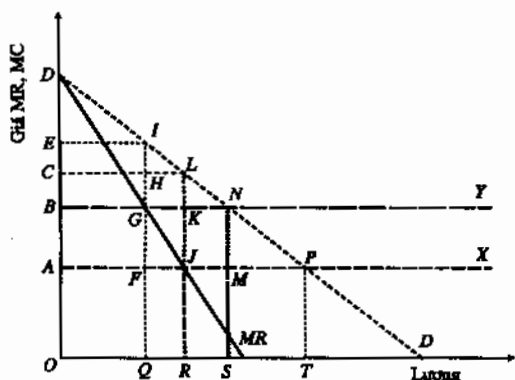
### Bài tập

- 1 Hãy xác định mỗi trường hợp dưới đây là sáp nhập dọc, ngang hay khối:
- (a) Liên minh của một nhà sản xuất ôtô với nhà sản xuất lốp.

- (b) Liên minh của một nhà sản xuất ôtô với nhà phân phối lẻ ôtô.
- (c) Liên minh của công ty thuốc lá với hãng mỹ phẩm.
- (d) Liên minh của hai hãng sản xuất sợi nhân tạo.

**2** Trong Hình 17-1, DD là cầu thị trường về một hàng hóa. Được tổ chức như thị trường cạnh tranh. BY biểu thị đường chi phí cận biên dài hạn, nhà độc quyền gặp đường chi phí cận biên (và chi phí trung bình) dài hạn AX.

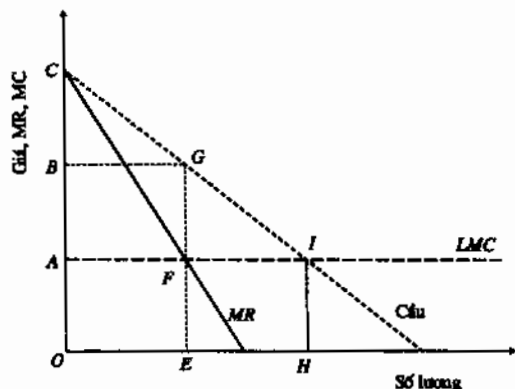
**Hình 17-1** Độc quyền và cạnh tranh



- Giá và sản lượng của ngành cạnh tranh là gì?
- Giá và sản lượng trong độc quyền là gì?
- Mất không đối với người tiêu dùng do độc quyền so với ngành cạnh tranh là gì?
- Diện tích nào biểu thị phần tiết kiệm chi phí của độc quyền?
- Diện tích nào biểu thị lợi nhuận độc quyền?
- Giải thích tại sao ngành độc quyền và ngành cạnh tranh có thể gặp các điều kiện chi phí khác nhau.

**3** Hình 17-2 biểu thị một ngành hoạt động như độc quyền, với chi phí cận biên dài hạn được cho bởi LMC.

**Hình 17-2** Độc quyền và thặng dư tiêu dùng



- Xác định giá và sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
- Diện tích nào biểu thị thặng dư tiêu dùng trong tình huống này?

- Diện tích biểu thị thặng dư sản xuất là gì?
- Thặng dư xã hội là gì?
- Kết hợp giá - sản lượng trong cạnh tranh hoàn toàn (giả định rằng ngành vẫn gặp các điều kiện chi phí như trước) là gì?
- Thặng dư tiêu dùng trong tình huống này là gì?
- Thặng dư sản xuất là gì?
- Thặng dư xã hội là gì?
- Vị trí tối đa hóa tổng thặng dư xã hội là gì?

**4** Trường hợp nào sau đây là “lạc lõng” đối với những đề xuất sáp nhập?

- Air France/Sabena.
- Alcatel/Telettra.
- Aerospatiale/Alenia/De Havilland.
- Renault/Volvo.
- Courtaulds/SHIA.

**5** Trường hợp nào sau đây có thể giải thích tại sao một hãng muốn thực hiện sáp nhập khối?

- Muốn giữ thị phần cho sản phẩm chính của mình.
- Muốn có được sự kiểm soát đối với các nguồn cung nguyên liệu thô của mình.
- Muốn loại bỏ cạnh tranh từ các hãng nước ngoài.
- Muốn đa dạng hóa và mở rộng chuỗi sản phẩm của mình.
- Muốn giảm sự phụ thuộc vào các nguồn cung ứng lao động có tay nghề.

Tại sao số lượng sáp nhập khối tăng so với các dạng sáp nhập khác vào cuối những năm 1980?

**6** Trường hợp nào sau đây có thể giải thích tại sao hãng thực hiện sáp nhập ngang?

- Muốn đạt được hoặc mở rộng sức mạnh độc quyền.
- Muốn khai thác tính kinh tế hướng ngoại của quy mô.
- Muốn đa dạng hóa và mở rộng chuỗi sản phẩm.
- Muốn đạt được sự kiểm soát đối với các nguồn cung nguyên liệu thô của mình.

**7** Trường hợp nào sau đây có xu hướng làm tăng sức mạnh độc quyền của hãng?

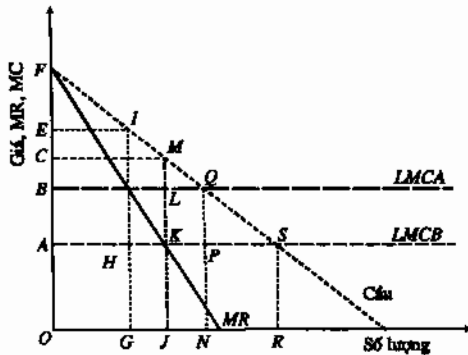
- Tập trung sản xuất vào một số ít các nhà máy của ngành.
- Hết hạn bằng phát minh sáng chế.
- Đa dạng hóa thành một chuỗi lớn hơn các dòng sản phẩm.
- Tăng lợi nhuận độc quyền.
- Giảm chi phí quảng cáo.

## Chương 17: Chính sách ngành và chính sách cạnh tranh

(f) Giảm co giãn chéo của cầu theo giá đối với sản phẩm của hãng.

**8** Một thị trường đã hoạt động như độc quyền trong nhiều năm, với sự bảo vệ của rào cản gia nhập. Tình huống thị trường được biểu thị ở Hình 17-3.

**Hình 17-3** Độc quyền và tính phi hiệu quả - X



(a) Đường nào trong các đường LMC trên có khả năng xảy ra nhất?

(b) Kết hợp giá - sản lượng tối đa hóa lợi nhuận là gì?

(c) Xác định thặng dư tiêu dùng trong tình huống này. Giả sử bây giờ thị trường mở ra cho cạnh tranh:

(d) Điều này có thể ảnh hưởng đến chi phí như thế nào?

(e) Khi đó kết hợp giá - sản lượng có thể xảy ra trong cạnh tranh là gì?

(f) Thặng dư tiêu dùng trong tình huống này là gì?

(g) Xã hội được lợi hơn ở chỗ nào?

**9** Yếu tố nào trong các yếu tố sau có thể coi là ảnh hưởng đến thiệt hại xã hội của độc quyền?

(a) Co giãn của cầu về hàng hóa.

(b) Độ dốc của chi phí cận biên.

(c) Các nguồn sử dụng để tạo ra và duy trì các rào cản gia nhập, bằng quảng cáo, duy trì công suất thừa và v.v...

(d) Ảnh hưởng chính trị thuộc về công ty lớn với sức mạnh độc quyền.

(e) Ảnh hưởng của lợi nhuận độc quyền đến việc phân phối các tài nguyên.

**10** Dưới đây là một số các hành động chính trị. Hãy xác định mỗi hành động thuộc chính sách cạnh tranh hay chính sách ngành.

(a) Gửi đến Ủy ban Cạnh tranh về một hãng cung cấp nhiều hơn 25% tổng thị trường về một hàng hóa cụ thể.

(b) Xúc tiến R&D.

(c) Sự hỗ trợ đối với một hãng trong cạnh tranh quốc tế mang tính chiến lược.

(d) Trợ cấp cho ngành công nghệ cao đang hình thành.

(e) Hệ thống bằng phát minh sáng chế.

(f) Hạn chế cạnh tranh phi giá quá mức (ví dụ quảng cáo).

(g) Trợ cấp cho các ngành "suy thoái" trong các khu vực có thất nghiệp cao.

(h) Đưa ra ngoài luật các hiệp định cố định giá công khai giữa các hãng trong một ngành.

(i) Quốc hữu hóa.

### Đúng/Sai

**1** Mỗi hãng trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo đều hưởng một mức độ của sức mạnh độc quyền.

**2** Thiệt hại xã hội của độc quyền ở Liên hiệp Anh có thể tương đương với hơn 1/10 thu nhập quốc dân.

**3** Chính sách cạnh tranh? Liên hiệp Anh mang tính thực dụng hơn Mỹ.

**4** Độc quyền có thể đem lại lợi ích cho xã hội thông qua việc khai thác tính kinh tế của quy mô.

**5** Một trong các lợi ích tiềm tàng của hoạt động sáp nhập phải được xem xét ở Ủy ban cạnh tranh (độc quyền và sáp nhập) là không khuyến khích sáp nhập diễn ra.

**6** Chúng ta kỳ vọng rằng luật cho phép sáp nhập phải được xem xét ở Ủy ban cạnh tranh (độc quyền và sáp nhập) là không khuyến khích sáp nhập diễn ra.

**7** Các điều kiện chi phí của hãng luôn luôn không phụ thuộc vào vị trí và sự có mặt của các hãng khác.

**8** Thặng dư tiêu dùng là cái bạn còn lại cuối tháng.

**9** Ưu tiên cấp bằng phát minh sáng chế trước có thể được sử dụng như một hàng rào chiến lược ngăn chặn sự gia nhập.

**10** Chi tiêu của chính phủ vào R&D ở Liên hiệp Anh chủ yếu nhằm mục đích phát triển kiến thức

(thông qua các trường đại học) và ở phát triển sản phẩm và quy trình mới trong khu vực công nghiệp.

**11** Một phần quan trọng của chính sách ngành là trợ cấp các ngành non trẻ.

**12** Không nên trợ cấp bằng tiền; chính sách tốt hơn là trợ cấp các ngành suy giảm để bảo vệ việc làm.

### Kinh tế học trong thực tiễn

#### Tai họa cho người thông minh

(Theo Investment Chronicle, 7/5/2004)

Một nghiên cứu mới xác nhận cái mà các nhà đầu tư phải lưu ý từ việc bùng nổ các bong bóng công nghệ - rằng các công ty đổi mới không nên thực hiện khoản đầu tư lớn. Lợi nhuận tạo ra từ đổi mới rất nhỏ. "Chỉ một phần vô cùng nhỏ của lợi ích xã hội từ tiến bộ kỹ thuật trong thời kỳ 1948 - 2001 đến với những người sản xuất". William Nordhaus của trường đại học Yale kết luận trong một bài báo gần đây. Ông đã tính rằng chỉ 2.2% của giá trị chiết khấu hiện tại của lợi ích từ đổi mới đến với những người đổi mới. Các luồng còn lại đến với người tiêu dùng, dưới hình thức các sản phẩm mới hơn, rẻ hơn.

Như thế bởi vì lợi nhuận được tạo ra từ các ý tưởng mới là nhỏ và bị cạnh tranh làm biến mất rất nhanh. Ví dụ ở đỉnh cao của bong bóng, Etoys.com - một nhà bán lẻ đồ chơi trực tuyến - có vẻ là một ý tưởng tốt. Nhưng Toys-R-Us đã nhanh chóng bắt chước nó. Cả hai đều gặp khó khăn về tài chính.

#### Câu hỏi

**1** Với những phát hiện của William Nordhaus, có thể vận dụng gì cho chính sách cạnh tranh?

**2** Theo những phát hiện này, hãy đánh giá ảnh hưởng có thể xảy ra của chính sách ngành của Liên hiệp Anh hiện nay, chính sách tìm cách thúc đẩy kinh doanh và đổi mới.

### Câu hỏi tư duy

**1** Bạn cho rằng điều nào nghiêm trọng hơn đối với xã hội - tập trung hoá hay cấu kết?

**2** Năm 2003, Hội đồng EU kết tội giải bóng đá ngoại hạng Anh và Sky về việc hành động như một cartel về quyền truyền hình trực tiếp các trận bóng đá hạng nhất. Bạn có nghĩ rằng người tiêu dùng được lợi từ thị trường tự do trong ví dụ này không?

**3** Hãy xem xét thị trấn nơi bạn sống. Nếu bạn muốn mua một ngôi nhà, bạn sẽ đi đến đâu trong thị trấn? Nếu bạn muốn mua báo, bạn sẽ đi đến đâu?

Hãy bình luận sự khác nhau.

**4** Hãy tưởng tượng một ngày nắng và nắng vào giữa mùa hè. Hình 17-4 biểu thị bờ biển ở đó có những người tắm biển, được phân bố đều dọc bờ biển. Ở điểm K, có một kiốt bán kem. Một người bán kem vừa đến bờ biển này với một quầy lưu động, người này nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận bằng cách bán càng nhiều kem càng tốt. Kem của người này cùng nhãn hiệu và chất lượng như kem bán ở các kiốt khác, người này bán với giá giống thế. Người này nên chọn chỗ quầy lưu động của mình ở đâu trên bờ biển này. Câu trả lời của bạn sẽ khác thế nào nếu thay vì một kiốt cố định, có hai người bán với các quầy lưu động - họ sẽ chọn chỗ ở đâu?

**Hình 17-4** Hãy tưởng tượng bờ biển vào một ngày nắng nóng...



# Độc quyền tự nhiên: công cộng hay tư nhân?

## Mục tiêu nghiên cứu

Trong chương này, bạn cần nắm được những vấn đề sau:

- Vấn đề về độc quyền tự nhiên
- Quốc hữu hóa là một giải pháp cho vấn đề độc quyền tự nhiên
- Đặt giá bằng chi phí cận biên xã hội
- Phân tích chi phí - lợi ích xã hội về các quyết định đầu tư
- Giá hai phần và giá cao điểm
- Tư nhân hóa và sáng kiến tài chính tư nhân (PFI)
- Điều tiết độc quyền tự nhiên tư nhân
- Việc toàn cầu hóa giảm bớt độc quyền tự nhiên như thế nào

## Nội dung nghiên cứu chính

Chương này bao gồm một loạt các nội dung nghiên cứu:

- 1 Độc quyền tự nhiên là gì?
- 2 Sở hữu công cộng hiệu lực như thế nào trong việc xử lý độc quyền công cộng?
- 3 Sở hữu tư nhân hiệu lực như thế nào trong việc xử lý sở hữu công cộng?

Nội dung trong sách lý thuyết đã bao quát lần lượt các vấn đề và các bài tập sau sẽ hỗ trợ sự hiểu biết của bạn.

## Những khái niệm và thuật ngữ quan trọng

Hãy tìm các câu được đánh số phù hợp với mỗi khái niệm dưới đây:

- a** Điều tiết
- b** Tư nhân hóa
- c** Công nhân mua cổ phần để trở thành người sở hữu
- d** Hiệu quả phân bổ
- e** Sáng kiến tài chính tư nhân
- f** Hiệu quả sản xuất
- g** Đặt giá bằng chi phí cận biên
- h** Quốc hữu hóa
- i** Tỷ lệ chiết khấu
- j** Giá chào bán
- k** Mua chuộc điều tiết
- l** Độc quyền tự nhiên

- 1** Việc mua các công ty tư nhân khu vực công cộng.
- 2** Bán các công ty khu vực công cộng cho khu vực tư nhân.
- 3** Một ngành có tính kinh tế của quy mô lớn đến mức chỉ một hãng có thể tồn tại được.
- 4** Giá ở đó các cổ phần trong doanh nghiệp sẽ bị tư nhân hóa lúc đầu bán cho những nhà đầu tư; giá này thường dưới mức giá thị trường tự do được thiết lập vào ngày đầu tiên giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- 5** Các biện pháp áp dụng để đảm bảo rằng các công ty tư nhân hóa không thực hiện sai tình huống thị trường của mình.
- 6** Lãi suất sử dụng để tính giá trị hiện tại của các luồng lợi ích hoặc chi phí tương lai.
- 7** Tình huống trong đó các hãng ở trên đường chi phí thấp nhất có thể, do đó không có lãng phí.
- 8** Tình huống trong đó cân bằng của các hoạt động trong nền kinh tế là hiệu quả Pareto làm cho không có sự phân bổ lại tài nguyên nào có thể làm tăng phúc lợi xã hội.
- 9** Cách dẫn tới khu vực tư nhân có thẩm quyền tài trợ và quản lý các dự án công cộng.
- 10** Tình huống trong đó nhà điều tiết dần dần đi đến đồng nhất với lợi ích của hãng mà mình điều tiết, cuối cùng trở thành quán quân của nó chứ không phải người giám sát nó.
- 11** Hệ thống giá trong đó những người sử dụng trả giá bằng chi phí sản xuất cận biên; một hệ thống không tồn tại được đối với độc quyền tự nhiên tư nhân, vì hãng sẽ phải chịu lỗ.
- 12** Tư nhân hóa với tất cả các cổ phần bán cho công nhân của xí nghiệp, chẳng hạn như National Freight Corporation.

### Bài tập

- 1** Lý do nào sau đây ủng hộ cho việc quốc hữu hóa một ngành?
  - (a)** Tình huống độc quyền tự nhiên tồn tại, với tính kinh tế của quy mô lớn có nghĩa là chi phí trung bình nằm trên chi phí cận biên.
  - (b)** Ảnh hưởng hướng ngoại tồn tại, sao cho lợi ích xã hội từ việc cung cấp hàng hóa cao hơn lợi ích tư nhân mà vì nó những người sử dụng sẵn sàng thanh toán.
  - (c)** Có nhu cầu bảo vệ lợi ích của một số thành viên trong xã hội - những người có thể bị thiệt nếu

tối đa hóa lợi nhuận là tiêu chuẩn duy nhất đối với việc cung cấp dịch vụ.

- (d)** Các ngành cơ bản nhất định phải nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Lý do nào trong những lý do này bạn cho là đúng?

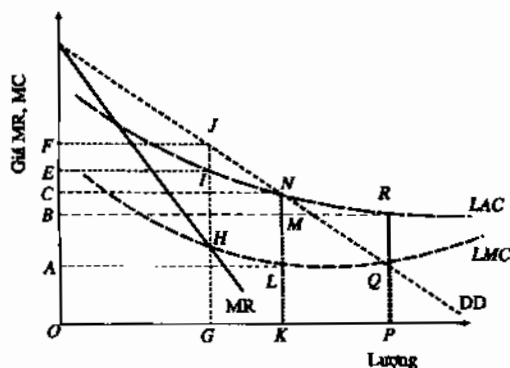
- 2** Ảnh hưởng nào trong những ảnh hưởng sau không bị cho là gắn liền với tư nhân hóa?
  - (a)** Tăng cạnh tranh - vì thế hạ thấp chi phí và giá.
  - (b)** Giảm sự can thiệp chính trị.
  - (c)** Tăng hiệu quả quản lý.



- (d) Giảm tiền vay của chính phủ để tài trợ chương trình chi tiêu của mình.
- (e) Giảm gánh nặng mất không.
- (f) Mở rộng lựa chọn của người tiêu dùng, vì các hãng tư nhân phải nhạy cảm hơn với cấu thị trường.

**3** Hình 18-1 minh họa một ngành là độc quyền tự nhiên, với đường chi phí trung bình dài hạn liên tục giảm.

**Hình 18-1** Độc quyền tự nhiên



- (a) Nếu ngành được điều hành bởi một nhà độc quyền tối đa hóa lợi nhuận không bị điều tiết thì giá và sản lượng nào sẽ được lựa chọn?
- (b) Mất không đối với xã hội của quyết định này là gì?
- (c) Mức lợi nhuận độc quyền sẽ là bao nhiêu?
- (d) Mức giá và sản lượng hiệu quả về mặt xã hội là bao nhiêu?
- (e) Nhà độc quyền sẽ hành động thế nào nếu chỉ được phép sản xuất ở điểm hiệu quả xã hội?

**4** Giả sử rằng bạn ở trong một cơ quan chức năng và đang định liệu việc tư nhân hóa một ngành trong phạm vi trách nhiệm của mình. Bạn hình thành những suy nghĩ sau. Hãy xác định mỗi suy nghĩ ủng hộ hay chống lại việc tư nhân hóa và đánh giá tính đúng đắn của chúng.

- (a) Ngành đã chịu lỗ liên tục trong một thời gian dài nhiều năm và do đó đã làm kiệt quệ ngân sách chính phủ.
- (b) Ngành có tính kinh tế của quy mô đáng kể và là độc quyền tự nhiên, do đó kỳ vọng bị lỗ. Tổng thể toàn xã hội được lợi từ tính kinh tế của quy mô, cái phải hy sinh nếu ngành được chia thành một số hãng nhỏ hơn.

- (c) Không có cạnh tranh, ngành hoạt động không hiệu quả bằng có cạnh tranh.
- (d) Nếu ngành bị tư nhân hóa, các cổ đông là một nhóm người đa dạng, họ không khuyến khích hiệu quả.
- (e) Tư nhân hóa sẽ làm cho ngành thoát khỏi sự can thiệp của chính phủ trong việc theo đuổi các mục đích chính trị khác nhau.
- (f) Duy trì ngành dưới sự kiểm soát công cộng sẽ là an toàn, đảm bảo rằng các nhóm nghèo trong xã hội được bảo vệ khỏi việc rút mất các dịch vụ.
- (g) Doanh thu thu được từ việc bán ngành này có thể được sử dụng để tài trợ vốn đầu tư cần thiết trong các bộ phận khác của khu vực công cộng.

Các lập luận nào khác có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ của bạn về vấn đề này? Cân đối lại, bạn sẽ quyết định tư nhân hóa hay giữ nguyên hiện trạng?

**5** Hãy đánh giá xem các ngành viễn thông, khí đốt, điện lực và cấp nước có nên tư nhân hóa không?

**6** Giả sử rằng bạn là người quản lý một hãng trong khu vực tư nhân đang cân nhắc một dự án đầu tư. Ba kế hoạch được trình lên. (các số liệu tính bằng triệu Bảng).

Dự án	Lợi ích tư nhân	Chi phí tư nhân	Ảnh hưởng hướng ngoại	
			Có lợi	Không có lợi
A	400	380	20	80
B	320	350	120	20
C	350	300	70	80

- (a) Nếu bạn nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận tài chính cho hãng của bạn thì bạn sẽ chọn dự án nào?
- (b) Giả sử rằng bạn biết rằng các cổ đông của bạn rất chú ý đến những con số doanh thu thành công chứ không phải là lợi nhuận lớn hơn (chúng nào không có thua lỗ tài chính). Bạn sẽ chọn dự án nào?
- (c) Bây giờ giả sử rằng cũng các dự án đó được trình lên người quản lý một ngành quốc hữu hóa. Dự án nào sẽ tối đa hóa phúc lợi cho xã hội?

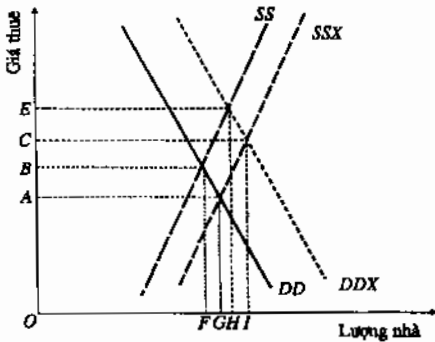
**7** Bài 3 đã nghiên cứu tình huống mà độc quyền tự nhiên tư nhân gặp phải nếu nó bị buộc sản xuất ở điểm hiệu quả về mặt xã hội. Bây giờ chúng ta mở rộng phân tích để xem ngành hoạt động thế nào nếu bị quốc hữu hóa.

- (a) Nếu ngành quốc hữu hóa sản xuất ở điểm hiệu quả về mặt xã hội (OP ở Hình 18-1), trợ cấp cần thiết là bao nhiêu?

- (b) Theo chương trình đặt giá 2 phần, phí cố định cần thiết là bao nhiêu nếu trợ cấp được thay thế bằng phí thu của người tiêu dùng?
- (c) Phí sử dụng cần thiết là bao nhiêu?
- (d) Mức giá và sản lượng nào ngành vừa đủ hòa vốn?
- (e) Mất không đối với xã hội ở điểm hòa vốn này là bao nhiêu?
- (f) Những người quản lý của ngành này có những động cơ để duy trì hiệu quả trong sản xuất không? Nếu không, điều này sẽ ảnh hưởng đến tình huống biểu thị ở Hình 18-1 như thế nào?

**8** Bài tập này nghiên cứu tính khuyến dụng tương đối của hai chương trình thay thế nhau về chính sách nhà ở công cộng: cung cấp nhà ở tập thể và phiếu thanh toán tiền thuê nhà. Hình 18-2 tóm tắt các điều kiện cung và cầu đối với hai chương trình này. Cân bằng ban đầu trong thị trường nhà ở được cho bởi đường cầu DD và đường cung SS.

**Hình 18-2** Nhà ở tập thể hay thanh toán tiền thuê nhà?



- (a) Trong tình huống “không có chính sách” này, hãy xác định giá thuê và số lượng nhà thuê cân bằng.
- (b) Giả sử rằng bây giờ nhà chức trách địa phương phát hành các phiếu thanh toán tiền thuê nhà cho các gia đình nghèo. Sử dụng Hình 18-2, hãy mô tả phản ứng của thị trường nhà cho thuê và xác định giá thuê và số lượng nhà thuê cân bằng mới.
- (c) Giả sử rằng, thay vì phát hành phiếu thanh toán tiền thuê nhà, nhà chức trách địa phương cung cấp nhà tập thể. Thị trường sẽ phản ứng như thế nào và các mức cân bằng mới của giá thuê và số lượng nhà thuê là gì?
- (d) Chương trình nào trong hai chương trình này có ảnh hưởng lớn nhất đến lượng nhà thuê? Tại sao?
- (e) Hãy đánh giá tính khuyến dụng tương đối của hai chương trình này.

- 9** Hãy bình luận các lập luận kinh tế liên quan đến các đặc trưng của Sáng kiến Tài chính Tư nhân (PFI).
- (a) PFI là sự mở rộng tự nhiên của các cơ hội và các tài sản từ khu vực công cộng sang tư nhân diễn ra từ những năm 1980.
- (b) PFI cố gắng đưa sự cạnh tranh vào việc cung cấp cơ sở hạ tầng trước đây được coi là trách nhiệm của khu vực công cộng.
- (c) Mục đích là giảm lượng không hiệu quả X trong việc cung cấp hàng hóa công cộng.
- (d) PFI làm thay đổi vai trò của chính phủ trong việc cung cấp hàng hóa công cộng từ người sở hữu tài sản và người cung cấp trực tiếp các dịch vụ sang người mua dịch vụ từ khu vực tư nhân.
- (e) PFI làm cho các dự án cơ sở hạ tầng được hoàn thành nhanh hơn.
- (f) Khu vực tư nhân có xu hướng nhìn nhận rủi ro khác với các quan chức chính phủ.

### Đúng/Sai

- 1** Gánh nặng mất không của độc quyền tự nhiên có thể loại bỏ bằng việc buộc hãng đặt giá bằng chi phí trung bình dài hạn.
- 2** Kinh nghiệm việc bãi bỏ điều tiết trong ngành hàng không ở Mỹ cho thấy rằng loại bỏ các rào cản pháp lý đối với việc gia nhập đã khuyến khích cạnh tranh và dẫn đến giá thấp hơn và việc sử dụng cao hơn.
- 3** Để đảm bảo hiệu quả, các quyết định đầu tư của các ngành quốc hữu hóa phải được đưa ra với việc tham khảo lãi suất thị trường.
- 4** Đặt giá cao điểm là hệ thống phân biệt giá.
- 5** Các ngành quốc hữu hóa là đối tượng bị điều tiết sử dụng đáng kể tài nguyên vào việc cố gắng gây ảnh hưởng đến nhà điều tiết.
- 6** Các động cơ đối với những người quản lý tư nhân để trở nên hiệu quả là lớn vì các cổ đông thực sự và tiềm tàng giám sát hoạt động của họ một cách sát sao.
- 7** Các ngành tư nhân được miễn trừ khỏi sự can thiệp của chính phủ trong việc theo đuổi các mục đích chính trị.

- 8** Bản các tài sản nhà nước là cầm cố tương lai của đất nước.
- 9** Trong giai đoạn đến 1986, tất cả những chào bán cổ phần tư nhân hóa đều bị đặt giá thấp.
- 10** Thành công nhất trong những cuộc tư nhân hóa trước đây là những công ty gặp sự cạnh tranh đáng kể sau tư nhân hóa.

### Kinh tế học trong thực tiễn

118 người đồng tính nói thẳng với bạn: song sinh là dối trá

(Theo bài viết của Richard Wray, *The Guardian*, 19/6/2004)

Những nam và nữ đồng tính nhận được dịch vụ tốt nhất từ dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại 118 mới từ khi thị trường mở cửa cạnh tranh từ mùa hè trước. 118-GAY - hay nữ hoàng của các dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại, như người quản lý Keyth đề cập đến nó - được cho điểm cao nhất cùng với 118355 của Telegate về độ chính xác 96% của chúng trong việc cung cấp các số điện thoại gia đình và doanh nghiệp. Tổng thể, gần 1 phần 10 những người gọi dịch vụ 118 nhận được thông tin không chính xác.

Nghiên cứu này cũng làm rõ sự nhầm lẫn phổ biến giữa những người tiêu dùng về số mới giá bao nhiêu và sự lo lắng rơi vào nhiều người sử dụng dịch vụ này. Một nghiên cứu ngầm của Ofcom về khách hàng đã cho thấy rằng vẫn có sự khác nhau lớn trong giá cả, với các cuộc gọi mất từ 27 đến 65p. Gần nửa những người tiêu dùng tin rằng các dịch vụ đắt hơn 40 đối với cuộc gọi số 192 cũ của BT. Do đó, những người tiêu dùng từ bỏ 118.

### Câu hỏi (Tiếp theo)

- 1** Cạnh tranh tăng lên là mục đích then chốt đằng sau nhiều cuộc tư nhân hóa và bãi bỏ điều tiết; bạn có nghĩ cạnh tranh tăng lên đối với giải đáp danh bạ điện thoại là một ý tưởng tốt không?
- 2** Bạn còn có thể đưa cạnh tranh vào thị trường dịch vụ giải đáp danh bạ điện thoại bằng cách nào khác?

### Câu hỏi tư duy

- 1** Hãy bàn luận các động cơ mà những người quản lý doanh nghiệp trong khu vực công cộng và tư nhân gặp. Hãy xem xét tính hiệu quả tương đối của chúng và tiềm năng cho việc hoàn thiện.
- 2** Người ta lập luận rằng không chỉ có doanh thu trong ngắn hạn, mà còn có thể dẫn đến hiệu quả xã hội nếu các động cơ được hoàn thiện dẫn đến hiệu quả lớn hơn. Hãy đánh giá những lập luận này, và bàn luận xem liệu những lợi ích này và những lợi ích khác có được duy trì trong dài hạn không?